HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

TÌM HIỂU VỀ ĐÔNG NAM Á VÀ ASEAN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

TÌM HIỂU
VỀ ĐÔNG NAM Á
VÀ ASEAN

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

PGS.TS. NGUYỄN THẾ KỶ

Phó Chủ tịch Hội đồng

TS. HOÀNG PHONG HÀ

Thành viên

TRẦN QUỐC DÂN

TS. NGUYỄN ĐỨC TÀI

TS. NGUYỄN AN TIÊM

NGUYỄN VŨ THANH HẢO

Mã số: 3.30 / CTQG - 2015

HỒNG PHONG (Chủ biên)

TÌM HIỂU
VỀ ĐÔNG NAM Á VÀ ASEAN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đông Nam Á bao gồm mười một quốc gia với nhiều nét tương đồng về tự nhiên, văn hóa và xã hội, là một trong những khu vực phát triển năng động trên thế giới hiện nay.

Khu vực này có vị trí chiến lược đặc biệt, nằm án ngữ tuyến giao thông phát triển trên biển giữa Đông và Tây, đã từng là điểm nút của "con đường tơ lụa", phát triển nhất từ thế kỷ VII, cho đến nay vẫn được coi là con đường thương mại quốc tế không thể thay thế.

Người dân các nước trong khu vực có những phong tục, tập quán, tín ngưỡng rất gần gũi nhau, hầu hết các nước đều đã trải qua thời kỳ là thuộc địa của thế lực thực dân, đế quốc và đều giành được độc lập vào những thời điểm khác nhau sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Chính những điểm tương đồng này là yếu tố quan trọng thúc đẩy các quốc gia tăng cường quan hệ hợp tác với nhau, tập hợp trong một tổ chức thống nhất chặt chẽ: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, gọi tắt là ASEAN.

Qua gần 50 năm tồn tại và phát triển, trải qua biết bao thăng trầm, ASEAN được đánh giá là một tổ chức khu vực rất thành công, hợp tác chặt chẽ, có quan hệ

đối tác mật thiết với nhiều quốc gia và tổ chức quan trọng hàng đầu thế giới. Uy tín và vị thế của Hiệp hội ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế, tạo tiền đề cho những bước phát triển mạnh mẽ tiếp theo.

Với mong muốn cung cấp cho bạn đọc những thông tin và tư liệu cơ bản để nghiên cứu và tìm hiểu về khu vực và các nước trong khu vực, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật cho ra mắt bạn đọc cuốn sách ***Tìm hiểu về Đông Nam Á và ASEAN***. Nội dung cuốn sách gồm bốn phần chính:

- Phần thứ nhất: Khái quát Đông Nam Á
- Phần thứ hai: Các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á
- Phần thứ ba: Một số danh lam thắng cảnh, địa điểm du lịch nổi tiếng ở Đông Nam Á
- Phần thứ tư: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 11 năm 2015

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

MỤC LỤC

Trang

Lời Nhà xuất bản 5
KHÁI QUÁT ĐÔNG NAM Á 9
Địa lý tự nhiên 11
Địa lý xã hội 13
CÁC QUỐC GIA TRONG KHU VỰC ĐÔNG NAM Á 21
Brunây 23
Campuchia 30
Inđônêxia 38
Lào 46
Malaixia 53
Mianma 61
Philíppin 69
Thái Lan 76
Timo Lexte 83
Việt Nam 90
Xingapo 100
MỘT SỐ DANH LAM THẮNG CẢNH, ĐỊA ĐIỂM DU LỊCH NỔI TIẾNG Ở ĐÔNG NAM Á 107
Brunây 109
Campuchia 112

Inđônêxia 116
Lào 120
Malaixia 123
Mianma 129
Philíppin 132
Thái Lan 136
Timo Lexte 140
Việt Nam 141
Xingapo 148
HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN) 153
Khái quát về ASEAN 155
Các khuôn khổ hợp tác của ASEAN 177
Các tổ chức của ASEAN 178

KHÁI QUÁT ĐÔNG NAM Á

ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN

Lãnh thổ

Đông Nam Á là khu vực nằm ở phía đông nam lục địa Á - Âu, gồm hai bộ phận: bán đảo Trung - Ấn và quần đảo Mã Lai. Diện tích của khu vực Đông Nam Á khoảng 4,5 triệu km^2, bao gồm cả biển và đất liền.

Đông Nam Á bao gồm 11 quốc gia và là khu vực có vị trí độc đáo:

- Nằm gần như hoàn toàn trong vành đai nội chí tuyến, tức là vành đai nóng của địa cầu (giữa các vĩ tuyến $28^0$30 vĩ bắc và 11^0 vĩ nam và giữa các kinh tuyến 92^0 Nam và 141^0 Đông).

- Là khu vực có vị trí nằm trên các bán đảo và đảo, lãnh thổ bị chia cắt rất mạnh.

- Nằm ở vị trí bản lề, giữa một bên là khối lục địa Á - Âu rộng lớn, một bên là Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương mênh mông, là cầu nối giữa hai lục địa Á - Âu với Ôxtrâylia và châu Đại Dương và phân cách hai đại dương lớn là Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

- Là khu vực nằm trên ngã tư đường giao

thông quốc tế nên rất thuận lợi cho việc giao lưu giữa các nước trong khu vực cũng như với các nước trên thế giới.

Khí hậu, sông ngòi

Khí hậu Đông Nam Á thường được gọi là khí hậu nhiệt đới ẩm, được chia thành hai đới khác nhau:

Đới khí hậu xích đạo: bao gồm toàn bộ các đảo Sumatra, Kalimantan, Sulawesi, phần tây các đảo Java, Irina, phần nam bán đảo Malacca và đảo Mindanao. Đặc điểm của đới khí hậu này là nóng và ẩm ướt quanh năm. Nhiệt độ trung bình dao động từ 24 - 28^{0}C. Lượng mưa trung bình năm thường trên 2.000mm, trong đó có một số vùng ở Sumatra, Java đạt tới 4.000mm hoặc lớn hơn.

Đới khí hậu cận xích đạo gồm hai đới nằm ở phía bắc và phía nam đới khí hậu xích đạo. Đới phía bắc gồm phần lớn bán đảo Trung Ấn và gần như toàn bộ quần đảo Philíppin. Đới phía nam gồm phần đông đảo Java và toàn bộ quần đảo Sunda nhỏ. Ở các đới khí hậu này một năm có hai mùa rõ rệt: mùa hạ nóng, ẩm và mưa nhiều, nhiệt độ trung bình dao động từ 24^{0}C - 30^{0}C. Lượng mưa trung bình năm từ 1.500 - 2.000mm; mùa đông có gió mùa đông bắc đối với đới phía bắc và gió mùa đông nam với đới phía nam, nhiệt độ dao động từ 16^{0}C - 27^{0}C.

Với điều kiện khí hậu ẩm, mưa nhiều, Đông Nam Á là khu vực có mạng lưới sông, ngòi rất phát triển. Các sông lớn nhất là: Mê Công (4.500 km), Saluen (3.200 km), Irrawaddy (2.150 km), Mê Nam (1.200 km) và sông Hồng (1.126 km). Chế độ các sông thay đổi theo mùa rõ rệt: mùa đông nước cạn, mùa hạ thường có lũ lớn, nhất là ở những vùng chịu ảnh hưởng của bão.

Thực vật và động vật

Đông Nam Á có các kiểu rừng chính: rừng nhiệt đới ẩm thường xanh, rừng nhiệt đới rụng lá theo mùa hay còn gọi là rừng gió mùa, rừng thưa, xavan hay xavan cây bụi, rừng ngập mặn,...

Giới động vật Đông Nam Á cũng có thành phần loài phong phú. Trong rừng nhiệt đới ẩm thường xanh có khỉ, đười ươi, vượn, heo vòi, nhiều loài chim và bò sát,... Trong rừng gió mùa, rừng thưa và xavan cây bụi tập trung nhiều động vật ăn cỏ, ăn lá cây và động vật ăn thịt. Đáng chú ý nhất có: trâu rừng, linh dương, nai, bò tót, bò xám, tê giác một sừng, voi, hổ, báo, v.v.. Tất cả các loài này phân bố rộng cả ở bán đảo Trung - Ấn và bán đảo Mã Lai.

ĐỊA LÝ XÃ HỘI

Dân cư

Theo số liệu thống kê năm 2012, Đông Nam Á

có hơn 620 triệu người. Đông Nam Á là một trong các khu vực đông dân và có mật độ dân số cao của thế giới. Tỷ lệ tăng dân số trung bình hằng năm của khu vực khoảng 1,46% (năm 2012). Dân cư phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở đồng bằng, các vùng đất đỏ bazan, các thành phố và thị trấn, còn vùng rừng rậm và núi non hiểm trở thì rất thưa thớt.

Thành phần chủng tộc

Cư dân Đông Nam Á thuộc tiểu chủng Mongoloid phương Nam, được hình thành do sự hỗn chủng giữa đại chủng Mongoloid và Australoid. Tiểu chủng Mongoloid phương Nam lại phân thành 4 chủng khác nhau:

- Nam Á, gồm các tộc người Việt (Kinh), Tày, Thái, Lào, Mianma, Mã Lai, Khome,... ở bán đảo Trung Ấn; Vysai, Tagal, Java, Sunda, Madura,... ở quần đảo Mã Lai,

- Indonesien, gồm người Bru, Vân Kiều, Xơ Đăng, Ba Na, Gia Rai, Mơ Nông, Khơ Mú ở Việt Nam, Lào, Campuchia; người Bontok, Nabaloi, Iphugao, Kankanai, Sulu-Saman, Gianga,... ở Philíppin; người Bantak, Bugi, Makasara, Kenya, Punan, Baravan, ở Inđônêxia,

- Vedoid, phân bố nhiều ở Inđônêxia, gồm người Toala, Tokea, Loinanga ở Sulawesi, Oran

Batin ở Sumatra; Kayan, Manga ở Kalimantan, Senoi ở Malaixia,

- Negrito, chiếm một số lượng không đáng kể, gồm một số tộc người phân bố chủ yếu ở đảo Irian, ở Philíppin và ở cực nam bán đảo Trung - Ấn.

Ngôn ngữ

Ngôn ngữ của cư dân Đông Nam Á phân thành bốn ngữ hệ:

- Ngữ hệ Hán Tạng:

+ Nhóm ngôn ngữ Hán: đông nhất là Xingapo, Malaixia, ngoài ra còn có ở Việt Nam, Inđônêxia, Philíppin, Lào, Campuchia, Thái Lan.

+ Nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến: tập trung chủ yếu ở Mianma, ngoài ra còn một số ở miền núi phía tây Thái Lan, bắc Lào và một số ít ở tây bắc Việt Nam.

- Ngữ hệ Thái, gồm người Thái, Lào Thay, Tày, San, phân bố chủ yếu ở Thái Lan, Lào, miền núi phía bắc Việt Nam và đông bắc Mianma.

- Ngữ hệ Nam Á hay còn gọi là Á - Ôxtrâylia, gồm ba nhóm khác nhau: nhóm Việt - Mường, phân bố chủ yếu ở Việt Nam; nhóm Môn - Khơme, tập trung chủ yếu ở Campuchia, Lào, một số rải rác ở Mianma, Thái Lan và Việt Nam; nhóm Mông - Dao phân bố ở Việt Nam và một số ít ở Lào, Thái Lan và Mianma.

- Ngữ hệ Mã Lai - Đa Đảo hay ngữ hệ Nam Đảo. Thuộc ngữ hệ này gồm toàn bộ cư dân Inđônêxia, Philíppin và phần lớn người Malaixia, một số tộc người ở phía nam Thái Lan và vùng biên giới Việt Nam, Campuchia như Gia Rai, Raglai, Ê đê, Chăm,...

Tín ngưỡng, tôn giáo

Đông Nam Á là khu vực phát triển nông nghiệp lâu đời, tín ngưỡng phổ biến ở đây là thờ đa thần, thể hiện sự sùng bái tự nhiên; tín ngưỡng phồn thực nảy sinh trên cơ sở mong muốn duy trì cuộc sống, cầu cho con người sinh sôi nảy nở, mùa màng tươi tốt; tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ cúng thần linh thể hiện lòng biết ơn công lao sinh thành, nuôi dưỡng và bảo hộ cuộc sống cho mình,...

Đông Nam Á cũng là nơi tiếp xúc, hội nhập của các tôn giáo: Đạo Phật, đạo Hồi, đạo Thiên chúa. Các tôn giáo này khi xâm nhập vào Đông Nam Á, trong quá trình phát triển đều bị biến đổi theo hoàn cảnh địa phương như đạo Phật ở Việt Nam, đạo Thiên chúa ở Philíppin, đồng thời ở một số nước cách đây không lâu đã hình thành các tôn giáo mới như đạo Cao Đài, đạo Hòa Hảo ở Việt Nam.

Lịch sử phát triển của các quốc gia Đông Nam Á

Đông Nam Á là một trong những cái nôi phát sinh và tồn tại các nền văn hóa cổ nhất của loài người. Người ta còn cho rằng nghề trồng lúa nước đã xuất hiện ở khu vực này cách đây 4.000 - 5.000 năm trước Công nguyên.

Trong lịch sử phát triển của các dân tộc, Đông Nam Á cũng có nhiều quốc gia hùng mạnh, có nền kinh tế và văn hóa phát triển khá cao. Cho đến nay, các nước vẫn bảo tồn được không ít di tích văn hóa - lịch sử với những công trình kiến trúc đặc sắc như đền Borobudur, đền Prambanan ở Inđônêxia, đền Ăngco Vát, Ăngco Thom ở Campuchia, thánh địa Mỹ Sơn, hoàng thành Huế ở Việt Nam,...

Các nước Đông Nam Á trước đây đều là thuộc địa của các đế quốc phương Tây. Người Bồ Đào Nha đến chiếm Malacca (1511), đặt thương điếm ở Maluku (1520),... và kiểm soát các con đường buôn bán từ Ấn Độ Dương sang Thái Bình Dương; Tây Ban Nha đánh chiếm Philíppin từ năm 1564 đến 1571; Hà Lan đánh chiếm Inđônêxia từ năm 1605 đến 1623; Anh đánh chiếm Mã Lai (1786), Xingapo (1819), Mianma (1824 - 1825, 1853 và 1855); Pháp đánh chiếm Việt Nam, Lào và Campuchia (1858 - 1890) và cuối cùng Mỹ chiếm

lại Philíppin từ Tây Ban Nha vào năm 1898. Riêng Thái Lan đã giữ được độc lập, song nền độc lập của Thái Lan vẫn bị ràng buộc bởi các hiệp ước bất bình đẳng với đế quốc Anh, Pháp, Hà Lan, Đức, Mỹ, Nhật Bản. Cùng chung cảnh bị đô hộ, nền kinh tế và đời sống của nhân dân tất cả các nước trong khu vực đều bị kìm hãm trong cảnh nghèo nàn và lạc hậu.

Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) kết thúc đã dẫn tới những chuyển biến căn bản của tình hình thế giới và khu vực Đông Nam Á. Trải qua quá trình đấu tranh gay go, quyết liệt, từ những cuộc chiến tranh đẫm máu đến những cuộc thương thuyết hòa bình kéo dài hàng thập niên, các quốc gia Đông Nam Á đã lần lượt giành độc lập dân tộc và phát triển.

Những năm đầu sau khi giành độc lập, các nước Đông Nam Á đã trải qua quá trình lựa chọn, tìm kiếm con đường phát triển đi lên. Xuất phát từ những điều kiện lịch sử cụ thể, trong số các nước Đông Nam Á, nhóm các nước thành viên sáng lập ASEAN, bao gồm: Inđônêxia, Malaixia, Philíppin, Thái Lan và Xingapo tiến hành công nghiệp hóa sớm hơn so với các nước còn lại trong khu vực.

Nhìn chung, cho đến giữa thập niên 1970, các nước thành viên sáng lập ASEAN đều đạt được

những thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế, tốc độ tăng trưởng hằng năm đạt mức cao và liên tục. Đời sống xã hội có những chuyển biến căn bản.

Ở khu vực bán đảo Đông Dương, từ năm 1975, nhân dân hai nước Việt Nam, Lào bắt đầu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện hòa bình và bước đầu đạt được những thành tựu nhất định về kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, với xuất phát điểm thấp, nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ, manh mún, cùng với những hậu quả của chiến tranh, cả hai nước đều phải đương đầu với không ít khó khăn trong quá trình xây dựng và phát triển. Thêm vào đó, do vấn đề Campuchia, các thế lực đế quốc bên ngoài đã tiến hành bao vây, cấm vận kinh tế và cô lập về chính trị Việt Nam trong một thời gian dài. Từ năm 1986, Việt Nam và Lào bắt đầu thực hiện công cuộc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, nhằm giải phóng mọi năng lực sản xuất và chuẩn bị điều kiện cho những bước tiến dài trong thập niên 1990.

Ở Campuchia, đất nước đã hồi sinh với sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam. Từ năm 1989, nhân dân Campuchia bước vào thời kỳ xây dựng đất nước trong điều kiện cuộc đấu tranh chống lại các thế lực phản động vẫn tiếp diễn.

Như vậy, qua mấy chục năm trở lại đây, nhờ những đổi mới về con đường phát triển, các nước Đông Nam Á, tùy theo mức độ khác nhau đã đạt được những thành tựu kinh tế đáng kể, đời sống và bộ mặt xã hội của các quốc gia trong khu vực đã đổi thay ngày càng tích cực hơn. Đặc biệt ASEAN, tổ chức khu vực ngày càng lớn mạnh, đóng vai trò trung tâm trong quá trình tiến tới hình thành Cộng đồng ASEAN 2015, phấn đấu cho một Đông Nam Á hòa bình, ổn định, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau là điều kiện cho sự phát triển của mỗi nước.

CÁC QUỐC GIA TRONG KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

BRUNÂY
Brunây Đarusalam
(Brunei Darussalam)

ĐIỀU KIỆN ĐỊA LÝ - TỰ NHIÊN

Vị trí Nằm ở Đông Nam Á, giáp Biển Đông và Malaixia.

Nằm sát tuyến đường biển rất quan trọng đi xuyên qua Biển Đông, nối Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.

Tọa độ địa lý 4°30 vĩ bắc, 114°40 kinh đông.

Địa hình Đồng bằng ven biển bằng phẳng với các ngọn núi ở phía đông; vùng đất thấp có nhiều đồi núi ở phía tây.

Khí hậu Nhiệt đới; nóng, ẩm, nhiều mưa. *Nhiệt độ* trung bình hằng tháng: 24 - 30°C. *Lượng mưa* trung bình hằng năm: 2.500 mm ở vùng ven biển và 5.000 mm ở sâu trong nội địa.

Tài nguyên thiên nhiên Dầu mỏ, khí tự nhiên, gỗ.

Thiên tai Đôi khi có bão to, động đất và lũ lụt.

Các vấn đề về môi trường Khói hoặc sương

mù theo mùa do hậu quả của các đám cháy rừng ở Inđônêxia.

Diện tích

tổng cộng	5.765 km², xếp thứ 173
mặt đất	5.265 km²
mặt nước	500 km²
Biên giới đất liền	266 km
Đường bờ biển	161 km

Số dân (ước tính tháng 7-2015): 429.646 người, xếp thứ 175

Cơ cấu dân số (ước tính 2015)

0-14 tuổi: 23,82% (nam 52.750/nữ 49.579)

15-24 tuổi: 17,13% (nam 36.485/nữ 37.127)

25-54 tuổi: 46,9% (nam 97.228/nữ 104.286)

55-64 tuổi: 7,88% (nam 17.366/nữ 16.470)

65 tuổi trở lên: 4,27% (nam 8.925/nữ 9.430)

Tỷ lệ tăng dân số (ước tính 2015): 1,62%, xếp thứ 72

Độ tuổi trung bình (ước tính 2015): 29,6 tuổi

nam	29,2 tuổi
nữ	29,9 tuổi

Mật độ dân số 80,3 người/km²

Thủ đô Banđa Xeri Bêgaoan (Bandar Seri Begawan), số dân 14.025 người

Các dân tộc người Mã Lai (65,7%), người Hoa (10,3%), người bản địa (3,4%), các nhóm khác (20,6%)

Ngôn ngữ chính tiếng Mã Lai; tiếng Anh, tiếng Trung Quốc được sử dụng rộng rãi

Tôn giáo đạo Hồi (78,8%), đạo Phật (7,8%), đạo Thiên chúa (8,7%), tín ngưỡng truyền thống và tôn giáo khác (4,7%)

Đơn vị tiền tệ đôla Brunây (B$)

Tỷ giá hối đoái (2014): 1 USD = 1,267 B$

HDI (2014): 0,856, xếp thứ 31

Mã điện thoại 673

Lái xe bên trái

Quốc khánh 23-2 (1984). Ngày độc lập: 1-1 (1984)

Lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam 29-2- 1992

LỊCH SỬ

Vào thế kỷ VI, Brunây là một quốc gia hùng mạnh ở Đông Nam Á. Từ năm 1888, Brunây chịu sự bảo hộ của Anh. Trong những năm 1941 - 1945, Brunây bị Nhật Bản chiếm đóng. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Brunây lại bị Anh trở lại đô hộ. Trước áp lực của phong trào giải phóng dân tộc, Anh buộc phải để cho Brunây có hiến pháp riêng vào năm 1959. Ngày 1-1-1984, Brunây chính thức tuyên bố là quốc gia độc lập nằm trong khối Liên hiệp Anh.

TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC

Chính thể Quân chủ lập hiến

Các khu vực hành chính 4 khu.

Hiến pháp Thông qua ngày 29-9-1959(một số điều khoản bị hoãn thi hành vào tháng

12-1962 và tháng 1-1984); sửa đổi vào các năm 2004, 2011.

Cơ quan hành pháp Hội đồng bộ trưởng (Nội các).

Đứng đầu nhà nước và chính phủ Quốc vương. Mọi quyền hành đều nằm trong tay Quốc vương và gia đình Quốc vương. Ngoài chính phủ còn có Hội đồng tôn giáo tư vấn về các vấn đề tôn giáo, Hội đồng cơ mật giải quyết các vấn đề về Hiến pháp, Hội đồng kế vị quyết định việc kế vị ngôi vua.

Bầu cử Theo chế độ quân chủ cha truyền con nối.

Cơ quan lập pháp Hội đồng lập pháp (Quốc hội).

Năm 2004, lần đầu tiên trong 20 năm, Hội đồng lập pháp đã được khôi phục lại với 21 thành viên do Quốc vương bổ nhiệm. Theo công bố sửa đổi Hiến pháp 2004, số thành viên Hội đồng lập pháp được phép tăng lên 45 ghế, trong đó có 15 thành viên được lựa chọn qua bầu cử.

Cơ quan tư pháp Tòa án tối cao, Chánh án và các thẩm phán do Quốc vương bổ nhiệm.

Chế độ bầu cử Từ 18 tuổi trở lên đối với bầu cử cấp làng xã; phổ thông đầu phiếu.

KINH TẾ

Sản phẩm công nghiệp Dầu mỏ và khí hóa lỏng, vật liệu xây dựng.

Sản phẩm nông nghiệp Gạo, rau, hoa quả, gà, gia súc, trứng.

Xuất khẩu (ước tính 2014): 10,65 tỷ USD

Các mặt hàng xuất khẩu Dầu thô, khí ga tự nhiên, đồ may mặc.

Các bạn hàng xuất khẩu (2014): Nhật Bản (39%), Hàn Quốc (12,5%), Ôxtrâylia (9,7%), Ấn Độ (9,2%), Thái Lan (6,4%), Inđônêxia (5,8%), ...

Nhập khẩu (ước tính 2014): 4,231 tỷ USD

Các mặt hàng nhập khẩu Máy móc và thiết bị vận tải, hàng công nghiệp, thực phẩm, hóa chất, sắt thép.

Các bạn hàng nhập khẩu (2014): Xingapo (29,2%), Trung Quốc (26,9%), Malaixia (13,2%), Mỹ (8,5%), Hàn Quốc (4,5%), Anh (4,1%), ...

Nợ nước ngoài (ước tính 2014): 3,648 tỷ USD

GDP theo PPP (ước tính 2014): 32,96 tỷ USD, xếp thứ 122

Tỷ lệ tăng GDP thực tế (ước tính 2014): -2,3%

GDP bình quân đầu người theo PPP (ước tính 2014): 79.900 USD, xếp thứ 8.

Cơ cấu GDP theo các khu vực (ước tính 2014)

nông nghiệp 0,8%
công nghiệp 66,8%
dịch vụ 32,4%

Ngân sách (ước tính 2014)

thu 6,368 tỷ USD
chi 5,743 tỷ USD

Tỷ lệ lạm phát (giá tiêu dùng) (ước tính 2014): -0,2%

Lực lượng lao động (ước tính 2011): 205.800 người

CƠ SỞ HẠ TẦNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số máy điện thoại (ước tính 2014): 48.200

Số máy điện thoại di động (ước tính 2014): 465.800

Số nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP) (2010): 49.403

Số người sử dụng internet (ước tính 2014): 277.200

Tên miền Internet .bn

CƠ SỞ HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG VÀ GIAO THÔNG

Sản xuất điện năng (ước tính 2012): 3,694 tỷ kWh

Tiêu thụ điện năng (ước tính 2012): 3,451 tỷ kWh

Đường bộ (2010): 3.029 km

Đường thủy (2012): 209 km

Cảng Lumut, Muara, Seria

Sân bay (2013): 1

QUAN HỆ QUỐC TẾ

Tham gia các tổ chức quốc tế ADB, APEC, ARF, ASEAN, C, CP, EAS, G-77, IBRD, ICAO, ICRM, IDA, IFRCS, ILO, IMF, IMO, IMSO, Interpol, IOC, ITSO, ITU, NAM, OIC, OPCW, UN, UNCTAD, UNESCO, UPU, WCO, WHO, WIPO, WMO, WTO,...

VĂN HÓA - XÃ HỘI

Giáo dục Được chính phủ trợ cấp từ cấp học thấp nhất đến cấp học cao nhất ở trong và ngoài nước

Trình độ biết đọc, biết viết (ước tính 2015): từ 15 tuổi trở lên

trên tổng số dân	96%
nam	97,5%
nữ	94,5%

Tỷ lệ sinh (ước tính 2015): 17,32/1.000 dân

Tỷ lệ tử vong (ước tính 2015): 3,52/1.000 dân

Tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh (ước tính 2015)

tổng	10,16/1.000 trẻ sinh ra
bé trai	12,09/1.000 trẻ sinh ra
bé gái	8,14/1.000 trẻ sinh ra

Tuổi thọ trung bình (ước tính 2015): 76,97 tuổi, xếp thứ 76

nam	74,64 tuổi
nữ	79,41 tuổi

DANH LAM THẮNG CẢNH

Thủ đô Banđa Xeri Bêgaoan với nhà thờ Hồi giáo của vua Ôma Ali Saiphuđin, viện bảo tàng Sócsin, khu công viên có các bể cá,...

CAMPUCHIA
Vương quốc Campuchia
(Kingdom of Cambodia)

ĐIỀU KIỆN ĐỊA LÝ - TỰ NHIÊN

Vị trí Nằm ở tây nam bán đảo Đông Dương thuộc khu vực Đông Nam Á, giáp Thái Lan, Lào, Việt Nam và vịnh Thái Lan.

Là vùng đất trồng lúa và rừng, chịu ảnh hưởng nhiều của sông Mê Công và Tônglê Sáp.

Toạ độ địa lý 13°00 vĩ bắc, 105°00 kinh đông.

Địa hình Phần lớn là đồng bằng bằng phẳng, thấp; có núi ở phía tây nam và phía bắc.

Khí hậu Nhiệt đới; mùa mưa (từ tháng 5 đến 11), mùa khô (từ tháng 12 đến 4); ít có biến đổi nhiệt độ theo mùa. *Nhiệt độ* trung bình hằng tháng 28°C.

Tài nguyên thiên nhiên Gỗ, đá quý, sắt, mangan, phốt phát, tiềm năng thủy điện.

Thiên tai Mưa nhiều (từ tháng 6 đến 11); lũ lụt; thỉnh thoảng có hạn hán.

Các vấn đề về môi trường Tình trạng khai thác gỗ và đá quý bất hợp pháp; đất bị xói mòn; các vùng nông thôn thiếu nước sạch,...

Diện tích

tổng cộng 181.035 km^2, xếp thứ 90

mặt đất 176.515 km^2

mặt nước 4.520 km^2

Biên giới đất liền 2.530 km

Đường bờ biển 443 km

Số dân (ước tính tháng 7-2015): 15.708.756 người, xếp thứ 69

Cơ cấu dân số (ước tính 2015)

0-14 tuổi: 31,43% (nam 2.489.964/nữ 2.447.645)

15-24 tuổi:19,71% (nam 1.532.016/nữ 1.564.240)

25-54 tuổi: 39,61% (nam 3.043.676/nữ 3.178.825)

55-64 tuổi: 5,2% (nam 315.741/nữ 501.544)

65 tuổi trở lên: 4,04% (nam 238.840/nữ 396.265)

Tỷ lệ tăng dân số (ước tính 2015): 1,58%, xếp thứ 76

Độ tuổi trung bình (ước tính 2015): 24,5 tuổi

nam 23,8 tuổi

nữ 25,2 tuổi

Mật độ dân số 87,6 người/km^2

Thủ đô Phnôm Pênh (Phnom Penh), số dân 1.684.310 người

Các thành phố lớn Battambang, Kampong Cham, Siem Reap,...

Các dân tộc người Khmer (90%), người gốc Việt (5%), người Hoa (1%), dân tộc khác (4%)

Ngôn ngữ chính tiếng Khmer (96,3%); các ngôn ngữ khác (3,7%)

Tôn giáo đạo Phật (96,9%), đạo Thiên chúa (0,4%), các tôn giáo khác (3,1%)

Đơn vị tiền tệ riel (KHR)

Tỷ giá hối đoái (ước tính 2014): 1 USD = 4.037,5 KHR

HDI (2014): 0,555, xếp thứ 143

Mã điện thoại 855

Lái xe bên phải

Quốc khánh 9-11 (1953)

Lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam 24-6-1967

LỊCH SỬ

Campuchia là một quốc gia có lịch sử và nền văn hóa lâu đời trên bán đảo Đông Dương. Năm 1863, Campuchia bị thực dân Pháp xâm chiếm, biến thành đất bảo hộ. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Campuchia bị Nhật chiếm đóng. Năm 1945, sau khi Nhật bại trận, Campuchia lại bị Pháp trở lại bảo hộ. Ngày 9-11-1953, Pháp tuyên bố trao trả độc lập cho Campuchia. Ngày 18-3-1970, Lon Non làm đảo chính, xóa bỏ chế độ quân chủ, theo lệnh Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh chống lại phong trào giải phóng dân tộc, dân chủ của nhân dân. Ngày 17-4-1975, nhân dân Campuchia giành được độc lập tự do, nhưng sau đó bị tập đoàn Pôn Pốt - Iêng Xary phản bội, tàn sát hàng triệu người vô tội, lập ra nước "Campuchia dân chủ". Ngày 7-1-1979, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu quốc, nhân dân Campuchia đã nổi dậy giải phóng đất nước, thành lập nước Cộng hòa nhân dân Campuchia, năm 1989 đổi thành

"Nhà nước Campuchia". Ngày 23-10-1991, Hiệp định hòa bình Pari về Campuchia được ký kết. Ngày 24-9-1993, Hiến pháp mới được phê chuẩn, đặt tên nước là Vương quốc Campuchia.

TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC

Chính thể Quân chủ lập hiến

Các khu vực hành chính 24 tỉnh và một thành phố tự trị.

Hiến pháp Công bố tháng 9-1993; sửa đổi lần gần đây vào năm 2014.

Cơ quan hành pháp

Đứng đầu nhà nước Quốc vương

Đứng đầu chính phủ Thủ tướng

Bầu cử Quốc vương theo chế độ cha truyền con nối, được Hội đồng Hoàng gia lựa chọn trong các hoàng thân; sau các cuộc bầu cử lập pháp, lãnh đạo của đảng hoặc của liên minh các đảng chiếm đa số được Chủ tịch Quốc hội đề xuất làm thủ tướng và được Quốc vương bổ nhiệm.

Cơ quan lập pháp Gồm hai cơ quan: Thượng viện và Quốc hội.

Cơ quan tư pháp Tòa án tối cao, Tòa án hiến pháp.

Chế độ bầu cử Từ 18 tuổi trở lên, phổ thông đầu phiếu.

Sản phẩm công nghiệp Hàng may mặc, vật liệu xây dựng, gạo, cá, gỗ và các sản phẩm từ gỗ, cao su, xi măng, đá quý, hàng dệt.

Sản phẩm nông nghiệp Gạo, cao su, ngô, rau, hạt điều, sắn, tơ lụa.

Xuất khẩu (ước tính 2014): 7,407 tỷ USD

Các mặt hàng xuất khẩu Quần áo, gỗ, cao su, gạo, cá, thuốc lá, giày dép.

Các bạn hàng xuất khẩu (2014): Mỹ (24,1%), Anh (8,7%), Đức (8,1%), Canađa (7%), Nhật Bản (6,5%), Việt Nam (5,3%), Thái Lan (5%), Hà Lan (4,6%), Trung Quốc (4,1%).

Nhập khẩu (ước tính 2014): 10,62 tỷ USD

Các mặt hàng nhập khẩu Các sản phẩm dầu mỏ, thuốc lá, vàng, vật liệu xây dựng, máy móc, ôtô, sản phẩm dược

Các bạn hàng nhập khẩu (2014): Thái Lan (28,1%), Trung Quốc (20,6%), Việt Nam (16,8%), Xingapo (7%), Hồng Kông (5,7%), Hàn Quốc (4,1%).

Nợ nước ngoài (ước tính 31-12-2014): 7,222 tỷ USD

GDP theo PPP (ước tính 2014): 50,16 tỷ USD, xếp thứ 109

Tỷ lệ tăng GDP thực tế (ước tính 2014): 7%

GDP bình quân đầu người theo PPP (ước tính 2014): 3.300 USD, xếp thứ 183

Cơ cấu GDP theo các khu vực (ước tính 2014)

nông nghiệp 29,8%
công nghiệp 27,3%
dịch vụ 42,9%

Ngân sách (ước tính 2014)
thu 2,673 tỷ USD
chi 3,386 tỷ USD

Tỷ lệ lạm phát (giá tiêu dùng) (ước tính 2014): 3,9%

Lực lượng lao động (ước tính 2013): 7,974 triệu người

Tỷ lệ thất nghiệp: 1,5%

Hệ số Gini (ước tính 2008): 37,9 xếp thứ 72

Tỷ lệ dân sống dưới mức nghèo khổ (ước tính 2012): 17,7%

CƠ SỞ HẠ TẦNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số máy điện thoại (ước tính 2014): 440.000

Số máy điện thoại di động (ước tính 2014): 23,9 triệu

Số nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP) (2010): 3.768

Số người sử dụng internet (ước tính 2014): 831.700

Tên miền Internet .kh

CƠ SỞ HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG VÀ GIAO THÔNG

Sản xuất điện năng (ước tính 2013): 1,77 tỷ kWh

Tiêu thụ điện năng (ước tính 2013): 3,553 tỷ kWh

Nhập khẩu điện năng (ước tính 2013): 2,282 tỷ kWh

Đường sắt (2014): 642 km
Đường bộ (2010): 44.709 km
Đường thủy (2012): 3.700 km
Cảng Phnom Penh, Kampong Saom (Sihanoukville)
Sân bay (2013): 16

QUAN HỆ QUỐC TẾ

Tham gia các tổ chức quốc tế ADB, ARF, ASEAN, CICA, EAS, FAO, G-77, IAEA, IBRD, ICAO, ICRM, IDA, IFAD, IFC, IFRCS, ILO, IMF, IMO, Interpol, IOC, IOM, IPU, ITU, MINUSMA MIGA, NAM, OIF, OPCW, PCA, UN, UNAMID, UNCTAD, UNESCO, UNIDO, UNIFIL, UNISFA, UNMISS, UNWTO, UPU, WCO, WFTU, WHO, WIPO, WMO, WTO,...

VĂN HÓA - XÃ HỘI

Trình độ biết đọc, biết viết (ước tính 2015): từ 15 tuổi trở lên
trên tổng số dân 77,2%
nam 84,5%
nữ 70,5%
Tỷ lệ sinh (ước tính 2015): 23,83/1.000 dân
Tỷ lệ tử vong (ước tính 2015): 7,68/1.000 dân
Tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh (ước tính 2015)
tổng 50,04/1.000 trẻ sinh ra
bé trai 56,69/1.000 trẻ sinh ra
bé gái 43,11/1.000 trẻ sinh ra

Tuổi thọ trung bình (ước tính 2015): 64,14 tuổi, xếp thứ 180

nam 61,69 tuổi

nữ 66,7 tuổi

Tỷ lệ người nhiễm HIV (ước tính 2014): 0,64%

Số người có HIV (ước tính 2014): 74.600

Số người chết vì HIV (ước tính 2014): 2.600

DANH LAM THẮNG CẢNH

Thủ đô Phnôm Pênh, Hoàng cung, đền Vàng, đồi Bà Pênh, Ăngco Thom, Ăngco Vát (tỉnh Xiêm Riệp),...

INĐÔNÊXIA

Cộng hòa Inđônêxia
(Republic of Indonesia)

ĐIỀU KIỆN ĐỊA LÝ - TỰ NHIÊN

Vị trí Nằm ở Đông Nam Á, là quần đảo nằm giữa Ấn Độ Dương và nam Thái Bình Dương, giáp Malaixia ở phía tây bắc và Papua Niu Ghinê ở phía đông.

Là một quần đảo lớn nhất thế giới; có vị trí chiến lược dọc theo các tuyến đường biển chính từ Ấn Độ Dương đến nam Thái Bình Dương.

Toạ độ địa lý 5°00 vĩ nam, 120°00 kinh đông.

Địa hình Phần lớn là vùng đất thấp ven biển, các đảo lớn có núi bên trong.

Khí hậu Nhiệt đới; nóng, ẩm; ở vùng núi khí hậu dịu hơn. *Nhiệt độ* trung bình hằng năm: 26°C (với điểm cao nhất là 33°C và thấp nhất là 21°C). *Lượng mưa* trung bình hằng năm: 2.000 mm (thay đổi từ nơi cao nhất là 6.000 mm đến nơi thấp nhất là 540 mm).

Tài nguyên thiên nhiên Dầu mỏ, thiếc, khí tự nhiên, niken, gỗ, bôxít, đồng, đất đai màu mỡ, than đá, vàng, bạc.

Thiên tai Lũ lụt, hạn hán nghiêm trọng, động đất, núi lửa.

Các vấn đề về môi trường Rừng bị tàn phá nặng nề, ô nhiễm nước và không khí trong các đô thị; khói bụi do cháy rừng xảy ra ngày càng trầm trọng, gây ảnh hưởng đến một vùng rộng lớn, lan sang cả các nước láng giềng.

Diện tích

tổng cộng	1.904.569 km^2, xếp thứ 15
mặt đất	1.811.569 km^2
mặt nước	93.000 km^2
Biên giới đất liền	2.958 km
Đường bờ biển	54.716 km

Số dân (ước tính tháng 7-2015): 255.993.674 người, xếp thứ 5

Cơ cấu dân số (ước tính 2015)

0-14 tuổi: 25,82% (nam 33.651.533/nữ 32.442.996)

15-24 tuổi: 17,07% (nam 22.238.735/nữ 21.454.563)

24-54 tuổi: 42,31% (nam 55.196.144/nữ 53.124.591)

55-64 tuổi: 8,18% (nam 9.608.548/nữ 11.328.421)

65 tuổi trở lên: 6,62% (nam 7.368.764/nữ 9.579.397)

Tỷ lệ tăng dân số (ước tính 2015): 0,92%, xếp thứ 125

Độ tuổi trung bình (ước tính 2015): 29,6 tuổi

nam	29 tuổi
nữ	30,2 tuổi

Mật độ dân số 140 người/km^2

Thủ đô Giacácta (Jakarta), số dân 10.176.000 người

Các thành phố lớn Surabaya, Bandung, Meclan, Palembang,...

Các dân tộc người Java (40,1%), người Sundan (15,5%), người Mã Lai (3,7%), người Madur (3%), người Betawi (2,9%), người Minangkabau (2,7%), người Bugis (2,7%), người Banten (2%), người Banjar (1,7%), các dân tộc khác (29,3%),...

Ngôn ngữ chính tiếng Inđônêxia Bahasa; tiếng Anh, Hà Lan, các thổ ngữ địa phương, tiếng của người Java được sử dụng rộng rãi

Tôn giáo đạo Hồi (87,2%), đạo Tin lành (7%), đạo Thiên chúa (2,9%), đạo Hinđu (1,7%), các tôn giáo khác hoặc không xác định (1,2%)

Đơn vị tiền tệ rupiah Inđônêxia (IDR)

Tỷ giá hối đoái (ước tính 2014): 1 USD = 11.865,2 IDR

HDI (2014): 0,684, xếp thứ 110

Mã điện thoại 62

Lái xe bên trái

Quốc khánh 17-8 (1945)

Lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam 30-12-1955

LỊCH SỬ

Vào thời kỳ Trung cổ, trên quần đảo đã xuất hiện những vương quốc hùng mạnh như Vương quốc Magiapahít. Từ cuối thế kỷ XVI, thực dân Hà Lan xâm nhập và biến quần đảo này thành

thuộc địa. Năm 1811, Anh cũng tìm cách xâm chiếm Inđônêxia. Năm 1824, Anh và Hà Lan thỏa thuận việc phân chia vùng đất ở Đông Nam Á, để Hà Lan chiếm Inđônêxia. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản chiếm đóng quần đảo. Ngày 17-8-1945, Inđônêxia tuyên bố độc lập, nhưng sau đó đã phải tiến hành cuộc chiến tranh gần bốn năm để chống mưu toan quay trở lại thống trị của thực dân Hà Lan.

Năm 2005, Inđônêxia đã ký hiệp ước hòa bình lịch sử với những phần tử ly khai vũ trang ở Aceh.

TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC

Chính thể Cộng hòa

Các khu vực hành chính 31 tỉnh, 1 tỉnh tự trị, 1 vùng đặc biệt, 1 quận thủ đô đặc biệt.

Hiến pháp Thông qua tháng 8-1945; sửa đổi lần gần đây vào năm 2002.

Cơ quan hành pháp

Đứng đầu nhà nước và chính phủ Tổng thống

Bầu cử Tổng thống bầu theo phổ thông đầu phiếu trực tiếp, nhiệm kỳ 5 năm (có thể được bầu nhiệm kỳ thứ hai).

Cơ quan lập pháp Hội đồng hiệp thương nhân dân là Thượng viện, bao gồm các thành viên của Hội đồng đại biểu nhân dân (DPR) và Hội đồng đại biểu vùng (DPD) có vai trò tấn phong cũng như buộc tội Tổng thống, sửa đổi Hiến pháp nhưng không xây dựng chính sách

quốc gia; DPR là Hạ viện, nhiệm kỳ 5 năm; DPD là Hạ viện khu vực.

Cơ quan tư pháp Tòa án tối cao, Tòa án hiến pháp.

Chế độ bầu cử Từ 17 tuổi trở lên, phổ thông đầu phiếu và những người đã kết hôn thì không tính đến tuổi tác.

KINH TẾ

Khai thác mỏ và du lịch là hai trong số những ngành kinh tế chính của đất nước.

Sản phẩm công nghiệp Dầu mỏ và khí đốt tự nhiên, hàng dệt may, giày dép, xi măng, khai thác mỏ, phân bón hóa học, gỗ dán, thực phẩm,...

Sản phẩm nông nghiệp Gạo, sắn, lạc, cao su, cacao, cà phê, thảo dược, dầu cọ, cùi dừa khô, gia cầm, thịt bò, thịt lợn, trứng cá và các sản phẩm từ cá, gia vị.

Xuất khẩu (ước tính 2014): 175,3 tỷ USD

Các mặt hàng xuất khẩu Dầu mỏ và khí đốt, dầu cọ, thiết bị điện, gỗ dán, hàng dệt may, cao su.

Các bạn hàng xuất khẩu (2014): Nhật Bản (13,1%), Trung Quốc (10%), Xingapo (9,5%), Mỹ (9,4%), Ấn Độ (7%), Hàn Quốc (6%), Malaixia (5,5%),...

Nhập khẩu (ước tính 2014): 168,4 tỷ USD

Các mặt hàng nhập khẩu Máy móc và thiết bị, hóa chất, nhiên liệu, thực phẩm, thiết bị điện tử.

Các bạn hàng nhập khẩu (2014): Trung Quốc (17,2%), Xingapo (14,1%), Nhật Bản (9,6%), Hàn Quốc (6,7%), Malaixia (6,1%), Thái Lan (5,5%), Mỹ (4,6%),...

Nợ nước ngoài (ước tính 31-12-2014): 277 tỷ USD

GDP theo PPP (ước tính 2014): 2,686 nghìn tỷ USD, xếp thứ 9

Tỷ lệ tăng GDP thực tế (ước tính 2014): 5%

GDP bình quân đầu người theo PPP (ước tính 2014): 10.700 USD, xếp thứ 156

Cơ cấu GDP theo các khu vực (ước tính 2014)

nông nghiệp 13,7%
công nghiệp 42,9%
dịch vụ 43,3%

Ngân sách (ước tính 2014)

thu 130,7 tỷ USD
chi 149,8 tỷ USD

Tỷ lệ lạm phát (giá tiêu dùng) (ước tính 2014): 6,4%

Lực lượng lao động (ước tính 2014): 121,9 triệu người

Tỷ lệ thất nghiệp: 6,6%

Hệ số Gini (2009): 36,8, xếp thứ 80

Tỷ lệ dân sống dưới mức nghèo khổ (ước tính 2014): 11,3%

CƠ SỞ HẠ TẦNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số máy điện thoại (ước tính 2014): 29,64 triệu

Số máy điện thoại di động (ước tính 2014): 319 triệu

Số nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP) (2010): 1,342 triệu

Số người sử dụng internet (ước tính 2014): 42,4 triệu

Tên miền internet .id

CƠ SỞ HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG VÀ GIAO THÔNG

Sản xuất điện năng (ước tính 2012): 185,3 tỷ KWh

Tiêu thụ điện năng (ước tính 2012): 167,5 tỷ kWh

Đường sắt (2014): 8.159 km

Đường bộ (2011): 496.607 km

Đường thủy (2011): 21.579 km

Cảng Banjarmasin, Belawan, Kotabaru, Krueg Geukueh, Palembang, Panjang, Sungai Pakning, Tanjung Perak, Tanjung Priok,...

Sân bay (2013): 673

QUAN HỆ QUỐC TẾ

Tham gia các tổ chức quốc tế ADB, APEC, ARF, ASEAN, FAO, G-11, G-15, G-20, G-77, IAEA, IBRD, ICAO, IDA, IDB, IFAD, IFC, ILO, IMF, IMO, IMSO, Interpol, IOC, IPU, ISO, ITU, OECD, UN, UNCTAD, UNESCO, UNIDO, UPU, WHO, WIPO, WTO,...

VĂN HÓA - XÃ HỘI

Giáo dục Miễn phí và bắt buộc trong 6 năm theo quy định, song trường học ở nông thôn còn rất thiếu.

Trình độ biết đọc, biết viết (ước tính 2015): từ 15 tuổi trở lên

trên tổng số dân	93,9%
nam	96,3%
nữ	91,5%

Tỷ lệ sinh (ước tính 2015): 16,72/1.000 dân

Tỷ lệ tử vong (ước tính 2015): 6,37/1.000 dân

Tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh (ước tính 2015)

tổng 24,29/1.000 trẻ sinh ra

bé trai 28,46/1.000 trẻ sinh ra

bé gái 19,92/1.000 trẻ sinh ra

Tuổi thọ trung bình (ước tính 2015): 72,45 tuổi, xếp thứ 140

nam 69,85 tuổi

nữ 75,17 tuổi

Tỷ lệ người nhiễm HIV (ước tính 2014): 0,47%

Số người có HIV (ước tính 2014): 660.300

Số người chết vì HIV (ước tính 2014): 33.700

DANH LAM THẮNG CẢNH

Đảo Bali, Thủ đô Giacácta, hồ Tôba, đảo Sumatra, đảo Nusa Tenggara, đền Bogor, các khu rừng nguyên thủy ở Kalimantan, các đền thờ, lăng mộ,...

LÀO

Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào
(Lao People's Democratic Republic)

ĐIỀU KIỆN ĐỊA LÝ - TỰ NHIÊN

Vị trí Nằm trên bán đảo Đông Dương, thuộc khu vực Đông Nam Á, giáp Việt Nam, Campuchia, Thái Lan, Mianma và Trung Quốc.

Toạ độ địa lý 18°00 vĩ bắc, 105°00 kinh đông.

Địa hình Phần lớn là núi non, có một số vùng đồng bằng và cao nguyên.

Khí hậu Nhiệt đới gió mùa; mùa mưa (tháng 5 đến 11); mùa khô (tháng 12 đến 4). *Nhiệt độ* trung bình ở miền Bắc tháng 1: 15°C, tháng 7: 28°C; ở miền Nam và miền Trung tháng 1: 25°C, tháng 7: 30°C. *Lượng mưa* trung bình hằng năm ở vùng núi: 3.500 mm, ở đồng bằng: 1.000-2.000 mm.

Tài nguyên thiên nhiên Gỗ, thủy điện, thạch cao, thiếc, vàng, đá quý.

Thiên tai Lũ lụt, hạn hán, bệnh tàn rụi cây cối.

Các vấn đề về môi trường Rừng bị tàn phá, đất đai bị xói mòn, thiếu nước uống.

Diện tích

tổng cộng 236.800 km^2, xếp thứ 84

mặt đất 230.800 km^2

mặt nước 6.000 km^2

Biên giới đất liền 5.274 km

Số dân (ước tính tháng 7-2015): 6.911.544, xếp thứ 104

Cơ cấu dân số (ước tính 2015)

0-14 tuổi: 34,1% (nam 1.190.119/nữ 1.166.774)

15-24 tuổi: 21,31% (nam 731.531/nữ 741.107)

25-54 tuổi: 35,54% (nam 1.211.600/nữ 1.245.010)

55-64 tuổi: 5,23% (nam 177.142/nữ 184.409)

65 tuổi trở lên: 3,82% (nam 119.392/nữ 144.460)

Tỷ lệ tăng dân số (ước tính 2015): 1,55%, xếp thứ 79

Độ tuổi trung bình (ước tính 2015): 22,3 tuổi

nam 22 tuổi

nữ 22,6 tuổi

Mật độ dân số 29,5 người/km^2

Thủ đô Viêng Chăn (Vientiane), số dân 945.715 người

Các thành phố lớn Xavẳnnakhệt, Luổng Phạbang, Pạcxê,...

Các dân tộc Lào (54,6%), Khơmú (10,9%), Mông (8%), một số dân tộc khác (26,5%)

Ngôn ngữ chính tiếng Lào; tiếng Pháp, tiếng Anh và một số thổ ngữ khác

Tôn giáo đạo Phật (66,8%), đạo Thiên chúa (1,5%), các tôn giáo khác và không xác định (31,7%)

Đơn vị tiền tệ kip mới (LAK)

Tỷ giá hối đoái (ước tính 2014): 1 USD = 8.049 LAK

HDI (2014): 0,575, xếp thứ 141

Mã điện thoại 856

Lái xe bên phải

Quốc khánh 2-12 (1975)

Lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam 5-9-1962

LỊCH SỬ

Vào thế kỷ XIV (năm 1353), vua Phạ Ngừm thống nhất nước Lào, đặt tên là Vương quốc Lạn Xạng. Trong những năm 1559-1571, Vương quốc Lạn Xạng bị Miến Điện xâm lược ba lần. Năm 1779, trở thành thuộc địa của Xiêm. Năm 1893, thực dân Pháp thôn tính Lào. Ngày 12-10-1945, nước Lào độc lập. Đầu năm 1946, Pháp quay lại xâm lược Lào. Tháng 7-1954, Pháp ký Hiệp định Gionevơ công nhận nền độc lập của Lào. Từ năm 1955, Mỹ gây chiến tranh chống lại nhân dân Lào. Ngày 21-2-1973, Hiệp định Viêng Chăn lập lại hòa bình và thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào được ký kết giữa Mặt trận Lào yêu nước và phái hữu Viêng Chăn. Ngày 2-12-1975, Đại hội đại biểu nhân dân Lào họp ở Viêng Chăn tuyên bố thành lập nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC

Chính thể Nhà nước dân chủ nhân dân tạo tiền đề để từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội

Các khu vực hành chính 17 tỉnh và một thành phố thủ đô (Thủ đô Viêng Chăn).

Hiến pháp Thông qua ngày 14-8-1991; lần sửa đổi gần đây vào năm 2003.

Cơ quan hành pháp

Đứng đầu nhà nước Chủ tịch nước

Đứng đầu chính phủ Thủ tướng

Bầu cử Chủ tịch nước do Quốc hội bầu, nhiệm kỳ 5 năm; Thủ tướng do Chủ tịch nước bổ nhiệm với sự phê duyệt của Quốc hội, nhiệm kỳ 5 năm.

Cơ quan lập pháp Quốc hội, được bầu theo phổ thông đầu phiếu, nhiệm kỳ 5 năm.

Cơ quan tư pháp Tòa án nhân dân tối cao.

Chế độ bầu cử Từ 18 tuổi trở lên, phổ thông đầu phiếu.

KINH TẾ

Sản phẩm công nghiệp Các sản phẩm của ngành khai thác mỏ (đồng, thiếc, vàng và thạch cao), gỗ, điện, nông sản chế biến, cao su, vật liệu xây dựng, hàng may mặc, xi măng.

Sản phẩm nông nghiệp Khoai lang, rau xanh, ngô, sắn, cà phê, mía, thuốc lá, bông, chè, lạc, lúa gạo, gia súc, gia cầm.

Xuất khẩu (ước tính 2014): 2,662 tỷ USD

Các mặt hàng xuất khẩu Sản phẩm gỗ, cà phê, điện, thiếc, đồng, vàng, sắt.

Các bạn hàng xuất khẩu (2014): Trung Quốc (34,2%), Thái Lan (27,4%), Việt Nam (15,7%),...

Nhập khẩu (ước tính 2014): 4,271 tỷ USD

Các mặt hàng nhập khẩu Máy móc và thiết bị, xe cộ, nhiên liệu, hàng tiêu dùng.

Các bạn hàng nhập khẩu (2014): Thái Lan (55,2%), Trung Quốc (25,6%), Việt Nam (6,6%),...

Nợ nước ngoài (ước tính 31-12-2014): 9,552 tỷ USD

GDP theo PPP (ước tính 2014): 34,53 tỷ USD, xếp thứ 118

Tỷ lệ tăng GDP thực tế (ước tính 2014): 7,4%

GDP bình quân đầu người theo PPP (ước tính 2014): 5.000 USD, xếp thứ 166

Cơ cấu GDP theo các khu vực (ước tính 2014)

nông nghiệp 23,7%
công nghiệp 32,2%
dịch vụ 44,1%

Ngân sách (ước tính 2014)

thu 2,798 tỷ USD
chi 3,382 tỷ USD

Tỷ lệ lạm phát (giá tiêu dùng) (ước tính 2014): 5,5%

Lực lượng lao động (ước tính 2014): 3,47 triệu người

Tỷ lệ thất nghiệp: 1,3%

Hệ số Gini (2008): 36,7, xếp thứ 81

Tỷ lệ dân sống dưới mức nghèo khổ (ước tính 2013): 22%

CƠ SỞ HẠ TẦNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số máy điện thoại (ước tính 2014): 920.000

Số máy điện thoại di động (ước tính 2014): 4,6 triệu

Số nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP) (2010): 1.526

Số người sử dụng internet (2009): 300.000

Tên miền internet .la

CƠ SỞ HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG VÀ GIAO THÔNG

Sản xuất điện năng (ước tính 2012): 12,1 tỷ kWh

Tiêu thụ điện năng (ước tính 2012): 2,874 tỷ kWh

Xuất khẩu điện năng (ước tính 2013): 2,537 tỷ kWh

Nhập khẩu điện năng (ước tính 2012): 1,127 tỷ kWh

Đường bộ (2009): 39.586 km

Đường thủy (2012): 4.600 km

Sân bay (2013): 41

QUAN HỆ QUỐC TẾ

Tham gia các tổ chức quốc tế ADB, ASEAN, FAO, G-77, IBRD, ICAO, ILO, IMF, Interpol, IOC, IPU, ITU, UN, UNCTAD, UNESCO, UNIDO, UPU, WCO, WFTU, WHO, WIPO,...

VĂN HÓA - XÃ HỘI

Giáo dục Miễn phí và bắt buộc trong tám năm, song ở nông thôn sau bậc tiểu học, số người đi học giảm dần

Trình độ biết đọc, biết viết (ước tính 2015): từ 15 tuổi trở lên

trên tổng số dân 79,9%
nam 87,1%
nữ 72,8%

Tỷ lệ sinh (ước tính 2015): 24,25/1.000 dân

Tỷ lệ tử vong (ước tính 2015): 7,63/1.000 dân

Tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh (ước tính 2015)
tổng 52,97/1.000 trẻ sinh ra
bé trai 58,52/1.000 trẻ sinh ra
bé gái 47,21/1.000 trẻ sinh ra

Tuổi thọ trung bình (ước tính 2015): 63,88 tuổi, xếp thứ 181
nam 61,88 tuổi
nữ 65,95 tuổi

Tỷ lệ người nhiễm HIV (ước tính 2014): 0,26%

Số người có HIV (ước tính 2014): 11.100

Số người chết vì HIV (ước tính 2014): 500

DANH LAM THẮNG CẢNH

Thủ đô Viêng Chăn, Thạt Luổng, di tích văn hóa ở Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, cố đô Luổng Phạbang, sông Mê Công,...

MALAIXIA
(Malaysia)

ĐIỀU KIỆN ĐỊA LÝ - TỰ NHIÊN

Vị trí Nằm ở Đông Nam Á, phía bắc giáp Thái Lan, phía nam giáp Xingapo và eo biển Malắcca. Phía đông có hai bang Xaba và Xaraoắc giáp Inđônêxia và Brunây.

Có vị trí chiến lược dọc theo eo biển Malắcca và phía nam Biển Đông.

Toạ độ địa lý 2°30 vĩ bắc, 112°30 kinh đông.

Địa hình Có đồng bằng ở ven biển, cao dần lên về phía các dãy núi và đồi.

Khí hậu Nhiệt đới; hằng năm từ tháng 4 đến tháng 10 có gió mùa tây nam và từ tháng 10 đến tháng 2 có gió mùa đông bắc. *Nhiệt độ* trung bình hằng tháng 25-28°C. *Lượng mưa* trung bình hằng năm: 2.000-2.500 mm.

Tài nguyên thiên nhiên Thiếc, dầu mỏ, gỗ, đồng, quặng sắt, khí tự nhiên, bôxít.

Thiên tai Lũ lụt, lở đất.

Các vấn đề về môi trường Ô nhiễm không khí và nước; rừng bị tàn phá.

Diện tích

tổng cộng 329.847 km^2, xếp thứ 67

mặt đất 328.657 km^2

mặt nước 1.190 km^2

Biên giới đất liền 2.742 km

Đường bờ biển 4.675 km

Số dân (ước tính tháng 7-2015): 30.513.848 người, xếp thứ 43

Cơ cấu dân số (ước tính 2015)

0-14 tuổi: 28,49% (nam 4.472.457/nữ 4.221.384)

15-24 tuổi: 16,91% (nam 2.615.356/nữ 2.543.039)

25-54 tuổi: 41,12% (nam 6.352.742/nữ 6.194.303)

55-64 tuổi: 7,48% (nam 1.215.315/nữ 1.175.868)

65 tuổi trở lên: 5,65% (nam 817.766/nữ 905.618)

Tỷ lệ tăng dân số (ước tính 2015): 1,44%, xếp thứ 83

Độ tuổi trung bình (ước tính 2015): 27,9 tuổi

nam 27,7 tuổi

nữ 28,2 tuổi

Mật độ dân số 91,5 người/km^2

Thủ đô Cuala Lămpo (Kuala Lumpur), số dân 6.629.180 người

Các thành phố lớn Ipoh, Johor, Baharum, George Town,...

Các dân tộc người Mã Lai (50,1%), người Hoa (22,6%), người bản địa (11,8%), người Ấn Độ (6,7%), các dân tộc khác (0,7%),...

Ngôn ngữ tiếng Bahasa Melayu (ngôn ngữ chính), tiếng Hoa, tiếng Anh được sử dụng rộng rãi.

Ngoài ra, còn tiếng Tamil và một số ngôn ngữ địa phương khác

Tôn giáo đạo Hồi (61,3%), đạo Phật (19,8%), đạo Thiên chúa (9,2%), đạo Hinđu (6,3%), đạo Khổng, đạo Lão và các đạo cổ của Trung Quốc (1,7%),...

Đơn vị tiền tệ ringgit (MYR)

Tỷ giá hối đoái (ước tính 2014): 1 USD = 3,2729 MYR

HDI (2014): 0,779, xếp thứ 62

Mã điện thoại 60

Quốc khánh 31-8 (1957)

Lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam 30-3-1973

LỊCH SỬ

Thế kỷ XV, nhà nước Hồi giáo đã ra đời trên bán đảo Malắcca. Sau đó các nước phương Tây như Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, Anh đã xâm chiếm vùng đất này. Cuối thế kỷ XVIII, Anh tấn công Malaixia và đầu thế kỷ XX biến toàn bộ vùng này thành thuộc địa của mình. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản chiếm đóng Mã Lai. Tháng 11-1945, Anh phục hồi lại chính quyền của mình ở Mã Lai. Ngày 31-8-1957, Mã Lai, Xingapo, Xaba và Xaraoắc ký hiệp ước thành lập Liên bang Malaixia. Ngày 9-8-1965, Xingapo tách khỏi Liên bang Malaixia, trở thành quốc gia độc lập.

TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC

Chính thể Quân chủ lập hiến

Các khu vực hành chính 13 bang và 3 vùng lãnh thổ liên bang.

Hiến pháp Thông qua ngày 21-2-1957, có hiệu lực ngày 27-8-1957; được sửa đổi nhiều lần; lần gần nhất vào năm 2010.

Cơ quan hành pháp

Đứng đầu nhà nước Quốc vương

Đứng đầu chính phủ Thủ tướng

Bầu cử Quốc vương và Phó Quốc vương theo cha truyền con nối do các tiểu vương của 9 bang bầu, nhiệm kỳ 5 năm; sau khi bầu cử Quốc hội, lãnh đạo của đảng giành được đa số ghế trong Hạ viện sẽ trở thành Thủ tướng.

Cơ quan lập pháp Quốc hội hai viện gồm: Thượng viện và Hạ viện, nhiệm kỳ 5 năm.

Cơ quan tư pháp Toà án tối cao; các thẩm phán do Quốc vương bổ nhiệm trên cơ sở tư vấn của Thủ tướng.

Chế độ bầu cử Từ 21 tuổi trở lên, phổ thông đầu phiếu.

KINH TẾ

Malaixia là nước sản xuất và xuất khẩu dầu cọ, cao su đứng hàng đầu thế giới.

Sản phẩm công nghiệp

Bán đảo Malaixia Hàng công nghiệp nhẹ, hàng điện tử, thiếc, sản phẩm từ gỗ và dầu cọ, dầu mỏ và khí tự nhiên,...

Xaba Gỗ, dầu mỏ.

Xaraoắc Nông sản, sản phẩm dầu mỏ, gỗ.

Sản phẩm nông nghiệp

Bán đảo Malaixia Cao su, dầu cọ, gạo, cacao.

Xaba Lương thực, cao su, gỗ, dầu cọ.

Xaraoắc Cao su, hạt tiêu, gỗ, dầu cọ.

Xuất khẩu (ước tính 2014): 224,9 tỷ USD

Các mặt hàng xuất khẩu Thiết bị điện tử, dầu mỏ, dầu cọ, gỗ và các sản phẩm từ gỗ, cao su, hàng dệt may, hóa chất...

Các bạn hàng xuất khẩu (2014): Trung Quốc (12%), Xingapo (14,2%), Nhật Bản (10,8%), Mỹ (8,4%), Thái Lan (5,3%), Hồng Kông (4,8%),...

Nhập khẩu (ước tính 2014): 189,8 tỷ USD

Các mặt hàng nhập khẩu Hóa chất, khí ga tự nhiên, xe cộ, sắt thép, nhựa, đồ điện tử,...

Các bạn hàng nhập khẩu (2014): Trung Quốc (16,9%), Xingapo (12,6%), Nhật Bản (8%), Mỹ (7,7%), Thái Lan (5,8%), Inđônêxia (4,1%),...

Nợ nước ngoài (ước tính 31-12-2014): 207,3 tỷ USD

GDP theo PPP (ước tính 2014): 769,4 tỷ USD, xếp thứ 29

Tỷ lệ tăng GDP thực tế (ước tính 2014): 6%

GDP bình quân đầu người theo PPP (ước tính 2014): 25.100 USD, xếp thứ 73

Cơ cấu GDP theo các khu vực (ước tính 2014)

nông nghiệp 9,1%

công nghiệp 34,8%

dịch vụ 56,1%

Ngân sách (ước tính 2014)

thu 67,4 tỷ USD

chi 78,83 tỷ USD

Tỷ lệ lạm phát (giá tiêu dùng) (ước tính 2014): 3,1%

Lực lượng lao động (ước tính 2014): 14 triệu người

Tỷ lệ thất nghiệp: 3,1%

Hệ số Gini (2009): 46,2, xếp thứ 33

Tỷ lệ dân sống dưới mức nghèo khổ (ước tính 2009): 3,8%

CƠ SỞ HẠ TẦNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số máy điện thoại (ước tính 2014): 4,41 triệu

Số máy điện thoại di động (ước tính 2014): 44,9 triệu

Số nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP) (2010): 363.007

Số người sử dụng internet (ước tính 2014): 12,1 triệu

Tên miền internet .my

CƠ SỞ HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG VÀ GIAO THÔNG

Sản xuất điện năng (ước tính 2012): 126,8 tỷ kWh

Tiêu thụ điện năng (ước tính 2012): 118,5 tỷ kWh

Xuất khẩu điện năng (ước tính 2012): 12 triệu kWh

Nhập khẩu điện năng (ước tính 2012): 372 triệu KWh

Đường sắt (2014): 1.849 km

Đường bộ (2010): 144.403 km

Đường thủy (2011): 7.200 km (bán đảo Malaixia 3.200 km; Xaba 1.500 km; Xaraoắc 2.500 km)

Cảng Bintulu, Johor Bahru, George Town (Penang), Port Klang, Tanjung Pelepas,...

Sân bay (2013): 114

QUAN HỆ QUỐC TẾ

Tham gia các tổ chức quốc tế ADB, APEC, ARF, ASEAN, FAO, G-15, G-77, IAEA, IBRD, ILO, IMF, IMO, Interpol, IOC, IPU, ISO, UN, UNCTAD, UNESCO, UNIDO, UPU, WHO, WIPO, WTO,...

VĂN HÓA - XÃ HỘI

Giáo dục Bắt buộc trong 11 năm: 6 năm tiểu học, 3 năm trung học, sau đó học sinh có thể học tiếp hai năm tại một trường trung học hay một trường dạy nghề

Trình độ biết đọc, biết viết (2015): từ 15 tuổi trở lên

trên tổng số dân	94,6%
nam	96,2%
nữ	93,2%

Tỷ lệ sinh (ước tính 2015): 19,71/1.000 dân

Tỷ lệ tử vong (ước tính 2015): 5,03/1.000 dân

Tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh (ước tính 2015)

tổng	13,27/1.000 trẻ sinh ra
bé trai	15,33/1.000 trẻ sinh ra
bé gái	11,07/1.000 trẻ sinh ra

Tuổi thọ trung bình (ước tính 2015): 74,75 tuổi, xếp thứ 112

nam 71,97 tuổi
nữ 77,73 tuổi
Tỷ lệ người nhiễm HIV (ước tính 2014): 0,45%
Số người có HIV (ước tính 2014): 100.800
Số người chết vì HIV (ước tính 2014): 9.000

DANH LAM THẮNG CẢNH

Thủ đô Cuala Lăm̆po, hang Batu, các khu lâu đài cổ ở Pênang, Malắcca, đảo Langkawi, đồi Cameron,...

MIANMA
Cộng hòa liên bang Mianma
(Republic of the Union of Myanmar)

ĐIỀU KIỆN ĐỊA LÝ - TỰ NHIÊN

Vị trí Mianma (trước năm 1989 gọi là Miến Điện) nằm ở Đông Nam Á, giáp Trung Quốc, Lào, Thái Lan, biển Ađaman, vịnh Bengan, Bănglađét, Ấn Độ.

Toạ độ địa lý 22°00 vĩ bắc, 98°00 kinh đông.

Địa hình Vùng đất thấp ở trung tâm, bao quanh là núi non dựng đứng.

Khí hậu Nhiệt đới gió mùa; mùa hè (gió mùa tây nam, từ tháng 6 đến 9), có mưa nhiều, nóng, ẩm; mùa đông (gió mùa đông bắc, từ tháng 12 đến 4), ít mây, ít mưa, dịu mát.

Nhiệt độ trung bình tháng 1: 13°C ở phía bắc, 20-25°C ở phía nam; tháng 4 (tháng nóng nhất): 30-32°C. *Lượng mưa* trung bình hằng năm: 500 mm ở vùng đồng bằng, 3.500 mm ở miền núi.

Tài nguyên thiên nhiên Dầu mỏ, gỗ, thiếc, ăngtimoan, kẽm, đồng, tungsten, chì, than đá, đá cẩm thạch, đá vôi, đá quý, khí thiên nhiên.

Thiên tai Động đất và bão lớn; lũ lụt và lở

đất thường xảy ra trong mùa mưa; hạn hán theo chu kỳ.

Các vấn đề về môi trường Rừng bị tàn phá, ô nhiễm không khí, đất đai và nước.

Diện tích

tổng cộng	676.578 km^2, xếp thứ 40
mặt đất	653.508 km^2
mặt nước	23.070 km^2
Biên giới đất liền	6.522 km
Đường bờ biển	1.930 km

Số dân (ước tính tháng 7-2015): 56.320.206 người, xếp thứ 25

Cơ cấu dân số (ước tính 2015)

0-14 tuổi: 26,07% (nam 7.485.419/nữ 7.194.500)

15-24 tuổi:18,02% (nam 5.138.185/nữ 5.009.470)

25-54 tuổi: 43,31% (nam 12.132.302/nữ 12.261.750)

55-64 tuổi: 7,24% (nam 1.919.725/nữ 2.157.789)

65 tuổi trở lên: 5,36% (nam 1.313.711/nữ 1.707.355)

Tỷ lệ tăng dân số (ước tính 2015): 1,01%, xếp thứ 116

Độ tuổi trung bình (ước tính 2015): 28,3 tuổi

nam 27,7 tuổi

nữ 28,9 tuổi

Mật độ dân số 85,3 người/km^2

Thủ đô Nâypitô (Nay Pyi Taw), ngày 27-3-2007 được tuyên bố chính thức và công nhận là thủ đô của Mianma với số dân 1.015.700 người. Trước đó thủ đô là Rangoon (Yangon).

Các thành phố lớn Rangoon, Mandalay, Moulmein, Sittwe,...

Các dân tộc người Miến (68%), người Shan (9%), người Karen (7%), người Rakhine (4%), người Hoa (3%), người Ấn Độ (2%), người Mon (2%), các dân tộc khác (5%)

Ngôn ngữ chính tiếng Miến và các thổ ngữ cũng được sử dụng

Tôn giáo đạo Phật (89%), đạo Cơ đốc (4%), đạo Hồi (4%), các tôn giáo khác (3%)

Đơn vị tiền tệ kyat (MMK)

Tỷ giá hối đoái (ước tính 2014): 1 USD = 984,35 MMK

HDI (2014): 0,536, xếp thứ 148

Mã điện thoại 95

Lái xe bên phải

Quốc khánh 4-1 (1948)

Lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam 28-5-1975

LỊCH SỬ

Mianma là quốc gia lâu đời ở Đông Nam Á. Thế kỷ XIX, Anh đã tiến hành ba cuộc chiến tranh chống Mianma, biến Mianma thành thuộc địa của mình. Năm 1942, Mianma bị Nhật Bản chiếm đóng. Tháng 3-1945, Nhật Bản buộc phải rút khỏi Mianma. Tháng 5-1945, quân Anh với danh nghĩa quân Đồng minh quay trở lại xâm chiếm Mianma. Ngày 4-1-1948, Anh trao trả độc lập cho Mianma. Cuộc đảo chính ngày 2-3-1962 đã dẫn đến việc thành lập Hội đồng cách mạng - Cơ quan lãnh đạo tối cao của Nhà nước - do G.Nê Uyn làm Chủ tịch.

Mùa thu 1988, Nê Uyn từ chức. Ngày 18-9-1988, Tướng Xô Moong làm đảo chính, giải tán Quốc hội, nội các và lập ra Hội đồng khôi phục trật tự và luật pháp quốc gia. Ngày 24-9-1988, Đảng Cương lĩnh xã hội chủ nghĩa (đảng cầm quyền ở Mianma) đổi tên thành Đảng Thống nhất quốc gia. Tháng 6-1989, Mianma lấy tên gọi như hiện nay. Tháng 5-1990, Mianma tiến hành cuộc tổng tuyển cử với sự tham gia của nhiều đảng phái chính trị. Tháng 11-1997, Hội đồng khôi phục trật tự và luật pháp quốc gia đổi tên thành Hội đồng hòa bình và phát triển quốc gia.

TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC

Chính thể nghị viện

Các khu vực hành chính 7 vùng, 7 khu hành chính (bang).

Hiến pháp Thông qua vào tháng 5-2008.

Cơ quan hành pháp

Đứng đầu nhà nước và chính phủ Tổng thống

Cơ quan lập pháp Quốc hội gồm hai viện: Thượng viện và Hạ viện được bầu theo phổ thông đầu phiếu, nhiệm kỳ 5 năm.

Cơ quan tư pháp Quyền lực hạn chế, còn chịu ảnh hưởng của hệ thống luật pháp của Anh; tư pháp không độc lập với hành pháp.

Chế độ bầu cử Từ 18 tuổi trở lên, phổ thông đầu phiếu.

Sản phẩm công nghiệp Hàng nông sản, hàng dệt may và giày dép, gỗ và sản phẩm gỗ, đồng, thiếc, tungsten, vật liệu xây dựng, dược phẩm, phân hóa học, dầu và khí đốt tự nhiên, hàng may mặc, ngọc và các sản phẩm ngọc.

Sản phẩm nông nghiệp Gạo, ngô, hạt có dầu, mía, đậu, cá và các sản phẩm cá,...

Xuất khẩu (ước tính 2014): 8,962 tỷ USD

Các mặt hàng xuất khẩu Khí đốt tự nhiên, sản phẩm gỗ, đá quý, đậu, đỗ, cá, gạo, quần áo.

Các bạn hàng xuất khẩu (2014): Trung Quốc (63%), Thái Lan (15,8%), Ấn Độ (5,7%),...

Nhập khẩu (ước tính 2014): 12,17 tỷ USD

Các mặt hàng nhập khẩu Vải, sản phẩm hóa dầu, dầu thô, phân bón, nhựa, máy móc, vật liệu giao thông, vật liệu xây dựng, thực phẩm, dầu ăn,...

Các bạn hàng nhập khẩu (2014): Trung Quốc (42,4%), Thái Lan (19%), Xingapo (10,9%), Nhật Bản (5,4%),...

Nợ nước ngoài (ước tính 31-12-2014): 6,616 tỷ USD

GDP theo PPP (ước tính 2014): 244,4 tỷ USD, xếp thứ 60

Tỷ lệ tăng GDP thực tế (ước tính 2014): 8,5%

GDP bình quân đầu người theo PPP (ước tính 2014): 4.800 USD, xếp thứ 171

Cơ cấu GDP theo các khu vực (ước tính 2014)

nông nghiệp 37,1%

công nghiệp 21,3%
dịch vụ 41,6%

Ngân sách (ước tính 2014)
thu 2,675 tỷ USD
chi 4,401 tỷ USD

Tỷ lệ lạm phát (giá tiêu dùng) (ước tính 2014): 5,9%

Lực lượng lao động (ước tính 2014): 35,23 triệu người

Tỷ lệ thất nghiệp: 4,1%

Tỷ lệ dân sống dưới mức nghèo khổ (ước tính 2007): 32,7%

CƠ SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số máy điện thoại (ước tính 2014): 530.000

Số máy điện thoại di động (ước tính 2014): 26,6 triệu

Số nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP) (2010): 1.033

Số người sử dụng internet (ước tính 2014): 646.700

Tên miền internet .mm

CƠ SỞ HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG VÀ GIAO THÔNG

Sản xuất điện năng (2012): 10,48 tỷ kWh

Tiêu thụ điện năng (2012): 7,765 tỷ kWh

Đường sắt (2008): 5.031 km

Đường bộ (2010): 34.377 km

Đường thủy (2011): 12.800 km
Cảng Moulmein, Rangoon, Sittwe
Sân bay (2013): 64

QUAN HỆ QUỐC TẾ

Tham gia các tổ chức quốc tế ADB, ARF, ASEAN, EAS, FAO, G-77, IAEA, IBRD, ICAO, ICRM, IDA, IFAD, IFC, ILO, IMF, IMO, Interpol, IOC, ITU, UN, UNCTAD, UNESCO, UNIDO, UPU, WCO, WHO, WIPO, WTO,...

VĂN HÓA - XÃ HỘI

Giáo dục Miễn phí và bắt buộc đối với cấp tiểu học

Trình độ biết đọc, biết viết (ước tính 2015): từ 15 tuổi trở lên

trên tổng số dân 93,1%
nam 95,2%
nữ 91,2%

Tỷ lệ sinh (ước tính 2015): 18,39/1.000 dân

Tỷ lệ tử vong (ước tính 2015): 7,96/1.000 dân

Tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh (ước tính 2015)

tổng 43,55/1.000 trẻ sinh ra
bé trai 49,84/1.000 trẻ sinh ra
bé gái 36,88/1.000 trẻ sinh ra

Tuổi thọ trung bình (ước tính 2015): 66,29 tuổi, xếp thứ 171

nam 63,89 tuổi
nữ 68,82 tuổi

Tỷ lệ người nhiễm HIV (ước tính 2014): 0,69%
Số người có HIV (ước tính 2014): 212.600
Số người chết vì HIV (ước tính 2014): 10.100

DANH LAM THẮNG CẢNH

Các cung điện, đền thờ, chùa, lăng tẩm ở Rangoon; hồ Inlo, hang động ở Pindaya, các di tích của nền văn minh cổ đại thuộc Vương triều Pêgan (thành phố Pêgan),...

PHILÍPPIN
Cộng hòa Philíppin
(Republic of the Philippines)

ĐIỀU KIỆN ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN

Vị trí Nằm ở Đông Nam Á, là quần đảo gồm 7.107 đảo.

Toạ độ địa lý 13°00 vĩ bắc, 122°00 kinh đông.

Địa hình Phần lớn là núi với các vùng đất thấp, hẹp ven biển.

Khí hậu Nhiệt đới biển; có gió mùa đông bắc (từ tháng 11 đến 4); có gió mùa tây nam (từ tháng 5 đến 10). *Nhiệt độ* trung bình: 27°C. *Lượng mưa* trung bình hằng năm: 1.000-4.000 mm.

Tài nguyên thiên nhiên Gỗ, dầu mỏ, niken, côban, bạc, vàng, muối, đồng.

Thiên tai Ở hai bên vành đai bão; lở đất; núi lửa hoạt động; động đất.

Các vấn đề về môi trường Rừng bị tàn phá, đất đai bị xói mòn, ô nhiễm không khí và nước.

Diện tích

tổng cộng	300.000 km^2, xếp thứ 73
mặt đất	298.170 km^2

mặt nước 1.830 km²

Đường bờ biển 36.289 km

Số dân (ước tính tháng 7-2015): 100.998.376 người, xếp thứ 13

Cơ cấu dân số (ước tính 2015)

0-14 tuổi: 34,02% (nam 17.531.370/nữ 16.828.067)

15-24 tuổi:19,18% (nam 9.891.032/nữ 9.484.089)

25-54 tuổi: 36,72% (nam 18.810.887/nữ 18.273.641)

55-64 tuổi: 5,8% (nam 2.673.756/nữ 3.183.809)

65 tuổi trở lên: 4,28% (nam 1.802.632/nữ 2.519.093)

Tỷ lệ tăng dân số (ước tính 2015): 1,61%, xếp thứ 74

Độ tuổi trung bình (ước tính 2015): 23,2 tuổi

nam 22,8 tuổi

nữ 23,7 tuổi

Mật độ dân số 361,1 người/km²

Thủ đô Manila, số dân 12.763.800 người

Các thành phố lớn Quezon City, Davao, Cebu, Zamboanga,...

Các dân tộc người Mã Lai Thiên chúa giáo (91,5%), người Mã Lai Hồi giáo (4%), người Hoa (1,5%), các dân tộc khác (3%)

Ngôn ngữ chính tiếng Philíppin (dựa theo tiếng Tagalog) và tiếng Anh; và 8 thổ ngữ chính - Tagalog, Cebuano, Ilocano, Hiligaynon hay Ilonggo, Bicol, Waray, Pampango, và Pangasinan

Tôn giáo đạo Thiên chúa (82,9%), đạo Tin lành (2,8%), đạo Hồi (5%), các tôn giáo khác (9,3%)

Đơn vị tiền tệ pesos Philíppin (PHP)

Tỷ giá hối đoái (ước tính 2014): 1 USD = 44,395 PHP

HDI (2014): 0,668, xếp thứ 115

Mã điện thoại 63

Lái xe bên phải

Quốc khánh 12-6 (1898)

Lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam 12-7-1976

LỊCH SỬ

Trong các thế kỷ XIV-XVI, trên quần đảo Philíppin đã có các công quốc phong kiến. Trong những năm 1565-1571, Tây Ban Nha lần lượt chiếm các đảo và thiết lập ách thống trị ở Philíppin. Năm 1898, đã nổ ra cuộc chiến tranh giữa Mỹ và Tây Ban Nha nhằm giành giật Philíppin. Ngày 12-6-1898, nước Cộng hòa Philíppin tuyên bố thành lập, nhưng trên thực tế Mỹ đã khống chế các lĩnh vực kinh tế, chính trị ở nước này. Trong những năm 1942-1945, Philíppin bị Nhật Bản chiếm. Năm 1945, Nhật Bản bại trận, Mỹ đưa quân trở lại Philíppin. Ngày 4-7-1946, Mỹ trao trả độc lập cho Philíppin.

TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC

Chính thể Cộng hòa tổng thống

Các khu vực hành chính 80 tỉnh và 39 thành phố.

Hiến pháp Thông qua ngày 2-2-1987, có hiệu lực từ ngày 11-2-1987.

Cơ quan hành pháp

Đứng đầu nhà nước và chính phủ Tổng thống

Bầu cử Tổng thống bầu theo phổ thông đầu phiếu, nhiệm kỳ 6 năm và không được tái cử nhiệm kỳ 2.

Cơ quan lập pháp Quốc hội gồm hai viện: Thượng viện, được bầu theo phổ thông đầu phiếu, nhiệm kỳ 6 năm; Hạ viện được bầu theo phổ thông đầu phiếu, nhiệm kỳ 3 năm.

Cơ quan tư pháp Tòa án tối cao.

Chế độ bầu cử Từ 18 tuổi trở lên, phổ thông đầu phiếu.

KINH TẾ

Sản phẩm công nghiệp Hàng dệt may, dược phẩm, hóa chất, đồ gỗ, hàng điện tử, dầu tinh lọc, thực phẩm.

Sản phẩm nông nghiệp Gạo, ngô, dừa, mía, chuối, dứa, xoài, thịt lợn, thịt bò, trứng, cá.

Xuất khẩu (ước tính 2014): 47,76 tỷ USD

Các mặt hàng xuất khẩu Hàng điện tử viễn thông, vật liệu bán dẫn, thiết bị vận tải, sản phẩm đồng, dầu mỏ, dầu dừa, hàng may mặc, hoa quả.

Các bạn hàng xuất khẩu (2014): Nhật Bản (22,5%), Mỹ (14,1%), Trung Quốc (13%), Hồng Kông (9,1%), Xingapo (7,2%), Đức (4,3%), Hàn Quốc (4,1%),...

Nhập khẩu (ước tính 2014): 63,61 tỷ USD

Các mặt hàng nhập khẩu Máy móc và thiết bị điện tử, thiết bị vận tải, khoáng chất, quặng, thép, vải, hóa chất, nhựa.

Các bạn hàng nhập khẩu (2014): Trung Quốc (15%), Mỹ (8,7%), Nhật Bản (8,1%), Hàn Quốc (7,8%), Xingapo (7%), Thái Lan (5,3%), Arập Xêút (5%), Malaixia (4,8%), Inđônêxia (4,7%), Đức (4,2%),...

Nợ nước ngoài (ước tính 31-12-2014): 77,67 tỷ USD

GDP theo PPP (ước tính 2014): 693,4 tỷ USD, xếp thứ 31

Tỷ lệ tăng GDP thực tế (ước tính 2014): 6,1%

GDP bình quân đầu người theo PPP (ước tính 2014): 7.000 USD, xếp thứ 153

Cơ cấu GDP theo các khu vực (ước tính 2014)

nông nghiệp 11,3%
công nghiệp 31,4%
dịch vụ 57,3%

Ngân sách (ước tính 2014)

thu 42,98 tỷ USD
chi 44,63 tỷ USD

Tỷ lệ lạm phát (giá tiêu dùng) (ước tính 2014): 4,2%

Lực lượng lao động (ước tính 2014): 40,87 triệu người

Tỷ lệ thất nghiệp: 7%

Hệ số Gini (2012): 46, xếp thứ 34

Tỷ lệ dân sống dưới mức nghèo khổ (ước tính 2012): 25,2%

CƠ SỞ HẠ TẦNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số máy điện thoại (ước tính 2014): 3,09 triệu

Số máy điện thoại di động (ước tính 2014): 111,3 triệu

Số nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP) (2010): 452.050

Số người sử dụng internet (ước tính 2014): 39,2 triệu

Tên miền internet .ph

CƠ SỞ HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG VÀ GIAO THÔNG

Sản xuất điện năng (ước tính 2012): 69,67 tỷ kWh

Tiêu thụ điện năng (ước tính 2012): 61,31 tỷ kWh

Đường sắt (2014): 897 km

Đường bộ (2014): 216.387 km

Đường thủy (2011): 3.219 km

Cảng Batangas, Cagayan de Oro, Cebu, Davao, Liman, Manila

Sân bay (2013): 247

QUAN HỆ QUỐC TẾ

Tham gia các tổ chức quốc tế ADB, APEC, ARF, ASEAN, EAS, FAO, G-24, G-77, IAEA, IBRD, ICAO, ICC, IDA, IFAD, IFC, ILO, IMF, IMO, Interpol, IOC, IOM, IPU, ISO, ITSO, ITU, UN, UNCTAD, UNESCO, UNHCR, UNIDO, UPU, WHO, WIPO, WTO,...

VĂN HÓA - XÃ HỘI

Trình độ biết đọc, biết viết (ước tính 2015): từ 15 tuổi trở lên

trên tổng số dân 96,3%
nam 95,8%
nữ 96,8%

Tỷ lệ sinh (ước tính 2015): 24,27/1.000 dân

Tỷ lệ tử vong (ước tính 2015): 6,11/1.000 dân

Tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh (ước tính 2015)

tổng 22,34/1.000 trẻ sinh ra
bé trai 25,27/1.000 trẻ sinh ra
bé gái 19,27/1.000 trẻ sinh ra

Tuổi thọ trung bình (ước tính 2015): 68,96 tuổi, xếp thứ 160

nam 65,47 tuổi
nữ 72,62 tuổi

Tỷ lệ người nhiễm HIV (ước tính 2014): 0,06%

Số người có HIV (ước tính 2014): 35.600

Số người chết vì HIV (ước tính 2014): 500

DANH LAM THẮNG CẢNH

Các khu nghỉ mát ở bãi biển, các khu phố cổ của Manila từ thời Tây Ban Nha, núi lửa Taan, đảo Một trăm, đảo Visaya, các khu rừng nguyên thủy ở đảo Mindanao,...

THÁI LAN
Vương quốc Thái Lan
(Kingdom of Thailand)

ĐIỀU KIỆN ĐỊA LÝ - TỰ NHIÊN

Vị trí Thái Lan (trước năm 1939 có tên gọi là Xiêm), nằm ở Đông Nam Á, giáp Lào, Campuchia, vịnh Thái Lan, Malaixia, biển Ađaman và Mianma.

Kiểm soát con đường bộ duy nhất từ châu Á đi Malaixia và Xingapo.

Toạ độ địa lý 15°00 vĩ bắc, 100°00 kinh đông.

Địa hình Đồng bằng ở vùng trung tâm, cao nguyên Khorat ở phía đông, các nơi khác là núi non.

Khí hậu Nhiệt đới gió mùa; mùa mưa có gió mùa tây nam, ấm, nhiều mây (từ giữa tháng 5 đến 9); mùa khô có gió mùa đông bắc, lạnh (từ tháng 11 đến giữa tháng 3); dải đất phía nam luôn nóng và ẩm.

Nhiệt độ trung bình: 24-29°C. *Lượng mưa* trung bình hằng năm: 1.000-2.000 mm, ở vùng núi: 5.000 mm.

Tài nguyên thiên nhiên Thiếc, cao su, khí tự nhiên, tungsten, gỗ, chì, cá, thạch cao.

Thiên tai Đất vùng Băng Cốc đang bị lún dần do tầng nước ngầm bị hút hết; hạn hán, lũ lụt thường xảy ra.

Các vấn đề về môi trường Ô nhiễm không khí và nước; rừng bị tàn phá, đất đai bị xói mòn; động vật hoang dã bị đe dọa do nạn săn bắt trái phép.

Diện tích

tổng cộng	513.120 km^2, xếp thứ 51
mặt đất	510.890 km^2
mặt nước	2.230 km^2
Biên giới đất liền	5.673 km
Đường bờ biển	3.219 km

Số dân (ước tính tháng 7-2015): 67.976.405 người, xếp thứ 21

Cơ cấu dân số (ước tính 2015)

0-14 tuổi: 17,41% (nam 6.062.868/nữ 5.774.631)

15-24 tuổi: 14,78% (nam 5.119.387/nữ 4.927.250)

25-54 tuổi: 46,69% (nam 15.675.425/nữ 16.061.864)

55-64 tuổi: 11,26% (nam 3.600.695/nữ 4.053.977)

65 tuổi trở lên: 9,86% (nam 2.935.703/nữ 3.764.605)

Tỷ lệ tăng dân số (ước tính 2015): 0,34%, xếp thứ 168

Độ tuổi trung bình (ước tính 2015): 36,7 tuổi

nam 35,7 tuổi

nữ 37,7 tuổi

Mật độ dân số 132,6 người/km^2

Thủ đô Băngcốc (Bangkok), số dân 9.097.870 người

Các thành phố lớn Chiềng Mai (Chiang Mai), Hat Yai, Nakhon Ratchasima,...

Các dân tộc người Thái (95,9%), người Miến (2%), các dân tộc khác (1,3%), không xác định (0,8%)

Ngôn ngữ chính tiếng Thái, tiếng Anh được sử dụng rộng rãi.

Tôn giáo đạo Phật (93,6%), đạo Hồi (4,9%), đạo Cơ đốc (1,2%) và các tôn giáo khác (0,2%), không xác định (0,1%)

Đơn vị tiền tệ Bạt (baht)

Tỷ giá hối đoái (ước tính 2014): 1 USD = 32,48 Baht

HDI (2014): 0,726, xếp thứ 93

Mã điện thoại 66

Lái xe bên trái

Quốc khánh 5-12 (1927), ngày sinh của vua đương quyền

Lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam 6-8-1976

LỊCH SỬ

Nhà nước Thái Lan hình thành từ giữa thế kỷ XIII-XIV với các tên gọi là Vương quốc Sukhothai, Vương quốc Ayuthaya,... Đầu thế kỷ XIX, Thái Lan trở thành đối tượng xâm lược của nhiều đế quốc, chủ yếu là Anh, Pháp, Mỹ. Cuộc cách mạng tư sản năm 1932 đã xóa bỏ chế độ chuyên chế, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.

TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC

Chính thể Quân chủ lập hiến

Các khu vực hành chính 76 tỉnh

Hiến pháp Tháng 12-1932, vua Rama VII thông qua Hiến pháp đầu tiên. Hiến pháp gần đây nhất ban hành ngày 22-5-2014.

Cơ quan hành pháp

Đứng đầu nhà nước về danh nghĩa Vua

Đứng đầu chính phủ Thủ tướng

Thái Lan theo chế độ quân chủ, cha truyền con nối; Thủ tướng được bổ nhiệm từ các đại biểu Quốc hội; sau khi bầu cử Quốc hội, người đứng đầu của đảng có thể thành lập được liên minh đa số thường trở thành thủ tướng.

Cơ quan lập pháp Quốc hội gồm hai viện: Thượng viện, được bầu theo phổ thông đầu phiếu, nhiệm kỳ 6 năm; Hạ viện, được bầu theo phổ thông đầu phiếu, nhiệm kỳ 4 năm[1].

Chế độ bầu cử Từ 18 tuổi trở lên, phổ thông đầu phiếu và bắt buộc.

KINH TẾ

Sản phẩm công nghiệp Đồ trang sức, hàng dệt may, nông sản chế biến, đồ uống, thuốc lá, xi măng, hàng công nghiệp nhẹ,...

Thái Lan là nước sản xuất tungsten lớn thứ hai thế giới và sản xuất thiếc lớn thứ ba thế giới.

Sản phẩm nông nghiệp Gạo, ngô, sắn, mía, dừa, đậu, cao su,...

Xuất khẩu (ước tính 2014): 224,8 tỷ USD

Các mặt hàng xuất khẩu Hàng dệt, giày, các sản

---

1. Do tình hình chính trị trong những năm vừa qua chưa ổn định nên các cuộc bầu cử cơ quan lập pháp chưa được tiến hành *(BT)*.

phẩm cá, gạo (Thái Lan là một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới), cao su, đồ trang sức, ôtô, máy tính và các linh kiện,...

Các bạn hàng xuất khẩu (2014): Trung Quốc (11%), Mỹ (10,5%), Nhật Bản (9,6%), Malaixia (5,6%), Hồng Kông (5,5%), Xingapo (4,6%), Inđônêxia (4,2%), Ôxtrâylia (4,1%),...

Nhập khẩu (ước tính 2014): 200,2 tỷ USD

Các mặt hàng nhập khẩu Bán thành phẩm, vật liệu thô, thiết bị điện tử, đậu tương, bột mỳ,...

Các bạn hàng nhập khẩu (2014): Trung Quốc (16,9%), Nhật Bản (15,6%), Mỹ (6,4%), Các tiểu vương quốc Arập thống nhất (5,6%), Malaixia (5,6%),...

Nợ nước ngoài (ước tính 31-12-2014): 140,7 tỷ USD

GDP theo PPP (ước tính 2014): 1,07 nghìn tỷ USD, xếp thứ 22

Tỷ lệ tăng GDP thực tế (ước tính 2014): 0,9%

GDP bình quân đầu người theo PPP (ước tính 2014): 15.600 USD, xếp thứ 102

Cơ cấu GDP theo các khu vực (ước tính 2014)

nông nghiệp 10,5%
công nghiệp 36,8%
dịch vụ 52,7%

Ngân sách (ước tính 2014)

thu 71,31 tỷ USD
chi 77,6 tỷ USD

Tỷ lệ lạm phát (giá tiêu dùng) (ước tính 2014): 1,9%

Lực lượng lao động (ước tính 2014): 38,96 triệu người

Tỷ lệ thất nghiệp: 0,7%

Hệ số Gini (2011): 48,4, xếp thứ 25

Tỷ lệ dân sống dưới mức nghèo khổ (ước tính 2012): 12,6%

CƠ SỞ HẠ TẦNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số máy điện thoại (ước tính 2014): 5,69 triệu

Số máy điện thoại di động (ước tính 2014): 97,1 triệu

Số nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP) (2010): 3,278 triệu

Số người sử dụng internet (ước tính 2014): 19,5 triệu

Tên miền internet .th

CƠ SỞ HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG VÀ GIAO THÔNG

Sản xuất điện năng (ước tính 2012): 156,4 tỷ kWh

Tiêu thụ điện năng (ước tính 2012): 155,9 tỷ kWh

Xuất khẩu điện năng (ước tính 2013): 1,375 tỷ kWh

Nhập khẩu điện năng (ước tính 2013): 12,57 tỷ kWh

Đường sắt (2014): 4.070,8 km

Đường bộ (2006): 180.053 km

Đường thủy (2011): 4.000 km

Cảng Bangkok, Laem Chabang, Map Ta Phut, Prachuap Port, Si Racha

Sân bay (2013): 101

QUAN HỆ QUỐC TẾ

Tham gia các tổ chức quốc tế ADB, APEC, ARF, ASEAN, EAS, FAO, G-77, IAEA, IBRD, ICAO, ICC, IFC, IHO, ILO, IMF, IMO, Interpol, IOC, IOM, IPU, ISO, ITU, UN, UNCTAD, UNESCO, UNHCR, UNIDO, UPU, WHO, WIPO, WTO,...

VĂN HÓA - XÃ HỘI

Trình độ biết đọc, biết viết (2015): từ 15 tuổi trở lên

trên tổng số dân 96,7%
nam 96,6%
nữ 96,7%

Tỷ lệ sinh (ước tính 2015): 11,19/1.000 dân

Tỷ lệ tử vong (ước tính 2015): 7,8/1.000 dân

Tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh (ước tính 2015)

tổng 9,63/1.000 trẻ sinh ra
bé trai 10,59/1.000 trẻ sinh ra
bé gái 8,62/1.000 trẻ sinh ra

Tuổi thọ trung bình (ước tính 2015): 74,43 tuổi, xếp thứ 118

nam 71,24 tuổi
nữ 77,78 tuổi

Tỷ lệ người nhiễm HIV (ước tính 2014): 1,13%

Số người có HIV (ước tính 2014): 445.600

Số người chết vì HIV (ước tính 2014): 19.400

DANH LAM THẮNG CẢNH

Thủ đô Băng Cốc, cố đô Chiềng Mai, các bãi biển, các đền thờ Phật giáo, thành phố nghỉ mát Páttaya,...

TIMO LEXTE

Cộng hòa dân chủ Timo Lexte
(Democratic Republic of Timor Leste)

ĐIỀU KIỆN ĐỊA LÝ - TỰ NHIÊN

Vị trí Là một phần của quần đảo Mã Lai, nằm ở khu vực Đông Nam Á, phía tây bắc của Ôxtrâylia trên cụm đảo Lesser Sunda. Phía bắc của đảo là eo biển Ombai và eo biển Wetar, phía nam và phía đông là biển Timo; phía tây giáp Inđônêxia.

Toàn bộ lãnh thổ Timo Lexte bao gồm nửa phía đông của đảo Timo, vùng Oecussi (Ambenno) ở phía tây bắc của đảo Timo và các đảo Pulau Atauro, Pulau Jaco.

Tọa độ địa lý 8°50 vĩ nam, 125°55 kinh đông.

Địa hình Có nhiều núi non, với đỉnh Foho Tatamailan cao nhất khoảng 3.000 m. Vùng thấp nhất thuộc biển Timo, biển Savu và biển Banda.

Khí hậu Nhiệt đới; nóng, ẩm; có hai mùa: mùa mưa (tháng 11 đến 5) và mùa khô (tháng 5 đến 11) rõ rệt. Miền Nam có lượng mưa lớn hơn và thường bị lụt lội.

Tài nguyên thiên nhiên Vàng, dầu mỏ, khí đốt, mangan, cẩm thạch.

Thiên tai Lũ lụt và sạt lở đất, động đất, sóng thần và bão nhiệt đới.

Các vấn đề về môi trường Chặt phá rừng, xói mòn đất do chặt phá và đốt rừng làm rẫy trên diện rộng.

Diện tích

tổng cộng	14.874 km², xếp thứ 160
mặt đất	14.874 km²
Biên giới đất liền	253 km
Đường bờ biển	706 km

Số dân (ước tính tháng 7-2012): 1.231.116 người, xếp thứ 159

Cơ cấu dân số (ước tính 2015)

0-14 tuổi: 41,82% (nam 264.636/nữ 250.184)

15-24 tuổi:20,02% (nam 124.937/nữ 121.508)

25-54 tuổi: 29,59% (nam 175.569/nữ 188.726)

55-64 tuổi: 4,84% (nam 30.584/nữ 29.010)

65 tuổi trở lên: 3,73% (nam 21.948/nữ 24.014)

Tỷ lệ tăng dân số (ước tính 2015): 2,42%, xếp thứ 30

Độ tuổi trung bình (ước tính 2015): 18,6 tuổi

nam	18 tuổi
nữ	19,2 tuổi

Mật độ dân số (2014): 80,8 người/km²

Thủ đô Đili (Dili), số dân 228.136 người

Các thành phố lớn Đili

Các dân tộc người Malayo-Polynesian, người Papuan và các dân tộc thiểu số người Trung Quốc

Ngôn ngữ chính tiếng Tetum, tiếng Bồ Đào Nha (ngôn ngữ chính), tiếng Inđônêxia, tiếng Anh

Tôn giáo đạo Thiên chúa (96,9%), đạo Hồi (0,3%), đạo Tin lành (2,2%), các tôn giáo khác (0,6%)

Đơn vị tiền tệ đôla Mỹ (USD)

HDI (2013): 0,620, xếp thứ 128

Mã điện thoại 670

Lái xe bên trái

Quốc khánh 28-11 (1975)

Lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam 28-7-2002

LỊCH SỬ

Người Bồ Đào Nha bắt đầu buôn bán thương mại với đảo Timo vào đầu thế kỷ XVI và thực hiện chính sách thực dân hóa tại đây vào giữa thế kỷ XVI. Phát xít Nhật chiếm Timo từ năm 1942 đến 1945. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Bồ Đào Nha quay lại quản lý Timo và coi đây là một tỉnh "hải ngoại" của mình. Timo tuyên bố độc lập ngày 28-11-1975 và chín ngày sau đó lại bị Bồ Đào Nha chiếm đóng. Tháng 7-1976, hợp nhất vào Inđônêxia thành một tỉnh của Timo Timu (Timo Lexte). Ngày 30-8-1999, trong cuộc trưng cầu ý dân dưới sự giám sát của Liên hợp quốc, phần lớn người dân Timo Lexte bỏ phiếu ủng hộ độc lập thoát khỏi Inđônêxia. Cuối tháng 9-1999, các lực lượng quân đội phản đối nền độc lập của Timo được quân đội

Inđônêxia tổ chức và hỗ trợ, đã tiến hành các chiến dịch bạo loạn. Ngày 20-9-1999, đội quân gìn giữ hòa bình của lực lượng quốc tế do Ôxtrâylia đứng đầu tiến vào Timo Lexte dẹp tan bạo loạn. Ngày 20-5-2002, Timo Lexte được công nhận là nước độc lập và tham gia vào Liên hợp quốc.

TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC

Chính thể Cộng hòa nghị viện

Các đơn vị hành chính 13 tỉnh.

Hiến pháp Có hiệu lực từ ngày 20-5-2002.

Cơ quan hành pháp

Đứng đầu nhà nước Tổng thống

Tổng thống đóng vai trò là biểu tượng quốc gia, tuy nhiên vẫn có quyền phủ quyết, giải tán Quốc hội và tổ chức bầu cử quốc gia.

Đứng đầu chính phủ Thủ tướng

Bầu cử Tổng thống được bầu theo phổ thông đầu phiếu, nhiệm kỳ 5 năm (có thể được bầu nhiệm kỳ thứ hai); sau cuộc bầu cử, tổng thống sẽ bổ nhiệm thủ tướng là lãnh đạo của đảng hay của liên minh các đảng chiếm đa số trong Quốc hội.

Chế độ bầu cử: Từ 17 tuổi trở lên, phổ thông đầu phiếu.

KINH TẾ

Sản phẩm công nghiệp In ấn, xà phòng, đồ thủ công, vải dệt,...

Sản phẩm nông nghiệp Cà phê, gạo, ngô, bột sắn, khoai lang, đậu tương, bắp cải, xoài, chuối và vani.

Xuất khẩu (ước tính 2014): 15,5 triệu USD

Các mặt hàng xuất khẩu Dầu, cà phê, gỗ đàn hương, đá cẩm thạch.

Nhập khẩu (ước tính 2014): 764,2 triệu USD

Các mặt hàng nhập khẩu Thực phẩm, xăng, dầu mỏ, máy móc.

GDP theo PPP (ước tính 2014): 6,745 tỷ USD, xếp thứ 167

Tỷ lệ tăng GDP thực tế (ước tính 2014): 4,5%

GDP bình quân đầu người theo PPP (ước tính 2014): 5.500 USD, xếp thứ 163

Cơ cấu GDP theo các khu vực (ước tính 2014)

nông nghiệp 5,5%
công nghiệp 80,5%
dịch vụ 14%

Ngân sách (ước tính 2014)

thu 300 triệu USD
chi 2 tỷ USD

Tỷ lệ lạm phát (giá tiêu dùng) (ước tính 2014): 0,7%

Lực lượng lao động (ước tính 2013): 259.800 người

Chỉ số Gini (ước tính 2007): 31,9, xếp thứ 114

Tỷ lệ dân sống dưới mức nghèo khổ (ước tính 2011): 37%

CƠ SỞ HẠ TẦNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số máy điện thoại (ước tính 2014): 3.000

Số máy điện thoại di động (ước tính 2014): 676.900
Số nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP) (2010): 210
Số người sử dụng internet (ước tính 2014): 12.000
Tên miền internet .tl

CƠ SỞ HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG VÀ GIAO THÔNG

Sản xuất điện năng (ước tính 2012): 349,4 triệu kWh
Tiêu thụ điện năng (ước tính 2012): 125,3 triệu kWh
Đường bộ (2005): 6.040 km
Cảng Dili
Sân bay (2013): 6

QUAN HỆ QUỐC TẾ

Tham gia các tổ chức quốc tế ACP, ADB, AOSIS, ARF, ASEAN (quan sát viên), FAO, G-77, IBRD, ICAO, ICRM, IDA, IFAD, IFC, ILO, IMF, IMO, Interpol, IOC, IOM, IPU, ITU, MIGA, NAM, UN, UNCTAD, UNESCO, UNIDO, UNWTO, UPU, WCO, WHO, WMO,...

VĂN HÓA - XÃ HỘI

Trình độ biết đọc, biết viết (ước tính 2015): từ 15 tuổi trở lên

trên tổng số dân	67,5%
nam	71,5%
nữ	63,4%

Tỷ lệ sinh (ước tính 2015): 34,16/1.000 dân

Tỷ lệ tử vong (ước tính 2015): 6,1/1.000 dân

Tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh (ước tính 2015)

tổng 37,54/1.000 trẻ sinh ra

bé trai 40,5/1.000 trẻ sinh ra

bé gái 34,39/1.000 trẻ sinh ra

Tuổi thọ trung bình (ước tính 2015): 67,72 tuổi, xếp thứ 165

nam 66,17 tuổi

nữ 69,37 tuổi

DANH LAM THẮNG CẢNH

Các bãi tắm nổi tiếng, những pháo đài cổ của người Bồ Đào Nha, những điếm canh cổ trên những ngọn đồi thoáng mát và ngoạn mục.

VIỆT NAM
Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
(Socialist Republic of Vietnam)

ĐIỀU KIỆN ĐỊA LÝ - TỰ NHIÊN

Vị trí Nằm trên bán đảo Đông Dương, thuộc khu vực Đông Nam Á, giáp Trung Quốc, Biển Đông, vịnh Thái Lan, Campuchia và Lào. Lãnh thổ Việt Nam, ngoài phần đất trên lục địa còn bao gồm nhiều đảo và quần đảo như quần đảo Trường Sa, quần đảo Hoàng Sa, các đảo Bạch Long Vĩ, Cô Tô, Côn Sơn, Phú Quốc, Thổ Chu,...

Tọa độ địa lý kinh tuyến 102°8′ - 109°27′ Đông, Vĩ tuyến 8°27′- 23°23 Bắc.

Địa hình Có hai vùng đồng bằng lớn thuộc châu thổ sông Hồng ở phía bắc và châu thổ sông Cửu Long ở phía nam, vùng cao nguyên ở miền Trung, vùng đồi núi ở bắc và tây bắc.

Khí hậu Nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm; ở phía bắc có bốn mùa khí hậu rõ rệt, ở phía nam có hai mùa: mùa mưa (giữa tháng 5 đến 9), mùa khô (giữa tháng 10 đến giữa tháng 3).

Tài nguyên thiên nhiên Phốt phát, than đá, mangan, bôxít, đồng, crôm, titan, dầu mỏ và khí tự nhiên ở ngoài biển khơi, tài nguyên rừng, hải sản.

Thiên tai Bão (từ tháng 5 đến 11), lũ lụt trên diện rộng, thường xảy ra khắp ba miền.

Các vấn đề về môi trường Nạn phá rừng, lũ lụt nghiêm trọng và xảy ra thường xuyên hơn, ô nhiễm nước và đánh bắt cá quá mức đang đe dọa nguồn lợi hải sản, môi trường đô thị ngày càng bị ô nhiễm, giao thông tắc nghẽn, không khí và nguồn nước ở các đô thị bị ô nhiễm.

Diện tích

tổng cộng	331.210 km^2, xếp thứ 66[1]
mặt đất	310.070 km^2
mặt nước	21.140 km^2
Biên giới đất liền	4.616 km
Đường bờ biển	3.260 km (chưa tính bờ biển của các đảo)

Số dân (ước tính tháng 7-2015): 94.348.835 người, xếp thứ 15[2]

Cơ cấu dân số (ước tính 2015)

0-14 tuổi: 24,1% (nam 11.948.130/nữ 10.786.381)

15-24 tuổi: 17,22% (nam 8.411.108/nữ 7.833.327)

25-54 tuổi: 45,05% (nam 21.358.647/nữ 21.145.416)

1, 2. Theo Tổng cục Thống kê: *Niên giám thống kê 2014*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2015:

- Diện tích: 330.966,9 km^2
- Số dân (2014): 90.728.900 người

55-64 tuổi: 7,81% (nam 3.376.706/nữ 3.995.035)

65 tuổi trở lên: 5,82% (nam 2.115.057/nữ 3.379.028)

Tỷ lệ tăng dân số (ước tính 2015): 0,97%, xếp thứ 119[1]

Độ tuổi trung bình (ước tính 2015): 29,6 tuổi

nam 28,5 tuổi

nữ 30,7 tuổi

Mật độ dân số 301,3 người/km^2

Thủ đô Hà Nội

Các thành phố lớn Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần Thơ,...

Các dân tộc 54 dân tộc, trong đó dân tộc Kinh chiếm khoảng 90%, các dân tộc khác khoảng 10%

Ngôn ngữ chính tiếng Việt (tiếng phổ thông); tiếng các dân tộc thiểu số cũng được sử dụng trong cộng đồng

Tôn giáo đạo Phật (9,3%), đạo Thiên chúa (6,7%), đạo Hồi (0,1%), đạo Tin lành (0,5%), đạo Cao Đài (1,1%), đạo Hòa Hảo (1,5%), không tôn giáo (80,8%)

Đơn vị tiền tệ đồng Việt Nam (VND)

Tỷ giá hối đoái (ước tính 2014): 1 USD = 21.189 VND

HDI (2014): 0,666, xếp thứ 116

Mã điện thoại 84

Lái xe bên phải

Quốc khánh 2-9 (1945)

---

1. Theo Tổng cục Thống kê: *Niên giám thống kê 2014, Sđd*:
- Tỷ lệ tăng dân số (ước tính 2014): 1,08%

LỊCH SỬ

Việt Nam có lịch sử hàng nghìn năm văn hiến kể từ khi Vua Hùng dựng nước Văn Lang. Từ đầu thế kỷ II trước Công nguyên đến thế kỷ X, Việt Nam thường xuyên bị phong kiến phương Bắc xâm chiếm. Nhân dân Việt Nam đã liên tiếp nổi dậy chống bọn xâm lược, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng (40-43), Bà Triệu (248), Lý Bí (542), Mai Thúc Loan (722), Phùng Hưng (767). Năm 938, Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán đã chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc kéo dài hơn 1.000 năm và mở đầu kỷ nguyên độc lập tự chủ của đất nước. Từ thế kỷ X đến thế kỷ XV, nhân dân Việt Nam đã lập nên những chiến công hiển hách mới: đánh thắng quân Tống (1077), đánh bại quân Nguyên - Mông (1258, 1285, 1287-1288), đánh đuổi quân Minh (1418-1428), v.v.. Từ thế kỷ XVII đến XVIII, chế độ phong kiến ở Việt Nam khủng hoảng nghiêm trọng. Triều đình Mãn Thanh Trung Quốc lại mưu toan thôn tính Việt Nam. Nhưng với chiến thắng lẫy lừng của Vua Quang Trung mùa xuân năm 1789, nền độc lập, tự chủ của đất nước đã được bảo vệ vững chắc. Vào giữa thế kỷ XIX, thực dân Pháp xâm chiếm Việt Nam, biến Việt Nam thành thuộc địa của Pháp trong gần một thế kỷ. Tháng 8-1945, nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương đã khởi nghĩa giành được chính quyền trong cả nước, xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến, ngày 2-1945, tuyên bố thành

lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thực dân Pháp quay trở lại xâm lược, nhân dân Việt Nam đã phải tiến hành cuộc chiến đấu kéo dài suốt chín năm. Chiến thắng Điện Biên Phủ (tháng 5-1954) đã buộc Pháp phải ký Hiệp nghị Gionevơ về Đông Dương, thừa nhận nền độc lập của Việt Nam. Nhưng sau đó, Việt Nam lại tiến hành cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước ròng rã 21 năm, lần lượt đánh thắng các chiến lược "chiến tranh đặc biệt", "chiến tranh cục bộ", "Việt Nam hóa chiến tranh" ở miền Nam và cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của Mỹ ở miền Bắc. Mỹ phải ký Hiệp định Pari ngày 27-1-1973, rút quân Mỹ ra khỏi Việt Nam. Tháng 4-1975, bằng cuộc Tổng tiến công, kết thúc với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, nhân dân Việt Nam đã giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam, thống nhất đất nước. Tháng 7-1976, Quốc hội khóa VI đã quyết định đặt tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC

Chính thể Nhà nước xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản

Các khu vực hành chính 63 tỉnh, thành phố.

Hiến pháp Hiến pháp năm 1946 được thông qua ngày 9-11-1946; Hiến pháp năm 1959 được thông qua ngày 31-12-1959; Hiến pháp năm 1980 được thông qua ngày 18-12-1980; Hiến pháp năm 1992 được thông qua ngày 15-4-1992, sửa đổi bổ sung năm 2001 và gần đây nhất là năm 2013.

Cơ quan hành pháp

Đứng đầu nhà nước Chủ tịch nước

Đứng đầu chính phủ Thủ tướng

Bầu cử Chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số các đại biểu Quốc hội, nhiệm kỳ 5 năm; Thủ tướng do Chủ tịch nước đề cử trong số các đại biểu Quốc hội và do Quốc hội phê chuẩn.

Cơ quan lập pháp Quốc hội, các thành viên được bầu cử theo phổ thông đầu phiếu, nhiệm kỳ 5 năm.

Cơ quan tư pháp Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Chế độ bầu cử Từ 18 tuổi trở lên, phổ thông đầu phiếu.

KINH TẾ

Sản phẩm công nghiệp Thực phẩm, hàng may mặc, giày dép, máy móc xây dựng, xi măng, phân bón hóa học, thủy tinh, đồ trang sức, dầu mỏ, than đá, thép, giấy,...

Sản phẩm nông nghiệp Gạo, ngô, khoai tây, cao su, đậu tương, cà phê, chè, chuối, bông, mía, đậu phụ, hồ tiêu, điều, gia cầm, lợn, đồ hải sản.

Xuất khẩu (ước tính 2014): 150,2 tỷ USD[1]

Các mặt hàng xuất khẩu: Dầu thô, hải sản, gạo

---

1. Theo Tổng cục Thống kê: *Niên giám thống kê 2014, Sđd:*
- Xuất khẩu (2013): 142,7 tỷ USD

(đứng thứ hai thế giới), cà phê (đứng thứ ba thế giới), cao su, chè, hàng may mặc, giày dép,...

Các bạn hàng xuất khẩu (ước tính 2014): Mỹ (20%), Trung Quốc (10,4%), Nhật Bản (10,3%), Hàn Quốc (5%),...

Nhập khẩu (ước tính 2014): 138,1 tỷ USD[1]

Các mặt hàng nhập khẩu Máy móc, thiết bị, sản phẩm dầu mỏ, phân hóa học, sản phẩm thép, đồ điện tử, ô tô,...

Các bạn hàng nhập khẩu (ước tính 2014): Trung Quốc (30,4%), Hàn Quốc (15%), Nhật Bản (8,9%), Thái Lan (4,9%), Xingapo (4,7%), Mỹ (4,4%)...

Nợ nước ngoài (ước tính 31-12-2014): 69,76 tỷ USD

GDP theo PPP (ước tính 2014): 512,6 tỷ USD, xếp thứ 38

Tỷ lệ tăng GDP thực tế (ước tính 2014): 6%

GDP bình quân đầu người theo PPP (ước tính 2014): 5.700 USD, xếp thứ 161

Cơ cấu GDP theo các khu vực (ước tính 2014)[2]

nông nghiệp	18,1%
công nghiệp	38,5%
dịch vụ	43,4%

1, 2. Theo Tổng cục Thống kê: *Niên giám thống kê 2014, Sđd:*

- Nhập khẩu (2013): 145,9 USD
- Cơ cấu GDP theo các khu vực (2014)

Nông, lâm nghiệp và thủy sản	17,70%
Công nghiệp và xây dựng	33,21%
Dịch vụ	39,04%

Ngân sách (ước tính 2014)[1]
thu 40,75 tỷ USD
chi 48,87 tỷ USD
Tỷ lệ lạm phát (giá tiêu dùng) (ước tính 2014): 4,1%
Lực lượng lao động (2014): 54,17 triệu người[2]
Hệ số Gini (2008): 37,6, xếp thứ 77[3]
Tỷ lệ dân sống dưới mức nghèo khổ (ước tính 2012): 11,3%

CƠ SỞ HẠ TẦNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số máy điện thoại (ước tính 2014): 5,56 triệu
Số máy điện thoại di động (ước tính 2014): 136,1 triệu
Số nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP) (2010): 175.612
Số người sử dụng internet (2014): 40,1 triệu
Tên miền internet .vn

CƠ SỞ HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG VÀ GIAO THÔNG

Sản xuất điện năng (ước tính 2012): 118,2 tỷ kWh
Tiêu thụ điện năng (ước tính 2012): 108,3 tỷ kWh
Xuất khẩu điện năng (ước tính 2012): 1,078 tỷ kWh

1, 2, 3. Theo Tổng cục Thống kê: *Niên giám thống kê 2014, Sđd:*
- Ngân sách (2013)
  Thu 563.329 tỷ đồng (không tính dầu thô)
  Chi 1.017.500 tỷ đồng
- Lực lượng lao động (2014): 53,748 triệu người
- Hệ số Gini (2014): 0,43

Nhập khẩu điện năng (ước tính 2012): 3,254 tỷ kWh

Đường sắt (2014): 2.600 km

Đường bộ (2013): 195.468 km[1]

Đường thủy (2011): 47.130 km[2]

Cảng Cẩm Phả, Hải Phòng, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cửa Lò, Cam Ranh, Quy Nhơn,...

Sân bay (2013): 45

QUAN HỆ QUỐC TẾ

Tham gia các tổ chức quốc tế ADB, AfDB (thành viên ngoài khu vực), ARF, ASEAN (bên đối thoại), EAS, FAO, G-15, G-20, G-24, G-77, IAEA, IBRD, ICAO, ICC, IDA, IFC, ILO, IMF, IMO, Interpol, IOC, IOM, IPU, ISO, ITU, SAARC, UN, UNCTAD, UNESCO, UNHCR, UNIDO, UPU, WCO, WFTU, WHO, WIPO, WMO, WTO,...

VĂN HÓA - XÃ HỘI

Giáo dục Miễn phí cấp tiểu học và bắt buộc chín năm.

Trình độ biết đọc, biết viết (ước tính 2015): từ 15 tuổi trở lên

trên tổng số dân 94,5%

nam 96,3%

nữ 92,8%

1, 2. Theo Tổng cục Thống kê: *Niên giám thống kê 2014, Sđd:*

- Đường bộ (2013): 211.496 km
- Đường thủy (2013): 39.755 km

Tỷ lệ sinh (ước tính 2015): 15,96/1.000 dân[1]

Tỷ lệ tử vong (ước tính tháng 7-2015): 5,93/1.000 dân[2]

Tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh (ước tính 2015)

tổng 18,39/1.000 trẻ sinh ra

bé trai 18,75/1.000 trẻ sinh ra

bé gái 17,99/1.000 trẻ sinh ra[3]

Tuổi thọ trung bình (ước tính 2015): 73,16 tuổi, xếp thứ 132

nam 70,69 tuổi

nữ 75,9 tuổi[4]

Tỷ lệ người nhiễm HIV (ước tính 2014): 0,47%

Số người có HIV (ước tính 2014): 250.200[5]

Số người chết vì HIV (ước tính 2014): 10.600[6]

DANH LAM THẮNG CẢNH

Vịnh Hạ Long, Cố đô Huế, phố cổ Hội An, thánh địa Mỹ Sơn, Hoàng thành Thăng Long, Phong Nha - Kẻ Bàng, đường mòn Hồ Chí Minh,...

1, 2, 3, 4, 5, 6. Theo Tổng cục Thống kê: *Niên giám thống kê 2014, Sđd:*

- Tỷ lệ sinh (2014): 17/1.000 dân
- Tỷ lệ tử vong (2014): 7/1.000 dân
- Tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh (2014)
  tổng 14,9/1.000 trẻ sơ sinh
  bé trai 16,9/1.000 trẻ sơ sinh
  bé gái 12,9/1.000 trẻ sơ sinh
- Tuổi thọ trung bình (2014): 73 tuổi
  Nam 70 tuổi
  Nữ 76 tuổi
- Số người có HIV (2014): 11.680
- Số người chết vì HIV (2014): 2.146

XINGAPO
Cộng hòa Xingapo
(Republic of Singapore)

ĐIỀU KIỆN ĐỊA LÝ - TỰ NHIÊN

Vị trí Nằm ở Đông Nam Á, gồm một đảo chính (đảo Xingapo) và một số đảo nhỏ khác nằm ở phía nam bán đảo Malắcca (Malaixia).

Là giao điểm của các tuyến đường biển ở Đông Nam Á.

Tọa độ địa lý 1°22 vĩ bắc, 103°48 kinh đông.

Địa hình Là vùng đất thấp, đồng bằng trung tâm hơi nhấp nhô, có lưu vực hứng nước mưa và khu bảo tồn thiên nhiên.

Khí hậu Nhiệt đới; nóng, ẩm, mưa nhiều; có mưa bão trong khoảng 40% số ngày trong năm. *Nhiệt độ* trung bình hằng tháng: 23-31°C. *Lượng mưa* trung bình hằng năm: 2.000 mm.

Tài nguyên thiên nhiên Cá.

Các vấn đề về môi trường Ô nhiễm công nghiệp; thiếu nguồn nước ngọt tự nhiên và đất đai.

Diện tích

tổng cộng 697 km², xếp thứ 192

mặt đất 687 km²

mặt nước 10 km²

Đường bờ biển 193 km

Số dân (ước tính tháng 7-2015): 5.674.472 người, xếp thứ 114

Cơ cấu dân số (ước tính 2015)

0-14 tuổi: 13,14% (nam 381.404/nữ 364.424)

15-24 tuổi:17,43% (nam 486.979/nữ 502.159)

25-54 tuổi: 50,39% (nam 1.393.686/nữ 1.465.601)

55-64 tuổi: 10,16% (nam 288.486/nữ 287.992)

65 tuổi trở lên: 8,88% (nam 229.117/nữ 274.621)

Tỷ lệ tăng dân số (ước tính 2015): 1,89%, xếp thứ 57

Độ tuổi trung bình (ước tính 2015): 34 tuổi

nam 33,9 tuổi

nữ 34,1 tuổi

Mật độ dân số 8.103,8 người/km²

Thủ đô Xingapo (Singapore)

Các dân tộc người Hoa (74,2%), người Mã Lai (13,3%), người Ấn Độ (9,2%), các dân tộc khác (3,3%)

Ngôn ngữ chính tiếng Trung Quốc (36,3%), tiếng Anh (29,8%), tiếng Mã Lai (11,9%), tiếng Tamil (4,4%) và một số ngôn ngữ khác (17,6%)

Tôn giáo đạo Phật (33,9%), đạo Hồi (14,3%), đạo Thiên chúa (18,1%), đạo Hinđu (5,2), đạo Lão (11,3%), các tôn giáo khác (0,7%), không tôn giáo (16,5%)

Đơn vị tiền tệ đôla Xingapo (SGD)

Tỷ giá hối đoái (ước tính 2014): 1 USD = 1,2671 SGD
HDI (2014): 0,902, xếp thứ 11
Mã điện thoại 65
Lái xe bên trái
Quốc khánh 9-8 (1965)
Lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam 1-8-1973

LỊCH SỬ

Từ thế kỷ XIII trở về trước, đảo này có tên gọi Tumaxích (thành phố biển), từ thế kỷ XIV đổi thành Xingapo. Xingapo đã từng bị các vương triều Giava và Xumatora thống trị trong thời gian dài. Đầu thế kỷ XVI, người Bồ Đào Nha đặt thương điếm ở đây và đến thế kỷ XVII, Xingapo trở thành thuộc địa của Hà Lan. Năm 1819, Anh chiếm bán đảo Malắcca và đảo Pênang, sau đó hợp pháp hóa quyền cai trị của Anh ở Xingapo bằng Hiệp ước Anh - Hà Lan năm 1824. Tháng 2-1942, Xingapo bị Nhật Bản chiếm đóng. Đến năm 1945, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Anh khôi phục lại quyền kiểm soát Xingapo. Năm 1963, Xingapo gia nhập Liên bang Malaixia. Ngày 9-8-1965, Xingapo tách khỏi Liên bang Malaixia, thành lập nước Cộng hòa Xingapo.

TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC

Chính thể Cộng hòa nghị viện
Hiến pháp Thông qua ngày 3-6-1959 và được sửa đổi, bổ sung năm 1965; sửa đổi lần gần đây vào năm 2015.

Cơ quan hành pháp

Đứng đầu nhà nước Tổng thống

Đứng đầu chính phủ Thủ tướng

Bầu cử Tổng thống do Ban bầu cử gồm các nghị sĩ của cả hai viện và nghị sĩ của các bang bầu ra, nhiệm kỳ 6 năm; Thủ tướng do các nghị sĩ của đảng chiếm đa số theo các cuộc bầu cử lập pháp bầu ra.

Cơ quan lập pháp Quốc hội, nhiệm kỳ 5 năm.

Cơ quan tư pháp Tòa án tối cao.

Chế độ bầu cử Từ 21 tuổi trở lên, phổ thông đầu phiếu và bắt buộc.

KINH TẾ

Xingapo là nước công nghiệp mới (NIC), là một trong những nước đi đầu trong việc chuyển đổi sang nền kinh tế tri thức.

Sản phẩm công nghiệp Hàng điện tử, hóa chất, thiết bị khoan dầu và lọc dầu, sản phẩm cao su, thực phẩm chế biến và đồ uống, thiết bị xây dựng, công nghệ sinh học,...

Sản phẩm nông nghiệp Cây cảnh, rau, gia cầm, trứng, cá, cá cảnh.

Xuất khẩu (ước tính 2014): 437,3 tỷ USD

Các mặt hàng xuất khẩu Máy móc và thiết bị (bao gồm cả hàng điện tử), hàng tiêu dùng, dược phẩm và hóa chất.

Các bạn hàng xuất khẩu (ước tính 2014): Trung Quốc (12,6%), Malaixia (12%), Hồng Kông (11%),

Inđônêxia (9,4%), Mỹ (5,9%), Nhật Bản (4,1%), Hàn Quốc (4,1%),...

Nhập khẩu (ước tính 2014): 360,9 tỷ USD

Các mặt hàng nhập khẩu Máy móc và thiết bị, nhiên liệu khoáng, thực phẩm và hàng tiêu dùng.

Các bạn hàng nhập khẩu (ước tính 2014): Trung Quốc (12,1%), Malaixia (10,7%), Mỹ (10,3%), Hàn Quốc (5,9%), Nhật Bản (5,5%), Inđônêxia (5,1%), Các tiểu vương quốc Arập thống nhất (4,2%), Arập Xêút (4%),...

Nợ nước ngoài (ước tính 31-12-2014): 1,33 nghìn tỷ USD

GDP theo PPP (ước tính 2014): 454,3 tỷ USD, xếp thứ 41

Tỷ lệ tăng GDP thực tế (ước tính 2014): 2,9%

GDP bình quân đầu người theo PPP (ước tính 2014): 83.100 USD, xếp thứ 7

Cơ cấu GDP theo các khu vực (ước tính 2014)

công nghiệp 25%

dịch vụ 75%

Ngân sách (ước tính 2014)

thu 47,35 tỷ USD

chi 43,25 tỷ USD

Tỷ lệ lạm phát (giá tiêu dùng) (ước tính 2014): 1%

Lực lượng lao động (ước tính 2014): 3,531 triệu người

Tỷ lệ thất nghiệp 2%

Hệ số Gini (2014): 46,4, xếp thứ 32

CƠ SỞ HẠ TẦNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số máy điện thoại (ước tính 2014): 1,96 triệu

Số máy điện thoại di động (ước tính 2014): 8,7 triệu

Số nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP) (2010): 1,932 triệu

Số người sử dụng internet (ước tính 2014): 4,5 triệu

Tên miền internet .sg

CƠ SỞ HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG VÀ GIAO THÔNG

Sản xuất điện năng (ước tính 2014): 49,31 tỷ kWh

Tiêu thụ điện năng (ước tính 2014): 47,18 tỷ kWh

Đường bộ (2012): 3.425 km

Cảng Xingapo

Sân bay (2013): 9

QUAN HỆ QUỐC TẾ

Tham gia các tổ chức quốc tế ADB, APEC, ARF, ASEAN, EAS, G-77, IAEA, IBRD, ICAO, ICC, IDA, IFC, IHO, ILO, IMF, IMO, IMSO, Interpol, IOC, IPU, ISO, ITSO, ITU, ITUC, PCA, UN, UNCTAD, UNESCO, UPU, WHO, WIPO, WTO,...

VĂN HÓA - XÃ HỘI

Giáo dục Miễn phí và bắt buộc trong 10 năm

Trình độ biết đọc, biết viết (ước tính 2015): từ 15 tuổi trở lên

trên tổng số dân 96,8%

nam 98,6%

nữ 95%

Tỷ lệ sinh (ước tính 2015): 8,27/1.000 dân

Tỷ lệ tử vong (ước tính tháng 7-2015): 3,43/1.000 dân

Tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh (ước tính 2015)

tổng 2,48/1.000 trẻ sinh ra

bé trai 2,65/1.000 trẻ sinh ra

bé gái 2,28/1.000 trẻ sinh ra

Tuổi thọ trung bình (ước tính 2015): 84,68 tuổi, xếp thứ 3

nam 82,06 tuổi

nữ 87,5 tuổi

Tỷ lệ người nhiễm HIV (ước tính 2009): 0,1%

Số người có HIV (ước tính 2009): 3.400

Số người chết vì HIV (ước tính 2009): ít hơn 100

DANH LAM THẮNG CẢNH

Quảng trường và cung điện Ramipho, đền Xri Mariamman, vườn hoa Tige Babon, Orchit, các viện bảo tàng, khu giải trí phức hợp Sentosa,...

MỘT SỐ DANH LAM THẮNG CẢNH, ĐỊA ĐIỂM DU LỊCH NỔI TIẾNG Ở ĐÔNG NAM Á

BRUNÂY

Brunây là một vương quốc giàu có bởi nguồn thu nhập rất lớn từ dầu mỏ và là thánh đường Hồi giáo của Đông Nam Á với những đền thờ, thánh đường nguy nga, đồ sộ. Do diện tích khá nhỏ, dân số ít nên hầu hết các danh lam thắng cảnh, địa danh du lịch nổi tiếng ở Brunây đều ở gần hoặc nằm trong thủ đô Banđa Xêri Bêgaoan.

Banđa Xêri Bêgaoan: Là thủ đô và cũng là thành phố hoàng gia của vương quốc Brunây, với nét hiện đại của những tòa nhà chọc trời, hệ thống siêu thị và nhà hàng đan xen với nét cổ kính của những ngôi thánh đường tráng lệ. Thủ đô Banđa được chia làm ba khu vực: khu phố cổ được xây dựng từ những năm 1950; khu công nghiệp Gadong và khu Seri Complex với các dinh thự và cung điện của quốc vương[1]. Một số địa điểm tham quan du lịch tiêu biểu của thủ đô:

---

1. Xem GS. Lương Ninh, GS.NGND. Vũ Dương Ninh: *Tri thức Đông Nam Á*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.85.

Thánh đường Sultan Omar Ali Saifuddin: Được xây dựng vào khoảng thập niên 1950 và được đặt tên theo tên vị vua Sultan thứ 28 của Brunây là Omar Ali Saifuddin III. Thánh đường mang phong cách kiến trúc độc đáo, kết hợp giữa kiến trúc truyền thống Hồi giáo, Mughal Ấn Độ và phong cách Phục hưng Italia và trở thành biểu trưng của kiến trúc Hồi giáo hiện đại thế kỷ XX. Toàn bộ công trình nằm trên một hồ nhân tạo với khuôn viên rộng khoảng 2 ha[1].

Cung điện Istana Narul Iman: Tên gọi Istana Narul Iman có nguồn gốc từ "Astane" trong ngôn ngữ Ba Tư và "Nur-ol-Imaan" trong ngôn ngữ Ả Rập có nghĩa là "Cung điện ánh sáng của đức tin". Cung điện nằm ở phía Nam thủ đô Banđa Xêri Bêgaoan, trên một ngọn đồi nhiều cây cối ở hạ lưu sông Brunây. Cung điện rộng lớn nổi bật với kiến trúc màu trắng và mái vòm bằng vàng lộng lẫy. Cung điện là nơi ở của Quốc vương Hassanal Bolkiah và hoàng tộc và là nơi làm việc của chính phủ và thủ tướng Brunây.

Nhà thờ Hồi giáo Jame'Asr Hassanil Bolkiah: Jame'Asr Hassanil Bolkiah được xây dựng để kỷ niệm 25 năm ngày quốc vương Hassanil Bolkiah lên ngôi. Kiến trúc tinh tế và nổi bật nhất nơi đây chính là những mái vòm làm bằng vàng ròng.

---

1. http://www.aseantraveller.net/tin-tuc/781_thanh-duong-hoi-giao-sultan-omar-ali-saifuddin-brunei.html.

Bên trong nhà thờ được thiết kế sang trọng, họa tiết trang trí tỉ mỉ, sống động theo phong cách Gôtích. Khuôn viên bên ngoài là đài phun nước và khu vườn xanh mát.

Bảo tàng Hoàng gia Royal Regalia: Là nơi lưu giữ và trưng bày nhiều hiện vật, kỷ vật hoàng gia và tiểu sử về một số vị vua trị vì vương quốc Brunây, đặc biệt là thời kỳ hoàng gia Regalia trị vì đất nước.

Công viên giải trí Jerudong: Nằm cạnh bãi biển Juredong, cách thủ đô Bađa Xêri Bêgaoan chừng 10 km. Đây là công viên vui chơi lớn nhất ở Đông Nam Á và là điểm du lịch hấp dẫn ở Brunây. Công viên Jerudong có diện tích 104 ha gồm nhiều đảo nhỏ nhân tạo, công viên khủng long, sân chơi, rạp chiếu phim,… với rất nhiều trò chơi, hoạt động giải trí thú vị. Tại công viên còn có các chương trình biểu diễn nghệ thuật sôi động; nhạc nước hoành tráng, nhiều màu sắc vào các buổi tối.

Làng nổi Kampong Ayer: Hiện là ngôi làng nổi lớn nhất trên thế giới, gồm các hàng quán, nhà cửa, thánh đường, đồn cảnh sát,… được xây nổi trên mặt nước. Khu làng nổi Kampong Ayer rất thoáng với những khoảng sân rộng và lối đi chung được trồng rất nhiều hoa và cây cảnh.

Vườn quốc gia Ulu Temburong: Là khu vườn quốc gia với diện tích khoảng 550 km^2, nằm ở quận Temburong. Đây là khu rừng nhiệt đới có hệ động thực vật phong phú và đa dạng gồm các loài

động vật có vú, các loài bò sát, bướm, côn trùng, các loài chim, các loài lan, cây thạch nam, cây ăn thịt người,… Trong vườn quốc gia có những lối đi bằng gỗ dọc theo những tán cây rừng xanh mát hay các đài quan sát cao để quan sát toàn cảnh khu rừng.

CAMPUCHIA

Hiện nay, Vương quốc Campuchia là một trong những điểm du lịch hấp dẫn của khu vực Đông Nam Á, thu hút lượng du khách lớn từ khắp nơi trên thế giới bởi những tàn tích cổ kính của quần thể di tích Angkor, những ngôi chùa linh thiêng với lối kiến trúc đặc sắc, những khung cảnh thiên nhiên kỳ vĩ như Biển Hồ Tonlé Sap và dòng sông Mê Kông, cùng với những bãi biển, hòn đảo tuyệt đẹp như Sihanoukville, Koh Rong, Koh Thmei, v.v..

Cung điện hoàng gia Campuchia: Được xây dựng từ năm 186. Tổng thể cung điện gồm có Chùa Vàng, Chùa Bạc, phòng khánh tiết, các cung điện nhỏ (nơi nghỉ ngơi, tiếp khách của hoàng gia, sân khấu biểu diễn, vườn hoa…)[1]. Bên ngoài cung điện là những mái vàng nhọn hình tháp - mang đậm phong cách kiến trúc Khmer và bên trong

---

1. http://www.aseantraveller.net/tin-tuc/825_cung-dien-hoang-gia-bieu-tuong-cua-vuong-quoc-campuchia.html.

được trang trí bằng những bức tranh về các thời kỳ lịch sử hay con người Campuchia. Đây là nơi thường diễn ra các nghi lễ, sự kiện trọng đại của hoàng gia Campuchia.

Quần thể kiến trúc Angkor: Cách Xiêm Riệp khoảng 6 km về phía bắc; gồm hai khu đền chính là Angkor Wat và Angkor Thom, còn lại là các đền ngoại vi, các phế tích…

Angkor Thom: Là thủ đô cuối cùng và lâu đời nhất của đế quốc Khmer. Tường thành bao bọc bên ngoài do Vua Jayavarman VII xây dựng vào cuối thế kỷ XII, rộng 9 km² với vật liệu là các khối đá, bên trong có các đền thờ từ thời kỳ trước cũng như các đền thờ được Jayavarman và những người nối nghiệp ông xây dựng. Tại mỗi hướng đông, tây, nam, bắc có một cổng thành và tất cả các con đường dẫn từ các cổng đều thẳng đến ngôi đền Bayon - trung tâm của thành. Đền Bayon được coi là một quần thể kiến trúc quy mô đồ sộ với 50 ngôi tháp lô nhô như một rừng đá, cái nào cũng cao trên 10 m và có 172 mặt người (tức 43 đầu phật, mỗi đầu có 4 mặt) ở các vị trí cao - thấp, sáng - tối khác nhau, hướng về bốn phương. Mỗi góc của Angkor Thom lại có một Prasat Chrung - điện thờ đặt tại góc - được xây bằng sa thạch và để thờ Quan Thế Âm.

Angkor Wat: Angkor trong tiếng Phạn cổ có nghĩa là "kinh đô", Wat nghĩa là đền, chùa, như

vậy Angkor Wat là ngôi đền của kinh đô. Đây được coi là tòa kiến trúc tôn giáo lớn hàng đầu thế giới và được bảo quản gần như còn nguyên vẹn cho đến nay. Công trình do Vua Suryavarman II xây dựng vào khoảng đầu thế kỷ XII để thờ vị thần Visnu - một trong những vị thần tối cao của Ấn Độ giáo. Chính điện Angkor Wat có kiến trúc ba tầng theo thứ tự từ thấp đến cao gồm tầng Địa ngục, tầng Trần gian và tầng Thiên đàng. Các bức điêu khắc, phù điêu, tượng nơi đây được chạm khắc tinh xảo, miêu tả về những trận đánh, những câu chuyện thần thoại hay những vị thần của đất nước Campuchia, v.v..

Chùa Wat Phnom[1]: Được xây dựng năm 1373 là một trong những ngôi chùa linh thiêng ở Campuchia. Tên chùa xuất phát từ truyền thuyết về bà Penh vớt được một cây gỗ trôi trên sông, bên trong cây gỗ có 4 bức tượng Phật. Bà đã đắp một ngọn đồi và xây một ngôi chùa nhỏ. Qua nhiều thế kỷ, ngôi chùa đã được trùng tu và xây thêm nhiều hạng mục mới. Ngọn tháp trong chùa là nơi cất giữ tro của Vua Ponhea Yat - người đã dời kinh đô của đế chế Khmer từ Angkor về Phnôm Pênh. Bà Penh được thờ ở phía sau chùa cùng các vị thần linh khác.

Hồ núi lửa Yeak Loam: Thuộc thị trấn Banlung

---

1. Wat nghĩa là chùa, Phnom nghĩa là đồi *(BT)*.

ở phía Đông Campuchia. Đây là hồ núi lửa có niên đại khoảng 700.000 năm. Hồ hình tròn, nằm lọt thỏm trong một khu rừng nguyên sinh thanh bình thuộc làng Yeak Loam. Hồ tuy nhỏ nhưng ẩn chứa vẻ đẹp hoang sơ và được coi là chốn linh thiêng đã đi vào truyền thuyết của người dân địa phương nơi đây.

Bảo tàng diệt chủng Tuol Sleng (còn được gọi là Nhà tù S21): Là bảo tàng tội ác diệt chủng của Khmer đỏ trong thời gian cầm quyền những năm 1975-1979. Nơi đây đã giam giữ khoảng 17.000 người, phần lớn là thành viên hoặc lính của Khmer đỏ bị kết tội phản bội. Hàng nghìn người đã bị tra tấn dã man ở nơi đây, nhưng chỉ có rất ít tù nhân sống sót để rời khỏi nhà tù vốn được coi là "nỗi ác mộng" của người dân Campuchia. Bảo tàng trưng bày những tư liệu, hình ảnh, hiện vật về tội ác của Khmer đỏ.

Sihanoukville: Là thị trấn du lịch ven biển với những bãi biển đẹp nổi tiếng nhất ở Campuchia như bãi Otres, Ochheuteal. Từ Sihanoukville có thể đi thăm các hòn đảo ngoài khơi gần đó như Koh Russei (đảo trúc), Koh Rong (đảo với phần lớn diện tích là rừng ngập mặn), Koh Ta Kiev, Koh Totang,…

Đất nước Campuchia còn rất nhiều danh lam, thắng cảnh có tiềm năng du lịch về văn hóa tâm linh như Wat Botum, Wat Bo (với lối kiến trúc tổng hòa của kiến trúc Pháp và các chi tiết Phật

giáo ảnh hưởng của Thái Lan), Wat Preah Prom Rath (ngôi chùa 500 tuổi với tượng Phật nằm độc đáo),…; trang trại tơ lụa Angkor; hang động Phnom Chhnork; cây cầu cổ bắc qua sông Kampong bay; bảo tàng quốc gia Campuchia; v.v..

INĐÔNÊXIA

Cộng hòa Inđônêxia được mệnh danh là quốc đảo lớn nhất thế giới với hơn 1.700 hòn đảo lớn nhỏ. Du lịch Inđônêxia chủ yếu là du lịch khám phá thiên nhiên, phong cảnh trên các hòn đảo và nghỉ ngơi, thư giãn tại những bãi biển đẹp thế giới.

Thủ đô Jakarta: Được mệnh danh là thành phố xanh với cây cối và những mảng xanh hiện diện khắp nơi. Kiến trúc thành phố nổi bật với hai lối kiến trúc của người Hồi giáo và Hà Lan (do trước đây Inđônêxia từng là thuộc địa của Hà Lan). Ở Jakarta có một số địa điểm tham quan, du lịch nổi tiếng như:

Monas Tower: Là đài tưởng niệm quốc gia nằm ngay ở trung tâm của quảng trường Merdeka rộng lớn. Đứng ở tầng trên cùng của Monas có thể nhìn ngắm toàn cảnh thành phố Jakarta.

Mosque Istiqlal: Là một trong những nhà thờ Hồi giáo lớn nhất Đông Nam Á với sức chứa hơn 120.000 người. Tòa nhà được xây dựng vào năm 1961 và được làm hoàn toàn bằng đá cẩm thạch trắng, lấy từ phía đông của đảo Java. Mỗi kiến

trúc, biểu tượng của tòa nhà đều tượng trưng cho những điều thiêng liêng và quan trọng theo quan niệm của người Hồi giáo (Ví dụ: Mái vòm được nâng bởi 12 cây cột tượng trưng cho ngày sinh nhật của Nhà tiên tri Muhammad).

Taman Mini "Inđônêxia Indah": Tên gọi này mang ý nghĩa là công viên thu nhỏ của đất nước Inđônêxia xinh đẹp. Ý tưởng xây dựng Taman Mini là của phu nhân nguyên Tổng thống Inđônêxia Suharto, bà Siti Hartina - còn được biết đến với cái tên Tien Suharto. Năm 1975, công viên được mở cửa đón khách tham quan. Công viên là một quần thể gồm những mô hình thu nhỏ mang biểu trưng về kiến trúc, văn hóa, phong tục,… của các dân tộc sinh sống trên khắp đất nước Inđônêxia như những ngôi nhà truyền thống Tongkonan từ Tana Toraja, Bolon từ Batak Toba hay Joglo từ Java,… Ngoài ra, công viên còn có 16 bảo tàng thu nhỏ như bảo tàng rồng Komodo, bảo tàng côn trùng, bảo tàng giao thông vận tải, bảo tàng dầu khí,…; 11 công viên thể hiện sự phong phú về thiên nhiên của đất nước như Vườn chim, Vườn phong lan, Công viên thủy sinh nước ngọt,… Nơi đây có những khu vui chơi giải trí như nhà hát, rạp phim, công viên nước, lâu đài tuổi thơ,… Ở trung tâm công viên là một hồ nước nhân tạo lớn tái hiện bản đồ Inđônêxia qua hình ảnh các hòn đảo thu nhỏ trên mặt nước. Công viên thường xuyên có các lễ hội

lớn về nhạc cụ, trang phục, văn hóa đa sắc màu, phản ánh đời sống văn hóa hết sức phong phú của cư dân bản địa.

Cố đô Yogyakarta: Là trung tâm văn hóa và nghệ thuật của đảo Java và từng là thủ đô của Inđônêxia trong những năm 1945-1949. Nơi đây có những ngôi đền nghìn năm huyền bí, trong đó phải kể đến hai quần thể đền thờ nổi tiếng bởi kiến trúc độc đáo và giàu ý nghĩa văn hóa là Prambanan và Borobudur.

Prambanan: Được coi là quần thể đền thờ Hồi giáo lớn nhất Inđônêxia và được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới năm 1991. Theo nhiều tài liệu lịch sử thì Prambanan do Vua Rakai Pikatan của vương quốc Medang xây dựng để thờ Trimurti, ba vị thần tối cao của đạo Hinđu (gồm thần sáng tạo Brahma, thần duy trì Vishnu và thần hủy diệt Shiva). Prambanan gồm nhiều đền tháp lớn nhỏ với ngọn tháp trung tâm cao 47 m. Bố cục kiến trúc được phân thành ba khu vực được ngăn bằng những bức tường thành và có tên gọi riêng biệt: ngoài cùng là Bhurloka, tượng trưng cho con người và cuộc sống trần tục, kế đến là Bhurvaloka tượng trưng cho giới tu hành, trung tâm là Svarloka tượng trưng cho đấng tối cao[1].

---

1. http://ashui.com/mag/tuongtac/nhin-ra-the-gioi/8693-prambanan-di-san-kien-truc-hindu-giao.html.

Công trình thể hiện được độ tinh xảo, tỉ mỉ về nghệ thuật điêu khắc tạo hình trên đá của nghệ nhân Inđônêxia thời xa xưa.

Borobudur: Là một ngôi đền tháp Phật giáo lớn ở miền trung đảo Java. Tên Borobudur có gốc từ Vihara Buddha Ur trong tiếng Phạn, có nghĩa là "chùa thờ Phật trên ngọn núi". Borobudur được dựng vào khoảng thế kỷ VIII đến thế kỷ thứ IX dưới vương triều Sailendra vốn sùng đạo Phật. Quần thể đền Borobudur gồm 12 tầng lớn, nhỏ bao bọc xung quanh một tháp chính cao 42 m. Tất cả các bậc thềm từ tầng một đến tầng chín đều được phủ kín những phù điêu, được chạm trổ rất công phu, mô tả về cuộc đời của đức Phật và trần thế. Riêng ba tầng trên cùng phẳng phiu, trơn nhẵn có trổ 72 tháp chuông hình mắt cáo, bên trong là 72 tượng Phật ngồi.

Đảo Bali: Được mệnh danh là thiên đường du lịch của châu Á bởi phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp, kỳ vĩ và nhiều địa điểm du lịch tâm linh hoặc nghỉ dưỡng. Ở Bali có rất nhiều ngôi đền nổi tiếng và linh thiêng như đền Pura Luhur Batukaru, nằm dưới chân ngọn núi Batukaru; đền Ulun Danu, còn được gọi là "đền nước" do nổi trên mặt hồ thiêng Beratan, vốn là miệng núi lửa đã ngừng hoạt động; đền Tanah Lot, được xây dựng trên đỉnh một khối đá khổng lồ giữa bốn bề biển xanh; hoàng cung Klung Kung;… Bên cạnh đó, Bali còn nổi tiếng với những ngọn núi lửa đã ngừng hoặc còn hoạt động,

trong đó phải kể đến ngọn núi lửa nổi tiếng Batur. Đặc biệt, Bali là hòn đảo có những bãi biển đẹp hiếm có với bãi cát phẳng trắng mịn, hàng dừa trải dài, nước biển trong xanh với hệ sinh vật phong phú cùng nhiều hoạt động vui chơi, giải trí thú vị, hấp dẫn như biển Kuta, biển Sanur,...

LÀO

Lào được mệnh danh là "đất nước triệu voi" hay "xứ sở chùa tháp" với nhiều điểm du lịch văn hóa tâm linh và những lễ hội truyền thống đặc sắc, hấp dẫn.

Thủ đô Viêng Chăn: Là thủ đô của Lào có khá nhiều điểm du lịch văn hóa như Khải hoàn môn Patuxay, Thạt Luổng, Vườn tượng Phật, Wat Sisaket,…

Khải hoàn môn Patuxay: Được xây dựng để vinh danh những chiến sĩ đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Lào. Kiến trúc của Patuxay có đặc điểm là phần dưới và bên ngoài được mô phỏng theo kiến trúc của Khải hoàn môn Pari, nhưng phần trên và bên trong vẫn mang nét đặc trưng của văn hóa Lào với những phù điêu, họa tiết trang trí và điêu khắc như hình tượng trang trí Kinari - nửa người phụ nữ và nửa chim, các phù điêu miêu tả trường ca Rama, những bức tượng Phật,…

Thạt Luổng: Là ngôi đền Phật giáo quan trọng nhất ở Viêng Chăn. Công trình được xây từ năm 1566

dưới triều Vua Xệtthảthilạt theo hình một nậm rượu, trên phế tích của ngôi đền Ấn Độ thế kỷ XIII. Thạt Luổng gồm tháp chính cao 45 m, bao quanh là các tháp phụ, sơn thếp vàng. Ngôi chùa tháp đã trở thành biểu tượng quốc gia và được in trên tiền giấy và quốc huy của Lào. Thạt Luổng từng bị người Thái phá hủy vào thế kỷ XIX nhưng sau đó được khôi phục lại gần như nguyên trạng. Tương truyền rằng, nơi đây có lưu giữ xá lợi của Đức Phật là một sợi tóc và rất nhiều châu báu.

Vườn tượng Phật: Còn được gọi bằng tên gọi khác là "Công viên Phật" (Buddha Park), nằm trong vùng Thà Đừa. Công trình là một quần thể gồm hơn 200 bức tượng Phật giáo và Ấn Độ giáo lớn nhỏ với nhiều hình dáng và sắc thái khác nhau được đúc bằng xi măng. Trong vườn tượng còn có công trình tiêu biểu như động Âm phủ (có hình dạng một trái bí ngô khổng lồ, cửa động chính là miệng của một ác quỷ); đối diện động, phía bên cạnh sông là ngọn tháp tượng trưng cho thiên đường. Ngoài ra, vườn Phật còn có bức tượng Phật nằm uy nghi dài hơn 50 m, những bức tượng lớn về các nhà sư khất thực hay những bức tượng thể hiện những nhân vật trong huyền thoại, điển tích của Lào[1].

Wat Sisaket: Tọa lạc ngay trên con phố dẫn đến

---

1. http://vnexpress.net/tin-tuc/thoi-su/du-lich/tham-vuon-phat-o-vieng-chan-2183379.html.

Phủ Thủ tướng. Ngôi chùa này được xây dựng bởi Vua Chao Anuvong, vị vua cuối cùng của vương quốc Lan Xang, vào năm 1818. Công trình mang lối kiến trúc Băng Cốc với mái 5 tầng và hành lang bao quanh chùa chính. Cả ngôi chùa có tới 6.840 bức tượng Phật lớn nhỏ bằng các chất liệu như đồng mạ vàng, bạc, đá, gỗ,... được xếp đặt từ gian chính điện cho tới những bức tường bao quanh chùa. Nơi đây còn có một thư viện gần 400 năm tuổi với nhiều kinh sách Phật cổ viết bằng tay trên lá cọ. Wat Sisaket được biết đến là ngôi chùa cổ nhất tại Viêng Chăn và là chốn tu hành thiêng liêng của người dân Lào từ thế kỷ XIX và cho đến tận ngày nay.

Luông Phabăng: Là cố đô của Lan Xang (một triệu voi) và là một trong những thành phố lâu đời nhất ở Lào, được thành lập khoảng 1.200 năm trước đây. Luông Phabăng được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới năm 1995[1]. Nơi đây có rất nhiều địa danh tham quan du lịch nổi tiếng như đền Xiêng Thoong, đền Wat Wisunarat, núi Phú Sĩ (còn gọi là đồi Chomsy), thác Kuang Si, bảo tàng Royal Palace, phố cổ Luông Phabăng,...

Cánh đồng Chum: Là địa danh thuộc tỉnh Xiêng Khoảng của Lào, nơi có hàng ngàn chum

---

1. http://www.dulichlao.com.vn/tin-tuc-lao/63-luong-pha-bang-luang-prabang-lao.html.

bằng đá nằm rải rác dọc theo cánh đồng thuộc cao nguyên Xiêng Khoảng. Cánh đồng Chum ước tính có khoảng 1.969 chiếc chum, nằm rải rác tại 52 địa điểm ở tỉnh Xiêng Khoảng, chiếc lớn nhất được tìm thấy cao 3 m, chiếc nặng nhất tới 14 tấn, còn phần lớn cao chừng 1-2 m. Hiện mới chỉ có ba điểm được đưa vào khai thác du lịch gồm Bản Ang, Lắt Sén và Bản Sua[1].

MALAIXIA

Malaixia là đất nước có hai phần tách biệt là Tây Malaixia (bán đảo Malaixia) và Đông Malaixia (Malaixia Borneo). Du lịch Malaixia phát triển nhờ sự đa dạng về văn hóa, thiên nhiên tươi đẹp và người dân thân thiện, hiếu khách.

Thủ đô Cuala Lămpơ: Cuala Lămpơ được chọn là thủ đô của Liên bang Malaixia vào năm 1957 và tiếp tục là thủ đô của đất nước này từ năm 1963 đến nay. Đây là thành phố đông dân nhất và giữ vai trò là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của Malaixia. Nơi đây cũng tập trung nhiều địa chỉ du lịch nổi tiếng của Malaixia như tòa tháp đôi Petronas, quảng trường Merdeka, động Batu,...

Tòa tháp đôi Petronas: Là biểu tượng cho du lịch

---

1. http://www.dulichlao.com.vn/tin-tuc-lao/44-canh-dong-chum-xieng-khuang.html.

Malaixia và được coi là tòa tháp đôi cao nhất thế giới với chiều cao đến nóc của tòa nhà là 403 m, cao 88 tầng. Tòa nhà mang nét kiến trúc hiện đại với điểm nhấn là cây cầu trên không nối hai tòa tháp nằm ở tầng thứ 41 và 42. Tháp đôi có công năng chính là làm văn phòng.

Quảng trường Merdeka: "Merdeka" trong tiếng Malaixia nghĩa là "độc lập", nên tên gọi khác của địa điểm này là "Quảng trường Độc lập". Nơi đây đánh dấu sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước Malaixia là ngày 31-8-1957, khi lá cờ thực dân Anh được hạ xuống, đã chính thức đánh dấu sự kết thúc của chế độ thực dân Anh.

Động Batu: Là một hang động đá vôi có lịch sử hàng trăm năm, cách thủ đô Cuala Lămpơ khoảng 13 km. Đây được coi là nơi linh thiêng nhất của tín đồ Ấn Độ giáo tại Malaixia. Trước lối vào hang động là tượng thần Murugan cao 43 m được sơn nhũ vàng lấp lánh. Để chiêm ngưỡng hang động phải leo qua 272 bậc thang. Động có ba hang lớn và nhiều hang nhỏ nằm trên các rẻo núi đá vôi. Phía bên trong hang là ngôi đền thờ cổ kính có kiến trúc đặc trưng của người Ấn Độ. Bên ngoài động có nhiều khỉ thường ngồi dọc bên thành của bậc thang, phía bên trong còn có một hang tối là nơi trú ngụ của rất nhiều dơi.

Cao nguyên Genting: Là một đỉnh núi nằm trong dãy núi Titiwangsa, có độ cao hơn 2.000 m

so với mực nước biển. Điểm du lịch này không chỉ thu hút nhiều khách du lịch bởi khí hậu và thiên nhiên trong lành, mát mẻ quanh năm mà nơi đây còn có một khu nghỉ mát cùng tên. Khu nghỉ mát này là một tổ hợp gồm nhiều khách sạn lớn, nhỏ; các công viên theo chủ đề; sân goft; khu mua sắm; phòng hòa nhạc; các trò chơi ngoài trời mạo hiểm và nhiều địa điểm vui chơi, giải trí khác. Hơn thế nữa, đây là nơi duy nhất có sòng bạc hợp pháp với quy mô lớn tại Malaixia. Vì vậy, Genting còn được mệnh danh là "thành phố trên mây" hay "thành phố giải trí" của đất nước Malaixia.

Malacca: Là thành phố cổ xinh đẹp và yên bình với lịch sử phát triển và nền văn hóa, kiến trúc chịu ảnh hưởng của Bồ Đào Nha, Hà Lan và Anh dưới thời thực dân. Một vài điểm tham quan tiêu biểu ở Malacca như nhà thờ Melaka, quảng trường Hà Lan, pháo đài Bồ ĐàoNhaFamosa, đường đi bộ Jonker Walk, đồi St.Paul với nhà thờ cổ, bảo tàng Chengho,…

Penang: Là đảo lớn phía Tây của Malaixia, cũng là tên một bang của Malaixia bao gồm đảo Penang và một phần đất kế cận trong đất liền. Penang được coi là tâm điểm của du lịch Malaixia nhờ vào sự đa dạng về văn hóa và sắc tộc cùng với đời sống ẩm thực phong phú. Có nhiều điểm tham quan nổi tiếng ở Penang như Georgetown, đồi Penang Hill/Bukit Bendera,

vườn Thác, quần thể chùa Kek Lok Si; trại bướm Penang; đền Rắn và bảo tàng Chiến tranh;…

Georgetown: Là thủ phủ của bang Penang và đã được UNESCO công nhận là di sản thế giới năm 2008 bởi nét kiến trúc và văn hóa độc đáo hiếm có ở Đông Nam Á. Khu phố cổ này vốn được đặt theo tên của Vua George III của Vương quốc Anh. Ở Georgetown có sự kết hợp của văn hóa Trung - Ấn và những di tích từ thời thực dân Anh, có thể kể đến như nhà thờ St. George's, nhà thờ Hồi giáo Kapitan Keling, chùa Wat Chayamangkararam, khu Little India, con đường di sản Armenian,…

Quần thể chùa Kek Lok Si: Là quần thể chùa nổi tiếng nhất đảo Penang và là một trong những ngôi chùa lớn nhất Đông Nam Á. Chùa được xây dựng từ khoảng năm 1890-1930 bởi một người tên là Beow Lean. Kiến trúc ngôi chùa là sự kết hợp giữa kiến trúc Trung Hoa, Thái Lan và Mianma. Điểm nổi bật của quần thể chùa Kek Lok Si là Chùa vạn Phật nơi có hàng nghìn bức tượng Phật bằng đồng và bức tượng đồng Quan Âm cao hơn 30 m.

Quần đảo Langkawi: Nằm ở phía bắc Malaixia, được mệnh danh là viên ngọc quý của đất nước Malaixia. Quần đảo này còn được UNESCO công nhận là Công viên địa chất thế giới vào năm 2007. Với khoảng 99 hòn đảo lớn

nhỏ, Langkawi thu hút bởi vẻ đẹp của biển và sự đa dạng về cảnh sắc thiên nhiên và hệ sinh thái. Nơi đây nổi tiếng với loài đại bàng hoang dã và rất dễ bắt gặp đại bàng bay lượn ở bất cứ nơi đâu trên hòn đảo. Vì vậy, hoạt động du lịch thú vị tại đây chính là đi thuyền ra đảo Sư tử lớn (Pulau Singa Besar) để cho đại bàng ăn hoặc tham quan khu rừng ngập mặn để khám phá hệ sinh thái cũng như quan sát cuộc sống của đại bàng. Langkawi cũng nổi tiếng với hồ nước ngọt rộng lớn Pregnant Maiden (Hồ trinh nữ mang bầu) nằm trên hòn đảo Pulau Dayang Bunting, bãi biển Pantai Cenang - bãi biển đẹp nhất Langkawi, hay bãi biển Tengah, Kok, Tanjung Rhu. Ở Langkawi còn có hệ thống skycab và sky bridge. Skycab là một hệ thống cáp treo nối từ làng Phương Đông lên đài quan sát trên đỉnh núi Gunung Machinchang. Từ đây có thể quan sát toàn cảnh đảo Langkawi, thậm chí cả hòn đảo Tarutao của Thái Lan ở phía xa. Sky bridge là cây cầu thép nối ngọn núi Gunung Machinchang và ngọn núi lân cận. Cây cầu này còn được bình chọn là một trong những cây cầu độc đáo nhất trên thế giới[1]. Ngoài ra, Langkawi còn có các công viên sinh thái biển với nhiều loại sinh vật biển và san hô.

Kota Kinabalu: Là thủ phủ bang Sabah

---

1. http://www.tgvn.com.vn/printContent.aspx?ID=29157.

(Malaixia), nằm trên đảo Borneo. Kota Kinabalu nổi tiếng với nhiều nhà thờ Hồi giáo có lối kiến trúc mái vòm hình củ hành đặc trưng của Malaixia, trong đó nổi bật là thánh đường Hồi giáo State Mosque - một công trình tráng lệ và tôn nghiêm. Ngoài ra, ở Kota Kinabalu còn có các hoạt động du lịch, khám phá các đảo như đảo Sapi, Sulug, Manukan, Mamutik, Gaya,... Đặc biệt, trên hòn đảo Sapi có một loại động vật đặc biệt quý hiếm, rồng Kômôđô - loại rồng duy nhất còn sống trên trái đất. Tuy nhiên, nước bọt của rồng Kômôđô cực độc nên loài này được bảo vệ một cách nghiêm ngặt và giữ một khoảng cách an toàn với con người.

Cao nguyên Cameron: Được lấy theo tên gọi của William Cameron - người đầu tiên tìm ra cao nguyên vào năm 1885. Cameron là một trong những cao nguyên rộng lớn nhất ở Malaixia. Vẻ đẹp thu hút của cao nguyên chính là cảnh sắc thiên nhiên, khí hậu và sự yên ả, thanh bình. Nơi đây nổi tiếng với những đồi chè rộng lớn xanh mướt trên sườn núi, tiếp đến là các nông trại dâu tây, rau xanh, hoa. Ngoài ra, Cameron còn có một số điểm tham quan, du lịch khác như núi Gunung Brinchang, rừng Mossy, thác Parit, thác Robinson, trại bướm, thung lũng hoa hồng,... Đặc biệt, ở Cameron còn có loài hoa Rafflesia - một trong những loài hoa lớn nhất thế giới.

MIANMA

Mianma - đất nước của chùa tháp. Chùa tháp hiện diện ở khắp mọi nơi trên đất nước và có một số địa điểm nổi tiếng như Chùa Vàng Shwedagon ở Yangon, Chùa núi vàng Kyaikhtiyo ở Cố đô Bago, hay quần thể đền chùa hoành tráng ở Bagan. Ngoài ra, đất nước Mianma còn cuốn hút bởi khung cảnh thiên nhiên hoang sơ, yên bình của hồ Inle, bãi biển Ngapali hay những tập tục độc đáo của bộ tộc người cao cổ Pa-O hay tục bôi kem Thanaka. Trước đây, Mianma đóng cửa về kinh tế, chi phí du lịch cũng rất đắt đỏ nhưng gần đây khi kinh tế Mianma mở cửa thì ngành du lịch nơi đây cũng phát triển với tốc độ nhanh chóng. Một số danh lam thắng cảnh nổi tiếng ở Mianma như:

Chùa vàng Shwedagon: Nằm ở Yagon - thành phố lớn nhất Mianma. Chùa Shwedagon được người dân Mianma xem là ngôi chùa linh thiêng nhất và là biểu tượng cho đất nước Mianma. Ngôi chùa có niên đại trên 2.600 tuổi, là một quần thể rộng lớn gồm 1.000 ngôi chùa lớn nhỏ với tâm điểm là tòa tháp khổng lồ cao 99 m được dát vàng. Đặc biệt, đỉnh tháp có hình vương miện được tô điểm bởi 5.448 viên kim cương và hàng nghìn loại đá quý. Chùa vàng là nơi lưu giữ bốn báu vật thiêng liêng của Phật giáo, đó là cây gậy của Phật Câu Lưu Tôn, cái lọc nước của Phật Câu

Na Hàm, một mảnh áo của Phật Ca Diếp và tám sợi tóc của Phật Thích Ca[1].

Chùa núi vàng Kyaikhtiyo: Tọa lạc trên đỉnh núi Kyaikhtiyo ở độ cao 1.100 m so với mực nước biển. Đây là ngôi chùa có hình dáng độc đáo bởi nó được tạo nên từ một hòn đá hình tròn có chiều cao 7,3 m và chu vi là 15,2 m nằm chênh vênh trên mỏm đá, mặt tiếp xúc giữa hòn đá với mòm đá chỉ khoảng 78 cm^2. Phía trên hòn đá, người dân xây dựng ngọn tháp cao 5,5 m. Toàn bộ ngôi chùa đều được dát bằng lá vàng mỏng. Tên gọi của ngôi chùa cũng khá đặc biệt. Theo ngôn ngữ của người Mon, Kyaikhtiyo là từ ghép, "Kyaik" có nghĩa là "chùa" và "Htiyo" có nghĩa là "mang cái đầu của vị tu sĩ". Vì vậy, Kyaikhtiyo hàm nghĩa là "ngôi chùa được đặt trên đầu của vị tu sĩ"[2].

Mandalay: Là thành phố lớn thứ hai ở Mianma sau Yangon. Tại Mandalay cũng có rất nhiều điểm du lịch nổi tiếng.

Tu viện Shwenandaw: Là tu viện được làm gần như hoàn toàn bằng gỗ kết hợp với cầu thang xi măng theo phong cách nhà sàn. Tu viện do Vua Thibaw Min cho xây dựng vào năm 1880. Mái của

---

1. http://kienthuc.net.vn/hanh/bi-an-ngoi-chua-thieng - shwedagon-287847.html.

2. http://www.aseantraveller.net/tin-tuc/773_chua-kyaikhtiyo-hon-da-vang-myanmar.html.

tu viện được chạm khắc tinh xảo về các vị thần hay những biểu tượng mang ý nghĩa tâm linh.

Chùa Mahamuni: Là biểu tượng vàng của Mandalay. Đỉnh tháp của chùa được dát vàng, bên trong chùa có bức tượng Phật bằng đồng trong tư thế ngồi thiền cao 1,8 m, nặng 6,5 tấn[1]. Bức tượng ngày càng to hơn so với kích thước ban đầu do tượng được đắp vàng lá hằng ngày bởi các Phật tử tới lễ chùa. Vào mỗi buổi sáng sớm, tại chùa diễn ra một nghi lễ hết sức quan trọng là lễ rửa mặt cho Phật.

Chùa Kuthodaw Paya: Cũng mang những nét kiến trúc nổi bật như nhiều ngôi chùa tháp khác ở Mianma nhưng nơi đây nổi tiếng bởi lưu giữ quyển sách lớn nhất thế giới.

Cầu U-bein: Là cây cầu gỗ cổ dài nhất thế giới nối liền hai bờ của sông Taungthamna. Đây là điểm đến quen thuộc của người dân địa phương và các tín đồ Phật giáo để chiêm ngưỡng cảnh bình minh tuyệt đẹp trên sông.

Bagan: Là thành phố cổ, nay là khu vực khảo cổ thuộc vùng Mandalay. Bagan có tên cũ là Pagan, từng là kinh đô của vương quốc Pagan tồn tại từ thế kỷ IX đến thế kỷ XIII. Bagan gây ấn tượng mạnh bởi quần thể hơn 2.200 chùa chiền, đền tháp còn tương đối nguyên vẹn, được bảo tồn trong một

---

1. http://dulich.vnexpress.net/tin-tuc/cong-dong/dau-chan/le-rua-mat-phat-o-chua-mahamuni-2923921.html.

cánh đồng diện tích khoảng 25 km^2, không có dân cư sinh sống, gọi là Khu khảo cổ học Bagan hay Bagan cổ (Old Bagan)[1]. Một số đền chùa tiêu biểu ở đây như đền Ananda với bốn bức tượng Phật vàng ở bốn hướng, đền Thatbyinnyu - đền cao nhất ở Bagan, đền Shwegugyi, chùa Shwesandaw - nơi lưu giữ xá lợi (tóc) của Đức Phật.

Hồ Inle: Còn gọi là Biển Hồ. Đây là hồ nước ngọt lớn thứ hai ở Mianma, thuộc thị trấn Nyaung Shwe. Hồ nằm ở độ cao khoảng 800 m so với mực nước biển nên khí hậu quanh năm mát mẻ. Trên mặt hồ là những vườn rau quả nổi bồng bềnh với bề mặt dinh dưỡng được tạo từ rễ lục bình, tảo biển và bùn. Có nhiều ngôi làng nổi trên mặt hồ hay những ngôi làng cổ, làng nghề truyền thống ven hồ như làng dệt lotus (dệt vải từ sợi lấy từ ngó sen). Một nét độc đáo khác ở hồ Inle chính là hình ảnh những người đàn ông mặc chiếc Longi truyền thống (một loại váy dài) đứng trên mũi thuyền vừa đánh cá, thả lưới giăng câu, vừa dùng chân khua chèo đẩy thuyền lướt trên mặt nước.

PHILÍPPIN

Philíppin là một quốc đảo gồm 7.107 hòn đảo lớn nhỏ. Vì vậy, du lịch Philíppin phổ biến là du

---

1. http://www.thesaigontimes.vn/98262/Bagan-dat-Phat.html.

lịch biển đảo với nhiều hòn đảo đẹp được mệnh danh là "thiên đường trên mặt đất".

Thủ đô Manila: Là sự giao thoa của những nét đẹp cổ kính và hiện đại. Nơi đây không chỉ là nơi lưu giữ dấu ấn lịch sử đấu tranh của người dân Philíppin mà còn náo nhiệt sầm uất bởi những trung tâm mua sắm lớn, các quán bar, câu lạc bộ đêm,… Một số địa danh du lịch nổi bật ở Manila như khu thành cổ Intramuros, nhà thờ San Agustin và vịnh Manila.

Khu thành cổ Intramuros: Do người Tây Ban Nha xây dựng với mục đích duy trì sự thống trị lâu dài tại đây. Hệ thống thành lũy rộng 64 ha được đặt tên là "Intramuros" (theo tiếng Philíppin có nghĩa là "bên trong tường thành"). Bên trong thành là khu hành chính gồm tòa nhà dành cho bộ máy cai trị, biệt thự, lâu đài, nhà thờ, trường học,… đặc biệt là Nhà thờ San Agustin - là di sản thế giới với bộ sưu tập hiện vật tôn giáo và nghệ thuật đặc sắc và pháo đài Fort Santiago - nơi mà hàng nghìn anh hùng chiến đấu cho độc lập Philíppin bị cầm tù trong thời kỳ thuộc địa và thế chiến thứ hai. Tất cả đều mang vẻ đẹp trầm mặc, cổ kính và là chứng tích cho một giai đoạn lịch sử thăng trầm của Philíppin.

Vịnh Manila: Nằm ngay trung tâm của thủ đô, có đường bờ biển dài 190 km và là một trong những hải cảng tự nhiên tốt nhất thế giới. Đây là địa điểm tuyệt vời để đi dạo mát và

ngắm cảnh biển, đặc biệt là vào lúc bình minh và hoàng hôn.

Đảo Boracay: Là một trong những hòn đảo nổi tiếng về du lịch ở Philíppin. Boracay có những bãi cát trắng như pha lê mềm mịn trải dài và nước biển xanh như ngọc. Hệ sinh vật biển phong phú cùng những rạn san hô ngầm lớn, nhiều màu sắc. Một số bãi biển nổi tiếng tại đây như bãi biển White Beach, Bulabog, Puka,… còn số khác hoặc nằm biệt lập chưa được khai thác hoặc trở thành những khu nghỉ dưỡng và biệt thự. Ngoài ra còn có mũi Ariel và hang dơi là hai địa điểm thích hợp cho du lịch khám phá.

Vùng biển El Nido: Là vùng biển hoang sơ và quyến rũ thuộc đảo Palawan. Nơi đây có nhiều vịnh, vách đá cẩm thạch đen, thác nước, những rặng san hô nhiều màu sắc, những hàng dừa trải dài trên bờ cát trắng mịn,…

Đảo Coron: Là hòn đảo có thiên nhiên tươi đẹp với những hang động, đảo đá vôi, rặng san hô, nước biển xanh biếc và gần như là không có sóng. Khu vực này cũng được tạp chí Forbes liệt kê vào danh sách 10 khu vực lặn biển tốt nhất thế giới. Xung quanh các đảo đá vôi còn có các xác tàu đắm của Nhật Bản trong thế chiến thứ hai.

Ruộng bậc thang Banaue: Là ruộng bậc thang 2.000 năm tuổi của người dân tộc Ifugao. Các ruộng bậc thang này có độ cao là 1.500 m so

với mực nước biển và trải dài trên sườn núi. Với vẻ đẹp hùng vĩ và sự kiến tạo kỳ công, khu ruộng bậc thang này đã được UNESCO công nhận là di sản thế giới năm 1995.

Thành phố cổ Vigan: Tọa lạc bên bờ tây của đảo Luzon, nhìn ra Biển Đông và thuộc tỉnh Ilocos Sur. Đây là thành phố thuộc địa của Tây Ban Nha còn giữ được gần như nguyên vẹn nhất cho tới nay tại châu Á. Thành phố còn được mệnh danh là "châu Âu thu nhỏ" với những con đường đá sỏi và cuội; các dãy nhà có sự pha trộn giữa phong cách kiến trúc châu Á và châu Âu. Vigan cũng được UNESCO công nhận là di sản thế giới.

Những ngọn đồi sôcôla: Là một khu vực rộng hơn 50 km^2 và có khoảng 1.268 ngọn đồi hình nón cùng kích thước. Trên các ngọn đồi này có cỏ bao phủ và chuyển sang màu nâu vào mùa khô, do đó được gọi là đồi sôcôla. Quần thể này đã được công bố là tượng đài địa chất quốc gia thứ ba của Philíppin và đã được đề cử vào danh sách các di sản thế giới của UNESCO.

Vườn quốc gia sông ngầm Puerto Princesa: Là nơi bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh vật núi - biển quan trọng nhất của Philíppin. Nơi đây có các cảnh quan núi đá vôi cácxtơ (là hiện tượng phong hóa đặc trưng của những miền núi đá vôi bị nước chảy xói mòn) với dòng sông ngầm có thể vào được 8,2 km, chảy ngoằn ngoèo trong

động trước khi đổ thẳng ra Biển Đông. Ở đây có nhiều hang động với các thạch nhũ và măng đá. Vườn quốc gia sông ngầm Puerto Princesa được UNESCO công nhận là Di sản thế giới năm 1999.

THÁI LAN

Thái Lan là quốc gia có ngành công nghiệp du lịch rất phát triển ở Đông Nam Á. Thái Lan nổi tiếng với những ngôi chùa vàng nguy nga, tráng lệ; những bãi biển tuyệt đẹp; những lễ hội văn hóa truyền thống đặc sắc và còn nhiều danh lam thắng cảnh thú vị cùng các hoạt động du lịch giải trí hấp dẫn khác. Chính vì thế, đất nước Thái Lan còn được mệnh danh là "đất nước chùa vàng", "thiên đường du lịch", "thiên đường mua sắm" hay "xứ sở của những nụ cười thân thiện".

Băng Cốc: Là thủ đô, đồng thời là thành phố đông dân nhất của Thái Lan. Ở Băng Cốc có rất nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng của đất nước như Cung điện Hoàng gia, Cung điện Vimanmek, Chùa Phật ngọc, Chùa Phật vàng, Chùa Phật nằm, vườn thú Safari World, chợ nổi trên sông ở Damnoen Saduak,… và nhiều trung tâm giải trí, mua sắm lớn.

Cung điện Hoàng gia Grand Palace: Là một trong những địa điểm du lịch văn hóa tiêu biểu ở Băng Cốc. Cung điện là khu phức hợp gồm nhiều di tích nằm kề nhau như: cung điện Hoàng gia, cung điện Huy Hoàng, văn phòng hoàng gia, chùa Phật

ngọc Phra Kaew,… Kiến trúc của các công trình trong quần thể có sự pha trộn từ truyền thống Thái Lan, Trung Quốc cho đến thời Phục hưng Pháp, Italia,… Cung điện nổi bật bởi những ngôi chùa tháp vàng cao xen giữa những ngôi chùa mái nhiều tầng, cong, đỉnh nhọn. Tại chùa Phra Keaw còn lưu giữ bức tượng Phật bằng ngọc xanh - là quốc bảo đệ nhất của Thái Lan. Hiện nay, cung điện Hoàng gia vẫn là nơi diễn ra nhiều sự kiện quan trọng của hoàng gia, trong đó có lễ đăng quang của quốc vương Thái Lan.

Cung điện Vimanmek: Nguyên là một cung điện hoàng gia của Thái Lan, được vua Rama V xây dựng vào năm 1901. Đây được xem là cung điện làm bằng gỗ tếch màu vàng lớn nhất thế giới. Có rất nhiều kỷ vật quý giá được trưng bày tại đây như: ngai vàng của các triều đại hoàng đế khác nhau; bức tượng phật được làm bằng vàng; những chiếc ngà voi dài; những bộ gốm, sứ có tuổi đời hàng trăm năm; những bức ảnh chụp vua, hoàng hậu, công chúa từ lúc nhỏ đến lúc trưởng thành; những sản phẩm thủ công vàng bạc, đá quý, điêu khắc gỗ, hàng tơ lụa, hàng mây đan,… Gần cổng vào còn có bộ sưu tập độc nhất là những cỗ xe ngựa hoàng gia từ thời Vua Rama V.

Chùa Phật vàng: Nằm ở khu phố người Hoa (China town) sầm uất. Ngôi chùa nổi tiếng bởi là nơi lưu giữ bức tượng Phật ngồi bằng vàng nguyên khối cao 3 m, nặng 5,5 tấn, được làm

khoảng thế kỷ XIII - XV, dưới triều đại Sukhothai. Người dân Thái Lan tin rằng, bức tượng Phật này biểu tượng cho sự thịnh vượng và thuần khiết cũng như sức mạnh và quyền năng.

Chùa Phật nằm: Là ngôi chùa lớn nhất và cổ nhất Băng Cốc. Điểm độc đáo của ngôi chùa chính là bức tượng Đức Phật ngồi tựa. Bức tượng Phật dài 46 m và cao 15 m, được bọc vàng trên thân tượng và ngọc mẫu (mother of pearl) trên đôi mắt và bàn chân. Đặc biệt, dưới lòng bàn chân của tượng trang trí 108 tướng tốt của Đức Phật Thích Ca. Ngôi chùa cũng được coi là nơi khai sinh ra loại hình Mátxa Thái nổi tiếng.

Vườn thú Safari World (Tiger Zoo): Là vườn thú mở tự nhiên của châu Á với đa dạng các loài động vật có vú, các loài chim từ châu Phi và châu Á cùng các loài động vật đặc trưng khắp nơi trên thế giới như ngựa vằn, lạc đà, kangaroo,... Để tham quan vườn thú phải di chuyển bằng xe ôtô hoặc xe đặc chủng. Ngoài ra, vườn thú còn có nhiều buổi trình diễn cá heo, khỉ đấm bốc, chim lái xe,…

Chợ nổi Damnoen Saduak: Là địa điểm tham quan và mua sắm thú vị tại Băng Cốc. Chợ nổi không họp trên sông mà dọc các kênh rạch. Hàng hóa đủ loại với đầy ắp trái cây thơm ngon, món ăn, đặc sản địa phương được bày bán trên các ghe thuyền tấp nập.

Đảo Koh Larn (còn gọi là Đảo san hô): Hòn đảo không chỉ nổi tiếng bởi phong cảnh thiên nhiên

tuyệt đẹp, không khí trong lành, nước biển xanh như ngọc mà còn có những rặng san hô vẫn giữ nguyên được vẻ hoang sơ và nhiều màu sắc.

Vườn thực vật nhiệt đới Nong Nooch: Là công viên nhân tạo được xây dựng trên diện tích 2,4 km^2. Khu vườn được chia thành những khu vực riêng biệt như vườn Pháp, vườn châu Âu phục hưng, vườn Stonehenge, vườn bướm, vườn lan, thung lũng hoa,…[1]. Ngoài ra, tại đây còn có nhiều chương trình sân khấu hóa lịch sử đất nước; biểu diễn võ thuật Thái; voi biểu diễn làm toán, vẽ tranh;… và các nghi lễ tôn giáo.

Chiang Mai: Từng là cố đô của Vương quốc Lanna, nhưng theo thời gian, tàn tích của cố đô xưa chỉ còn lại nguyên vẹn bốn cổng thành. Trung tâm thành cổ là quảng trường Ba Vua với tượng đài ba vị vua nổi tiếng. Prathat Doi Suthep là ngôi chùa nằm trên đồi Suthep - biểu tượng của Chiang Mai - được trang hoàng lộng lẫy với sắc màu chủ đạo là màu vàng tỏa ra từ những ngọn tháp hay những bức tượng Phật,... Ngoài ra còn một số ngôi chùa khác như Wat Chiangman, Wat Phantao, Wat Phrasing,… Vườn quốc gia Doi Pha Hom Pok là nơi sinh sống của nhiều loài chim quý và có suối nước nóng. Ở Chiang Mai có hai lễ hội lớn là lễ hội té nước Songkran và lễ hội hoa

---

1. http://www.bangkok.com/pattaya/attractions/nong-nooch-garden.htm.

đăng Yi Peng (nét độc đáo của lễ hội này là thay vì thả hoa đăng trôi theo dòng nước thì người dân nơi đây lại chọn cách thả đèn trời). Du lịch Chiang Mai còn độc đáo với hình thức du lịch bằng voi, quan sát thành phố bằng khinh khí cầu, hay đi bè tre trên sông Mae Wang.

Phuket: Là một trong những địa điểm du lịch biển đẹp nổi tiếng của Thái Lan và trong khu vực Đông Nam Á. Ở Phuket có vịnh Phang Nga với những ngọn núi đá vôi khổng lồ, nhiều hình dạng, nằm thẳng đứng ở ngoài biển Phuket (nơi đây khá giống với vịnh Hạ Long của Việt Nam). Ngoài ra còn có đảo 007 (từng là phim trường của một phần trong sêri phim Điệp viên 007) hay đảo Phi Phi (một trong những hòn đảo du lịch sạch và nổi tiếng nhất thế giới với nhiều hoạt động du lịch như bơi thuyền, lướt sóng, lặn ngắm san hô,…).

TIMO LEXTE

Nước Cộng hòa dân chủ Timo Lexte được quốc tế công nhận là quốc gia độc lập năm 2002 nên so với các quốc gia khác thuộc khu vực Đông Nam Á, Timo Lexte là điểm đến khá mới mẻ để khám phá và du lịch. Timo Lexte từng là thuộc địa của Bồ Đào Nha nên tại đây có nhiều di tích lịch sử mang dấu ấn của người Bồ như các pháo đài cổ, nhà thờ, lâu đài, tượng chúa,… Ở Timo Lexte còn có những bãi biển đẹp hoang sơ với hệ sinh thái biển phong phú

và thích hợp cho hoạt động lặn biển ngắm san hô hay khám phá lòng đại dương như bãi biển Pertamina Pier, Tasi Tolu; đảo Atauro hay những ngọn núi như Ramelau, Matebian dành cho hoạt động leo núi khám phá thiên nhiên.

VIỆT NAM

Việt Nam có rất nhiều địa điểm du lịch, danh lam, thắng cảnh nổi tiếng, trong đó nhiều nơi đã được UNESCO công nhận là di sản thế giới như vịnh Hạ Long, phố cổ Hội An, cố đô Huế, thánh địa Mỹ Sơn, cao nguyên đá Đồng Văn, vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng,…

Thủ đô Hà Nội: Là trái tim, trung tâm văn hóa, chính trị và kinh tế của Việt Nam. Hà Nội nổi tiếng với nhiều địa danh lịch sử như Hoàng thành Thăng Long, Hồ Hoàn Kiếm, chùa Một Cột, Văn Miếu - Quốc Tử Giám, khu phố cổ với 36 phố phường, cầu Long Biên,… hay một số địa danh khác như Quảng trường Ba Đình - Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hồ Tây với các làng nghề truyền thống xung quanh,...

Hoàng thành Thăng Long: Năm 1010, Vua Lý Thái Tổ công bố *Thiên đô chiếu* (Chiếu dời đô) để dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) về thành Đại La. Ngay sau khi dời đô, nhà vua đã cho xây dựng kinh thành Thăng Long, đến đầu năm 1011 thì hoàn thành. Khi mới xây dựng, kinh thành Thăng Long được xây dựng theo mô hình tam trùng

thành quách gồm: vòng ngoài cùng gọi là La thành hay kinh thành, bao quanh toàn bộ kinh đô và men theo ba con sông: sông Hồng, sông Tô Lịch và sông Kim Ngưu. Kinh thành là nơi ở và sinh sống của dân cư. Vòng thành thứ hai (ở giữa) là hoàng thành, là khu triều chính, nơi ở và làm việc của các quan lại trong triều. Thành nhỏ nhất ở trong cùng là Tử Cấm thành, nơi chỉ dành riêng cho hoàng tộc. Qua nhiều triều đại và trải qua những thăng trầm của lịch sử, di tích Hoàng thành Thăng Long ngày nay không còn được nguyên vẹn, giờ chỉ còn một khu di tích trung tâm Hoàng thành gồm: khu khảo cổ học số 18 Hoàng Diệu và các di tích khác như Cột cờ Hà Nội, Đoan Môn, điện Kính Thiên, Hậu Lâu, Bắc Môn, tường bao và tám cổng hành cung thời Nguyễn.

Hồ Hoàn Kiếm: Là biểu tượng của Thủ đô Hà Nội. Hình ảnh tháp Rùa, cầu Thê Húc và đền Ngọc Sơn là hình ảnh quen thuộc khi quảng bá cho du lịch Việt Nam. Hồ nằm ở trung tâm thành phố, giữa hồ là một bán đảo nhỏ có tháp Rùa cổ kính. Hồ có màu nước xanh quanh năm. Tên gọi của hồ được gắn liền với truyền thuyết Vua Lê Thái Tổ trả lại gươm thần cho Rùa vàng.

Chùa Một Cột (hay chùa Diên Hựu hoặc Liên Hoa đài): Là ngôi chùa có nét kiến trúc vô cùng độc đáo ở Việt Nam. Ngôi chùa có hình dáng giống một bông hoa sen nằm trên một trụ đá ở giữa hồ Linh Chiểu.

Văn Miếu - Quốc Tử Giám: Văn Miếu là nơi thờ đức Khổng Tử, các bậc hiền triết của Nho giáo và thầy Chu Văn An - người thầy tiêu biểu cho đạo cao, đức trọng của nền giáo dục Việt Nam. Quốc Tử Giám được coi là trường đại học đầu tiên của Việt Nam, ban đầu là nơi học của các hoàng tử, sau mở rộng thu nhận các học trò giỏi trong cả nước. Quần thể di tích này được coi như biểu tượng cho niềm tôn kính với sự học của người Việt Nam.

Khu phố cổ: Là khu đô thị lâu đời của Hà Nội với nét đặc trưng là những phố nghề (tên phố gắn với tên nghề). Ngày nay, khu phố cổ đã mang nhiều nét hiện đại của một đô thị phát triển, nhưng vẫn còn tồn tại tới nay một vài con phố nhỏ làm và buôn bán mặt hàng truyền thống như phố Hàng Mã (làm hàng mã), phố Thuốc Bắc (chuyên bán thuốc bắc), phố Hàng Bạc (làm và bán đồ kim hoàn),… và một vài ngôi nhà cổ hay những ngôi đình, đền, chùa cổ,…

Quảng trường Ba Đình - Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh: Quảng trường rộng lớn, nằm phía trước Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, có 79 ô cỏ xanh mát, tượng trưng cho 79 mùa xuân của Người. Hằng ngày, tại đây đều diễn ra nghi lễ chào cờ và hạ cờ thiêng liêng. Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh là nơi lưu giữ thi hài của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Phía sau Lăng Bác là quần thể di tích nhà sàn, ao cá, vườn cây mà sinh thời Người gắn bó. Ngoài ra còn có Bảo tàng Hồ Chí Minh, nơi trưng bày những hiện

vật, bức ảnh lịch sử kể những câu chuyện về cuộc đời và hành trình ra đi tìm đường cứu nước của chàng thanh niên yêu nước Nguyễn Ái Quốc.

Cao nguyên đá Đồng Văn: Nằm ở độ cao trung bình 1.000 - 1.600 m so với mực nước biển, trên diện tích trải dài qua bốn huyện Quản Bạ, Yên Minh, Mèo Vạc và Đồng Văn của tỉnh Hà Giang. Cao nguyên đá Đồng Văn có sự đa dạng địa chất cao cùng với sự thay đổi của khí hậu nên quá trình tiến hóa đã tạo ra các "vườn đá", "rừng đá" như: vườn đá Khâu Vai (Mèo Vạc) có các chóp đá hình bông hoa, nụ hoa, nhành hoa muôn hình muôn vẻ; vườn đá Lũng Pù (Mèo Vạc) có các chóp đá, tảng đá, tháp đá hình rồng cuộn, hổ ngồi,… và là nơi sinh sống của 17 dân tộc thiểu số. Mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa riêng, độc đáo, thể hiện ở những lễ hội truyền thống như lễ hội Lồng Tồng (lễ xuống đồng) của dân tộc Tày, Nùng; lễ hội Cấp Sắc (lễ trưởng thành) của dân tộc Dao; lễ hội Gầu Tào (hội chơi đồi hay hội chơi núi) của dân tộc Mông,... Thông qua những di chỉ khảo cổ được tìm thấy ở Đồng Văn đã minh chứng đây là một trong những địa điểm lưu giữ dấu vết văn hóa thời tiền sử. Đặc biệt là cặp trống đồng cổ mà đồng bào dân tộc Lô Lô ở Đồng Văn đang cất giữ là di vật tiêu biểu cho nền văn hóa Đông Sơn cách đây hơn 2.000 năm.

Vịnh Hạ Long: Là một phần phía tây vịnh Bắc Bộ, bao gồm vùng biển của thành phố Hạ Long,

thành phố Cẩm Phả và một phần của huyện đảo Vân Đồn. Vịnh có tổng diện tích 1.553 km^2 gồm 1.969 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó 989 đảo có tên và 980 đảo chưa có tên. Điểm nổi bật của vịnh chính là hệ thống đảo đá và hang động tuyệt đẹp. Hàng trăm đảo đá, mỗi đảo mang một hình dáng khác nhau nhưng hết sức sinh động: hòn Đầu Người, hòn Rồng, hòn Lã Vọng, hòn Cánh Buồm, hòn Trống Mái, hòn Lư Hương,... Tiềm ẩn trong lòng các đảo đá là các hang động gắn với nhiều truyền thuyết thần kỳ như động Thiên Cung, hang Đầu Gỗ, động Sửng Sốt, hang Trinh Nữ, động Tam Cung,...[1]. Năm 1994, vùng lõi của vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận là Di sản Thiên nhiên thế giới với giá trị thẩm mỹ và được tái công nhận lần thứ hai với giá trị ngoại hạng toàn cầu về địa chất - địa mạo vào năm 2000.

Cố đô Huế: Thuộc thành phố Huế, là cố đô của Việt Nam thời phong kiến dưới triều Nguyễn, từ năm 1802 - 1945. Quần thể di tích này có hệ thống kiến trúc biểu thị cho quyền uy của chế độ trung ương tập quyền gồm ba tòa thành chính: Kinh thành Huế, Hoàng thành Huế, Tử cấm thành Huế. Hoàng thành giới hạn bởi một vòng tường thành với bốn cổng ra vào mà tiêu biểu nhất là Ngọ Môn - khu vực hành chính tối cao của triều đình nhà Nguyễn. Bên trong hoàng thành là Tử

---

1. http://vietnamtourism.com/disan/index.php?catid=6.

cấm thành - nơi sinh hoạt của hoàng gia. Một số thắng cảnh đẹp xung quanh di tích cố đô Huế có thể kể đến là: sông Hương, núi Ngự, chùa Thiên Mụ, Bạch Mã,… Năm 2003, cố đô Huế đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa thế giới.

Phố cổ Hội An: Là một cảng thị giao thương tấp nập trong và ngoài nước của người Việt xưa, nằm ở vùng hạ lưu ngã ba sông Thu Bồn thuộc vùng đồng bằng ven biển tỉnh Quảng Nam, cách thành phố Đà Nẵng khoảng 30 km về phía nam. Hội An từng được biết đến trên thương trường quốc tế với nhiều tên gọi khác nhau như Lâm Ấp, Faifo, Hoài Phố và Hội An. Hội An giữ được gần như nguyên vẹn hơn 1.000 di tích kiến trúc như phố xá, nhà cửa, hội quán, đình, chùa, miếu, nhà thờ tộc, giếng cổ, mộ cổ,... Năm 1999, UNESCO đã ghi danh Hội An vào danh mục các Di sản Văn hóa thế giới.

Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng: Thuộc tỉnh Quảng Bình - miền Trung Việt Nam. Phong Nha - Kẻ Bàng được thiên nhiên ưu đãi ban tặng cho những cảnh quan kì bí, hùng vĩ. Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng ẩn chứa nhiều bí ẩn của tự nhiên, những hang động như những lâu đài lộng lẫy trong lòng núi đá vôi được tạo nên từ hàng triệu năm trước. Phong Nha - Kẻ Bàng được ví như một bảo tàng địa chất khổng lồ có giá trị và mang ý nghĩa toàn cầu bởi cấu trúc địa lý phức tạp, tập hợp nhiều loại đá khác nhau như sa

thạch, thạch anh, phiến thạch, đá vôi chứa silic,... Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng đã hai lần được UNESCO công nhận là Di sản Thiên nhiên thế giới vào năm 2003 và 2015.

Thánh địa Mỹ Sơn: Là thánh địa Ấn Độ giáo của Vương quốc Chăm pa, nằm trong một thung lũng xung quanh là đồi, núi thuộc tỉnh Quảng Nam. Vào đầu thế kỷ VII, Vua Sambhuvarman đã xây dựng những ngôi đền này. Các triều vua sau đó đều tu sửa các đền tháp cũ và xây dựng đền tháp mới để dâng lên các vị thần của họ. Những đền thờ chính ở Mỹ Sơn thờ một bộ Linga hoặc hình tượng của thần Siva - Đấng bảo hộ của các dòng vua Chăm pa. Vị thần được tôn thờ ở Mỹ Sơn là Bhadrésvara, là vị vua đã sáng lập dòng vua đầu tiên của vùng Amaravati. Ở Mỹ Sơn có khoảng 70 đền tháp, 32 bi ký tồn tại ở dạng này hay dạng khác[1]. Các công trình nơi đây tuy không còn được nguyên vẹn nhưng vẫn giữ được nét đặc trưng của kiến trúc Chăm pa với nghệ thuật điêu khắc hết sức tinh xảo và độc đáo của người xưa.

Thành phố biển Nha Trang: Nha Trang nổi tiếng về du lịch biển trong và ngoài nước với những bãi biển, hòn đảo xinh đẹp, khí hậu trong lành. Một số địa điểm du lịch tiêu biểu tại đây có Vinpearl Land: thuộc đảo Hòn Tre, có những bãi

---

1. http://vietnamtourism.com/disan/index.php?catid=3.

biển đẹp và được biết đến như "thiên đường của miền nhiệt đới" với những khu vườn tuyệt đẹp, hồ bơi nước ngọt lý tưởng, khu trò chơi cảm giác mạnh và những rạp chiếu phim 4D hoành tráng,…; đảo Hòn Mun, Hòn Tằm: có hệ sinh thái san hô đẹp lộng lẫy và nhiều hoạt động du lịch như: Bar nổi trên biển, lặn biển khám phá san hô, thuyền đáy kính,…; vịnh Ninh Vân: nằm trên bán đảo Hòn Mèo với thiên nhiên mang đậm nét hoang sơ và thanh bình, tại đây cũng có nhiều hoạt động du lịch như ngắm san hô, lặn biển hay lướt sóng, lướt ván, đi thuyền Kayak; Tháp bà Ponagar: là công trình kiến trúc cổ kính hoàn mỹ của người Chăm gồm bốn ngôi tháp, hai miếu thờ, tháp lớn nhất thờ nữ thần Ponagar; Viện Hải dương học Nha Trang: là nơi trưng bày hàng nghìn mẫu vật của các loài sinh vật biển, đặc biệt nhất có bộ xương cá voi khổng lồ dài gần 26 m, cao 3 m được phục chế đầy đủ,...

XINGAPO

Đảo quốc sư tử Xingapo là quốc gia nhỏ nhất của Đông Nam Á và là quốc gia phát triển mạnh về kinh tế và du lịch bởi sự đa dạng về văn hóa; dịch vụ vui chơi, giải trí, mua sắm; giao thông thuận tiện; môi trường trong lành, sạch đẹp.

Vịnh Marina - Khu vườn năng lượng (Gardens by the Bay) - tòa nhà Marina Bay Sands: Là một khu tổ hợp tham quan, mua sắm,

với nhiều công trình kiến trúc độc đáo như: công viên Merlion (có một trong năm bức tượng sư tử - biểu tượng của đất nước Xingapo), nhà hát trái sầu riêng, đu quay đứng Xingapo Flyer. Tòa nhà với kiến trúc độc đáo và hiện đại Marina Bay Sands, trên cùng của tòa nhà có hình dáng con tàu. Khu vườn năng lượng (Gardens by the Bay) là kỳ quan nhân tạo với các "siêu cây" cao, thân bê tông, cành làm từ hàng nghìn khung thép, có hình dáng giống cây dương sỉ, có chức năng thu năng lượng mặt trời và phát sáng vào ban đêm; bên dưới những cây năng lượng là những vườn hoa khoe sắc tạo nên một khung cảnh tuyệt đẹp.

Phố người Hoa (China town) và khu Tiểu Ấn (Little India): Đây là hai khu sinh sống lâu đời của người Xingapo gốc Hoa và Ấn Độ. Hai khu này mang những nét kiến trúc, văn hóa, sinh hoạt đặc trưng riêng của người Hoa và người Ấn. Ở phố người Hoa có chùa Răng Phật, nơi thờ xá lợi là một chiếc răng của Đức Phật. Khu Phố người Hoa còn có đền Sri Mariamman - đền thờ đạo Hindu cổ nhất tại Xingapo. Khu Tiểu Ấn lại nổi tiếng với những cửa hàng bán dầu mát xa, hương trầm, tinh dầu hay các loại vải vóc,…

Clarke Quay (hay bến Clarke): Nằm trên bờ sông Xingapo, là bến cảng có lịch sử lâu đời. Ngày xưa, nơi đây là một bến cảng rất đông người giao thương, mua bán hàng hóa. Ngày nay,

Clarke Quay là khu vui chơi giải trí dành cho du khách trong và ngoài nước với nhiều dịch vụ giải trí, ăn uống, mua sắm, nghe nhạc,… Đặc biệt là vào ban đêm, các ánh đèn chiếu sáng nhiều màu sắc khiến nơi đây trở nên lung linh, và thơ mộng.

Phố Arập: Ngày xưa, khu phố này là thủ phủ của Hoàng gia Mã Lai ở Xingapo. Sau này nơi đây trở thành nơi ở của cộng đồng người Mã Lai và Ảrập. Ngày nay, khu phố sầm uất với các tiệm bán nữ trang, những cửa hàng thảm dệt và lụa thổ cẩm cầu kỳ. Ngoài ra, kiến trúc nơi đây có sự pha trộn kiến trúc Marốc và Hồi giáo như những dãy đèn đường kiểu Marốc hay các nhà thờ Hồi giáo với mái vòm vàng hình củ hành là Sultan's và Masjid Hajjah Fatimah.

Vườn thực vật Xingapo: Là vườn thực vật xanh tốt của Xingapo có diện tích 74 ha. Nơi đây hội tụ đầy đủ những loài cây và hoa vùng nhiệt đới, đặc biệt là phong lan. Vườn thực vật được quy hoạch theo từng khu riêng biệt dành cho từng loại cây, hoa như Vườn Lan quốc gia với hơn 1.000 loài lan tự nhiên và 3.000 loài lai tạo, khu rừng nhiệt đới, vườn Gừng, vườn tiến hóa, vườn trẻ em, thung lũng cọ,…

Vườn chim Jurông: Là công viên có hơn 600 loài chim, trong đó có khoảng 9.000 cá thể. Vườn chim được chia thành nhiều khu vực dành cho từng loài chim khác nhau. Có hai hình thức để quan sát các loại chim là có thể đi bộ ở xung

quanh hoặc đi tàu điện panorail hiện đại. Hằng ngày, tại đây có các buổi trình diễn rất độc đáo của các loài chim.

Đảo Sentosa: Là đảo lớn thứ tư của Xingapo (không kể đảo chính). 70% hòn đảo này được bao phủ bởi rừng trồng, là nơi sinh sống của nhiều loài động vật như tắc kè, khỉ, công, vẹt cũng như nhiều loại động thực vật khác. Một phần đáng kể diện tích đảo được tạo ra từ việc lấn biển. Trên đảo có một tổ hợp các khu vui chơi giải trí rộng lớn trong nhà và ngoài trời như khu Universal Studio, khu hoạt động ngoài trời, công viên đại dương, công viên bướm và vương quốc côn trùng, bảo tàng hình ảnh Xingapo, khu biểu diễn nhạc nước, bãi biển, …

HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

KHÁI QUÁT VỀ ASEAN

Sự thành lập ASEAN

Vào cuối những năm 1950 đầu 1960, một số nước Đông Nam Á có ý tưởng thành lập một tổ chức khu vực nhưng đều không thành công[1]. Cuối năm 1966, Bộ trưởng Ngoại giao Thái Lan gửi đến bộ trưởng ngoại giao các nước Inđônêxia, Malaixia, Philíppin và Xingapo bản dự thảo về việc tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á về hợp tác khu vực. Sau nhiều cuộc thảo luận, ngày 8 tháng 8 năm 1967, bộ trưởng ngoại giao năm nước đã họp ở Băng Cốc và chính thức đưa ra Tuyên bố Băng Cốc về việc thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (Association of Southeast Asian Nations - ASEAN).

ASEAN ra đời đánh dấu bước phát triển mới của các nước Đông Nam Á trong việc xây dựng

---

1. Tháng 1-1959 là tổ chức Hiệp ước hữu nghị và kinh tế Đông Nam Á (SAFET) giữa Malaixia và Philíppin; tháng 7-1961 là Hiệp hội Đông Nam Á (ASA) gồm Malaixia, Philíppin, Thái Lan; tháng 8-1963, MAPHILINDO gồm Malaixia, Philíppin, Inđônêxia. Các tổ chức này đều tan vỡ do sự bất đồng về chủ quyền, lãnh thổ, v.v..

một tổ chức hợp tác khu vực. So với các tổ chức đã từng tồn tại trước đây trong khu vực, nguyên tắc hoạt động, cơ cấu tổ chức của ASEAN chặt chẽ hơn, nhằm dung hòa lợi ích của các nước thành viên. Khác với các tổ chức tiền thân, ASEAN chủ trương mở rộng tổ chức cho các nước trong khu vực tham gia, theo đúng tinh thần của Tuyên bố Băng Cốc năm 1967: "Hiệp hội này mở rộng cho tất cả các quốc gia Đông Nam Á tán thành các tôn chỉ, nguyên tắc và mục đích tham gia".

Năm 1984, ASEAN kết nạp Brunây ngay sau khi nước này được độc lập.

Năm 1992, Việt Nam và Lào trở thành quan sát viên của ASEAN.

Ngày 28 tháng 7 năm 1995, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ bảy của ASEAN.

Năm 1997, Mianma và Lào gia nhập ASEAN.

Campuchia được kết nạp vào ASEAN tại Hà Nội ngày 30 tháng 4 năm 1999. Như vậy, ASEAN trở thành một tổ chức khu vực với 10 quốc gia thành viên Đông Nam Á.

Mục tiêu của ASEAN

Tuyên bố Băng Cốc là văn kiện đầu tiên, quan trọng nhất, nêu rõ bảy mục tiêu của tổ chức này:

i. Thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hóa trong khu vực thông qua các nỗ lực chung trên tinh thần bình đẳng và hợp

tác nhằm tăng cường cơ sở cho một cộng đồng các nước Đông Nam Á hòa bình và thịnh vượng.

ii. Thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực bằng việc tôn trọng công lý và nguyên tắc luật pháp trong quan hệ giữa các nước trong khu vực và tuân thủ các nguyên tắc của Hiến pháp Liên hợp quốc.

iii. Thúc đẩy sự cộng tác tích cực và giúp đỡ nhau trong các vấn đề cùng quan tâm trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, khoa học - kỹ thuật và hành chính.

iv. Giúp đỡ lẫn nhau dưới các hình thức đào tạo và cung cấp các phương tiện nghiên cứu trong các lĩnh vực giáo dục, chuyên môn, kỹ thuật và hành chính.

v. Cộng tác có hiệu quả hơn để sử dụng tốt hơn nền nông nghiệp và các ngành công nghiệp của nhau, mở rộng thương mại kể cả việc nghiên cứu các vấn đề buôn bán hàng hóa giữa các nước, cải thiện các phương tiện giao thông, liên lạc, nâng cao mức sống của nhân dân.

vi. Thúc đẩy việc nghiên cứu về Đông Nam Á.

vii. Duy trì sự hợp tác chặt chẽ cùng có lợi với các tổ chức quốc tế và khu vực có tôn chỉ và mục đích tương hợp và tìm kiếm các cách thức nhằm đạt được một sự hợp tác chặt chẽ giữa các tổ chức này[1].

---

1. Bộ Ngoại giao: *Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 15-16.

Tuyên bố Băng Cốc cho thấy, trong buổi đầu thành lập, ASEAN không phải là một tổ chức khu vực có tính pháp lý cao, ràng buộc chặt chẽ các nước hội viên mà là tổ chức phối hợp hoạt động, dung hòa lợi ích giữa các nước thành viên. Cùng với thời gian, những biến đổi của tình hình thế giới, khu vực và của chính ASEAN sẽ tác động đến sự hoàn thiện của tổ chức này. Sự ra đời của ASEAN báo hiệu một thời kỳ mới trong quan hệ giữa các nước thành viên, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc giải quyết thỏa đáng các mâu thuẫn, tranh chấp trong nội khối và ngăn chặn những nguy cơ can thiệp từ bên ngoài, góp phần duy trì hòa bình, ổn định trong khu vực.

Cơ cấu tổ chức của ASEAN

Hiến chương ASEAN quy định tổ chức ASEAN gồm các cơ quan sau:

- *Hội nghị cấp cao ASEAN (ASEAN Summit)* gồm những người đứng đầu nhà nước hoặc chính phủ các quốc gia thành viên, là cơ quan hoạch định chính sách tối cao của ASEAN, đưa ra các chỉ đạo và quyết định các vấn đề then chốt liên quan đến việc thực hiện các mục tiêu của ASEAN.

- *Hội đồng điều phối ASEAN (ASEAN Coordinating Council)* gồm các bộ trưởng ngoại giao ASEAN, họp ít nhất một năm hai lần, có nhiệm vụ chuẩn bị cho các cuộc họp cấp cao ASEAN; điều phối việc thực hiện các thỏa thuận và quyết định của

Hội nghị cấp cao ASEAN; xem xét, theo dõi tổng thể tất cả các hoạt động của ASEAN với sự trợ giúp của Tổng Thư ký ASEAN.

- *Các Hội đồng Cộng đồng ASEAN (ASEAN Community Councils*) gồm Hội đồng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN, Hội đồng Cộng đồng Kinh tế ASEAN và Hội đồng Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN. Các Hội đồng Cộng đồng ASEAN có nhiệm vụ bảo đảm việc thực hiện các quyết định có liên quan của Hội nghị cấp cao ASEAN, điều phối công việc trong các lĩnh vực phụ trách và những vấn đề liên quan đến Hội đồng Cộng đồng khác.

- *Các Hội nghị Bộ trưởng chuyên ngành (ASEAN Sectoral Ministerial Bodies)* là các hội nghị bộ trưởng ASEAN trên tất cả các lĩnh vực hợp tác, có nhiệm vụ thực hiện các thỏa thuận và quyết định của Hội nghị cấp cao ASEAN trong phạm vi phụ trách và kiến nghị lên các Hội đồng Cộng đồng liên quan các giải pháp nhằm triển khai và thực thi các quyết định của Hội nghị cấp cao ASEAN.

- *Tổng Thư ký ASEAN và Ban Thư ký ASEAN (Secretary-General of ASEAN/ASEAN Secretariat)* là cơ quan thường trực nhất của ASEAN, có nhiệm vụ triển khai thực thi các quyết định, thỏa thuận của ASEAN, hỗ trợ và theo dõi tiến độ thực hiện các thỏa thuận và quyết định của ASEAN, đệ trình báo cáo hằng năm về các hoạt động của ASEAN lên Hội nghị cấp cao ASEAN.

- *Ủy ban Đại diện thường trực bên cạnh ASEAN (Committee of Permanent Representatives to ASEAN)* gồm các Đại diện thường trực được mỗi quốc gia bổ nhiệm với cấp hàm đại sứ bên cạnh ASEAN đặt tại Jakarta, có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động của các Hội đồng Cộng đồng ASEAN, phối hợp với các Ban Thư ký quốc gia và các cơ quan chuyên ngành cấp bộ trưởng ASEAN, thực hiện công tác liên lạc với Tổng Thư ký ASEAN và Ban Thư ký ASEAN.

- *Ban Thư ký ASEAN quốc gia (ASEAN National Secretariats)* là đầu mối điều phối và phối hợp hoạt động hợp tác ASEAN trong phạm vi mỗi quốc gia.

- *Cơ quan Nhân quyền ASEAN (ASEAN Human Rights Body),* tên chính thức là Ủy ban liên chính phủ về nhân quyền ASEAN, có nhiệm vụ thúc đẩy nhận thức về quyền con người trong các tầng lớp nhân dân ASEAN và tăng cường hợp tác giữa chính phủ các nước thành viên ASEAN với mục tiêu bảo vệ quyền con người.

- *Quỹ ASEAN (ASEAN Foundation)* có nhiệm vụ hỗ trợ Tổng Thư ký ASEAN và hợp tác với các cơ quan liên quan của ASEAN để phục vụ xây dựng Cộng đồng ASEAN, thông qua việc nâng cao nhận thức về bản sắc ASEAN, quan hệ tương tác giữa người dân với người dân và sự hợp tác chặt chẽ trong giới doanh nghiệp, xã hội dân sự, các nhà nghiên cứu và các nhóm đối tượng khác trong ASEAN.

Nguyên tắc hoạt động

Hiến chương ASEAN nêu rõ ASEAN và các quốc gia thành viên hoạt động theo nguyên tắc dưới đây:

i. Tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, toàn vẹn lãnh thổ và bản sắc dân tộc của tất cả các quốc gia thành viên.

ii. Cùng cam kết và chia sẻ trách nhiệm tập thể trong việc thúc đẩy hòa bình, an ninh và thịnh vượng ở khu vực.

iii. Không xâm lược, sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực hay các hành động khác dưới bất kỳ hình thức nào trái với luật pháp quốc tế.

iv. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

v. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia thành viên ASEAN.

vi. Tôn trọng quyền của các quốc gia thành viên được quyết định vận mệnh của mình mà không có sự can thiệp, lật đổ và áp đặt từ bên ngoài.

vii. Tăng cường tham vấn về các vấn đề có ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích chung của ASEAN.

viii. Tuân thủ pháp quyền, quản trị tốt các nguyên tắc của nền dân chủ và chính phủ hợp hiến.

ix. Tôn trọng các quyền tự do cơ bản, thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền và công bằng xã hội.

x. Đề cao Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế bao gồm cả luật nhân đạo quốc tế mà các quốc gia thành viên đã tham gia.

xi. Không tham gia vào bất kỳ một chính sách hay hoạt động nào, kể cả việc sử dụng lãnh thổ của một nước, do bất kỳ một quốc gia thành viên ASEAN hay ngoài ASEAN hoặc đối tượng không phải là quốc gia thành viên tiến hành, đe dọa đến chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, hay sự ổn định chính trị và kinh tế của các quốc gia thành viên ASEAN.

xii. Tôn trọng sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ và tôn giáo của người dân ASEAN, đồng thời nhấn mạnh những giá trị chung trên tinh thần thống nhất trong đa dạng.

xiii. Giữ vững vai trò trung tâm của ASEAN trong các quan hệ về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội với bên ngoài, đồng thời vẫn duy trì tính chủ động, hướng ra bên ngoài, thu nạp và không phân biệt đối xử.

xiv. Tuân thủ các nguyên tắc thương mại đa bên và các cơ chế dựa trên luật lệ của ASEAN nhằm triển khai có hiệu quả các cam kết kinh tế và giảm dần, tiến tới loại bỏ hoàn toàn các rào cản đối với liên kết kinh tế khu vực, trong một nền kinh tế do thị trường thúc đẩy.

Khẩu hiệu của ASEAN

"Một Tầm nhìn, một Bản sắc, một Cộng đồng" là khẩu hiệu chính thức của ASEAN được ghi trong Hiến chương ASEAN.

Tầm nhìn là tổng hợp những mục tiêu chung

mà ASEAN đang hướng tới, thể hiện trong tất cả các thỏa thuận lớn của ASEAN. Năm 1997, ASEAN đã thông qua Tầm nhìn ASEAN 2020, trong đó nhấn mạnh ASEAN là "một tập hợp hài hòa của các quốc gia Đông Nam Á" sống trong hòa bình, không có mâu thuẫn, xung đột, là "một nhóm đối tác phát triển năng động" và "một cộng đồng đùm bọc, chia sẻ".

Bản sắc là những giá trị đặc thù mà ASEAN qua quá trình xây dựng cộng đồng cùng đạt được, đó là ; (i). Các giá trị chung (tầm nhìn chung, sự chia sẻ các thông lệ chung, nhận thức chung về việc tôn trọng các giá trị riêng của các nước thành viên) ; (ii). Các thể chế chung mà ASEAN xây dựng như Ban Thư ký ASEAN, Hiến chương ASEAN,... ; (iii). Những biểu tượng riêng dễ nhận biết của ASEAN như logo ASEAN, bài hát ASEAN, cờ ASEAN, ngày ASEAN,...

Cộng đồng chính là Cộng đồng ASEAN mà ASEAN đang hướng tới. Cộng đồng ASEAN sẽ được xây dựng trên ba trụ cột là Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế, Cộng đồng Văn hóa - Xã hội hoàn thành vào năm 2015. Nội dung của Cộng đồng ASEAN có thể gói gọn trong ba chữ "P". Cộng đồng Chính trị - An ninh sẽ mang lại hòa bình (Peace), Cộng đồng Kinh tế sẽ mang lại thịnh vượng (Prosperity) và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội sẽ hướng tới mục tiêu cao nhất là phục vụ con người (People),...

Một vài con số về ASEAN

Thành viên của ASEAN là 10 thành viên, 1 quan sát viên đặc biệt (Papua Niu Ghinê); ASEAN có 11 nước đối thoại đầy đủ, 1 nước đối thoại từng phần (Pakixtan), trong đó, tất cả các nước đối thoại đầy đủ đều đã ký hoặc có tuyên bố xây dựng quan hệ đối tác (chiến lược, toàn diện, tăng cường) với ASEAN, 7 trong số 11 bên đối thoại đã và đang đàm phán xây dựng Khu vực thương mại tự do với ASEAN.

Tổng diện tích các quốc gia thành viên khoảng hơn 4,4 triệu km^2, xấp xỉ diện tích EU, gần bằng ½ diện tích lãnh thổ Mỹ và Trung Quốc. Trong đó, quốc gia có diện tích lớn nhất là Inđônêxia, hơn 1,9 triệu km^2, quốc gia có diện tích nhỏ nhất là quốc đảo Xingapo, diện tích là 697 km^2, bằng 1/2.600 lần diện tích Inđônêxia.

Tổng số dân của các nước thành viên khoảng gần hơn 620 triệu người, lớn hơn EU (hơn 500 triệu), xấp xỉ ½ dân số Trung Quốc (1,3 tỷ), gấp đôi số dân Mỹ (hơn 313 triệu), gấp gần 5 lần dân số Nga (hơn 142 triệu). Nước có số dân đông nhất ASEAN là Inđônêxia (khoảng 248 triệu), còn ít nhất là Brunây (408.786.000), mức chênh lệch là 606 lần. Ba nước đông dân nhất ASEAN là Inđônêxia, Philíppin và Việt Nam, chiếm 70% số dân ASEAN. Mật độ dân cư đông nhất là Xingapo (gần 7.315 người/km^2), còn thưa thớt nhất là Lào (26,7 người/km^2).

Tổng GDP năm 2011: 3.386 tỷ USD, bằng gần 1/5 Mỹ (khoảng 15.290 tỷ USD), 3/4 Nhật Bản và gần 1/3 Trung Quốc (lần lượt là 4.616 tỷ và 11.440 tỷ USD). Chênh lệch giữa nước có GDP cao nhất là Inđônêxia (1.139 tỷ USD) với nước có GDP thấp nhất là Lào (17,66 tỷ USD) là gần 65 lần. Xingapo có GDP bình quân đầu người cao nhất trong ASEAN (60.500 USD), gấp hơn 46 lần Mianma (1.300 USD).

Bạn hàng quan trọng nhất của ASEAN kể cả xuất khẩu và nhập khẩu là: bản thân các nước trong ASEAN, Nhật Bản, Liên minh châu Âu, Trung Quốc, và Mỹ. Ngoài ra còn có Hàn Quốc, Ôxtrâylia, Ấn Độ cũng là các thị trường quan trọng. Các nước đầu tư trực tiếp quan trọng nhất vào ASEAN là EU, Nhật Bản, Mỹ, Hàn Quốc, Trung Quốc. Các nước ASEAN hiện nay đang đứng đầu về cung cấp một số nguyên liệu cơ bản như cao su, thiếc, dầu thực vật và gỗ xẻ,...

Chỉ số phát triển con người (HDI) của ASEAN là 0,708, đứng thứ 110 trên thế giới, thuộc diện trung bình, thấp hơn so với bình quân thế giới (0,747), thấp hơn các nước Trung/Đông Âu (0,814), Mỹ Latinh và vùng Caribê (0,810), nhưng cao hơn so với các nước Nam Á (0,606) và bình quân của các nước đang phát triển (0,688)[1].

---

1. http://www.aseanaffairs.com

Quá trình phát triển của ASEAN

8-8-1967, Bộ trưởng Ngoại giao năm nước Inđônêxia, Malaixia, Philíppin, Thái Lan và Xingapo đã họp ở Băng Cốc và chính thức đưa ra Tuyên bố Băng Cốc về việc thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (Association of Southeast Asian Nations - ASEAN).

8-1968, Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao năm nước ASEAN ở Giacácta đã đưa ra nghị quyết thành lập các cơ quan nghiên cứu về kế hoạch, chương trình hợp tác kinh tế và đề nghị sự trợ giúp của Liên hợp quốc về chuyên môn và tài chính để thực hiện chương trình hợp tác kinh tế.

1971, Những thay đổi nhanh chóng trong khu vực và thế giới, đặc biệt trong quan hệ với các nước lớn như: căng thẳng trong quan hệ Liên Xô - Trung Quốc, cải thiện quan hệ Trung Quốc - Mỹ, sự ra đời học thuyết Nixon "Vấn đề của châu Á do châu Á tự giải quyết" làm dấy lên lo ngại khu vực sẽ bị đẩy vào một cuộc tranh chấp mới giữa các cường quốc, ASEAN ra Tuyên bố về Khu vực hòa bình, tự do và trung lập (ZOPFAN), nhấn mạnh quyết tâm giữ khu vực trung lập, không liên kết, qua đó giữ vững hòa bình, ổn định và an ninh khu vực, hạn chế can thiệp của lực lượng bên ngoài vào công việc nội bộ của khu vực.

1976, Hội nghị cấp cao lần thứ nhất của ASEAN (ASEAN-1) được tổ chức tại Bali (Inđônêxia) vào tháng 2. Hội nghị đã thông qua

hai văn kiện quan trọng là Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á, thường gọi là Hiệp ước Bali và Tuyên bố hòa hợp ASEAN, đánh dấu bước đột phá lớn trong hợp tác khu vực và cơ cấu tổ chức của ASEAN. Hội nghị cũng đưa ra Hiệp định thành lập Ban Thư ký ASEAN, có trụ sở tại Giacácta (Inđônêxia); thành lập năm ủy ban hợp tác kinh tế để đẩy mạnh hợp tác kinh tế; và thể chế hóa Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN (AEM).

1977

Tháng 2, Hiệp định ưu đãi thương mại PTA về hợp tác thương mại và đầu tư được ký kết, tạo ra nguồn động lực mới cho thương mại ASEAN vào tháng 2 năm 1977.

Tháng 8, Hội nghị cấp cao ASEAN-2 diễn ra vào đúng dịp kỷ niệm 10 năm thành lập ASEAN, đã thông qua *Tuyên bố chung* (Kuala Lumpur Declaration 1977), khẳng định lại cam kết đối với Hiệp ước Bali và Tuyên bố hòa hợp ASEAN. Hội nghị này cũng chính thức hình thành cơ chế đối thoại giữa ASEAN với các nước phát triển. Những người đứng đầu chính phủ ba nước ngoài khu vực là Nhật Bản, Ôxtrâylia, Niu Dilân đã tham gia các cuộc đối thoại với ASEAN sau hội nghị chính thức.

Cũng trong năm này, ASEAN thiết lập quan hệ đối thoại với Mỹ nhằm giải quyết các vấn đề trong quan hệ kinh tế giữa ASEAN và Mỹ cũng

như những vấn đề kinh tế quốc tế mà hai bên cùng quan tâm.

1980, ASEAN đã ký với EEC Hiệp định hợp tác để chính thức hóa các cuộc đối thoại hai bên.

1981, ASEAN thông qua Dự án bổ sung công nghiệp ASEAN (AIC). Theo đó, các nước ASEAN sẽ thực hiện chuyên môn hóa theo ngành dọc, hợp tác sản xuất các sản phẩm để cùng phân phối, tiêu thụ ở các nước thành viên trên cơ sở nhập khẩu ưu đãi.

7-1-1984, Brunây chính thức được kết nạp vào ASEAN tại Giacácta (Inđônêxia) và trở thành thành viên thứ sáu của ASEAN.

1987, vào dịp kỉ niệm 20 năm thành lập ASEAN, Hội nghị cấp cao ASEAN-3 được tổ chức ở Manila (Philíppin) tháng 12, đã thông qua *Tuyên bố Manila* 1987 bày tỏ quyết tâm của các nước thành viên trong việc thúc đẩy hợp tác an ninh - chính trị, kinh tế và các lĩnh vực khác.

1989, Papua Niu Ghinê tham gia Hiệp ước Bali.

1991, ASEAN tiến hành đối thoại đầy đủ với Hàn Quốc.

1992, Hội nghị cấp cao ASEAN-4 diễn ra vào tháng 1 tại Xingapo đã tuyên bố tán thành việc Việt Nam tham gia Hiệp ước Bali đồng thời thỏa thuận về tiến trình và cơ chế đối thoại hợp tác an ninh giữa ASEAN và các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Hội nghị chính thức quyết định thành lập Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA); ASEAN đã ký Hiệp định khung

về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung cho Khu vực Thương mại Tự do ASEAN (CEPT/AFTA), bắt đầu tiến trình tự do hóa kinh tế khu vực. Cũng trong năm này, ASEAN ra Tuyên bố về Biển Đông, xác lập nguyên tắc giải quyết các mâu thuẫn ở khu vực này bằng biện pháp hòa bình trước bối cảnh Chiến tranh lạnh đã kết thúc và môi trường an ninh khu vực đang có những biến chuyển sâu sắc.

22-7-1992, tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN (AMM) lần thứ 25, Việt Nam và Lào chính thức tham gia Hiệp ước Bali và trở thành quan sát viên của ASEAN.

1993, ASEAN bắt đầu mở rộng quan hệ đối ngoại, thúc đẩy đối thoại về an ninh ở khu vực thông qua việc lập Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) tại Hội nghị Bộ trưởng ASEAN lần thứ 26 (tháng 7 năm 1993).

1994

Ngày 25 tháng 7, tại Băng Cốc, Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) chính thức được thành lập và tiến hành kỳ họp đầu tiên với sự tham gia của sáu nước thành viên ASEAN (Brunây, Inđônêxia, Malaixia, Philíppin, Xingapo và Thái Lan), ba nước quan sát viên của ASEAN (Việt Nam, Lào, Papua Niu Ghinê), các bên đối thoại của ASEAN (Ôxtrâylia, Canađa, EU, Nhật Bản, Niu Dilân, Hàn Quốc và Mỹ) cùng hai nước bạn hàng của ASEAN là Nga và Trung Quốc.

Tháng 9, tại Hội nghị cấp cao các nhà kinh tế thuộc khu vực tư nhân châu Âu - Đông Á tại Pari, Thủ tướng Xingapo Gô Chốc Tông đã nêu đề xuất về việc tăng cường mối quan hệ giữa hai trung tâm kinh tế lớn của thế giới là châu Âu và châu Á.

1995, ASEAN có hai bước tiến quan trọng : (i). kết nạp Việt Nam (ngày 28 tháng 7 năm 1995), bắt đầu tiến trình mở rộng ASEAN ; (ii). Ký kết Hiệp ước về Khu vực Đông Nam Á không vũ khí hạt nhân (SEANWFZ), hưởng ứng phong trào giải trừ quân bị đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới sau Chiến tranh lạnh và hiện thực hóa Tuyên bố về Khu vực hòa bình, tự do và trung lập (ZOPFAN).

1996, Hội nghị cấp cao Á - Âu lần thứ nhất (ASEM-1) đã được tổ chức tại Băng Cốc (Thái Lan) từ ngày 1 đến 2 tháng 3, đánh dấu sự ra đời của ASEM với 26 nước thành viên sáng lập, gồm 15 nước EU (Anh, Ailen, Áo, Bỉ, Bồ Đào Nha, Đan Mạch, Đức, Hà Lan, Hy Lạp, Italia, Lúcxămbua, Pháp, Phần Lan, Tây Ban Nha, Thụy Điển) và Ủy ban châu Âu (EC), bảy nước thành viên ASEAN (Brunây, Inđônêxia, Malaixia, Philíppin, Thái Lan, Xingapo, Việt Nam) và ba nước Đông Bắc Á (Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc).

Từ tháng 7, ASEAN đã thiết lập quan hệ đối thoại đầy đủ với Trung Quốc, Liên bang Nga và Ấn Độ. Bên cạnh đó, ASEAN cũng tăng cường quan hệ với một số tiểu khu vực như Diễn đàn Nam Thái Bình Dương, Hiệp hội khu vực Nam Á,

Cộng đồng phát triển Nam Phi, các tổ chức ở Trung Mỹ và Nam Mỹ,… Đồng thời, ASEAN tiếp tục củng cố và phát triển theo chiều sâu mối quan hệ với các đối tác trước đây như Mỹ, Nhật Bản, các nước tư bản châu Âu, Canađa, Ôxtrâylia,…

1997, Cuộc khủng hoảng tài chính đã thúc đẩy tiến trình hợp tác Đông Á ra đời và được thể chế hóa năm 1999 với Tuyên bố chung về hợp tác Đông Á tại Hội nghị ASEAN+3 lần thứ 3 tại Manila, Philíppin. Trước viễn cảnh ASEAN sẽ sớm hoàn tất việc mở rộng bao gồm cả 10 nước Đông Nam Á , mở ra trang sử mới cho khu vực, ASEAN đã thông qua Tầm nhìn ASEAN 2020, với mục tiêu hướng tới một cộng đồng khu vực hòa bình, ổn định, hài hòa và phát triển thịnh vượng.

8-8-1997, đúng vào dịp ASEAN tròn 30 tuổi, hai nước Lào và Mianma đã trở thành thành viên thứ tám và thứ chín tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao lần thứ 30 của ASEAN ở Cuala Lămpơ (Malaixia).

1998, ASEAN đã thông qua Chương trình Hành động Hà Nội (HPA) tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 6 tại Hà Nội (ngày 16 đến 17 tháng 12), nhằm triển khai thực hiện Tuyên bố Tầm nhìn 2020 giai đoạn 1998 - 2004.

30-4-1999, Campuchia chính thức trở thành thành viên thứ 10 của ASEAN.

2002, ASEAN và Trung Quốc ký bản Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) tại Hội

nghị cấp cao ASEAN lần thứ 8 diễn ra ở Phnôm Pênh ngày 4 tháng 11, quy định cách ứng xử của các bên ở Biển Đông, cam kết sẽ hợp tác xây dựng lòng tin và hướng tới xây dựng một Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC).

Trong khuôn khổ Hội nghị cấp cao này ASEAN đã: (i). Cùng Nhật Bản thông qua tuyên bố thiết lập đối tác kinh tế toàn diện, trong đó bao gồm các yếu tố của một khu vực thương mại tự do giữa hai bên trong vòng 10 năm; (ii). Cùng Trung Quốc ký Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Trung Quốc, trong đó quy định thành lập Khu vực Thương mại Tự do Trung Quốc - ASEAN (CAAFTA); (iii). Cùng Ấn Độ ra Tuyên bố về xây dựng Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Ấn Độ (AICEP) hướng tới việc thành lập một Khu vực Thương mại Tự do ASEAN - Ấn Độ.

2003, ASEAN tiến một bước nữa trong việc tăng cường liên kết khu vực khi cho ra đời Tuyên bố hòa hợp ASEAN II (Tuyên bố Bali), xác định mục tiêu thành lập Cộng đồng ASEAN gồm ba trụ cột: Cộng đồng An ninh (sau này gọi là Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội.

2004, Hội nghị cấp cao ASEAN-10 ở Viêng Chăn (Lào) vào tháng 11 đã thông qua *Chương trình hành động Viêng Chăn*. Chương trình đưa ra biện pháp nhằm thực hiện cam kết của ASEAN về

xây dựng AEC đã được cụ thể hóa. Hội nghị cũng thông qua Kế hoạch hành động xây dựng Cộng đồng an ninh ASEAN (ASC).

2005, Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS) lần thứ nhất được tổ chức tại Cuala Lămpơ, Malaixia vào tháng 12 với sự tham gia của nguyên thủ các nước thành viên ASEAN, Ôxtrâylia, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc và Niu Dilân. Tại hội nghị này, lãnh đạo các nước đã ký Tuyên bố chung về cấp cao Đông Á, trong đó đề ra mục tiêu, nguyên tắc, lĩnh vực và các phương thức chính cho hoạt động của EAS.

2006, ASEAN đã chính thức thành lập cơ chế Hội nghị Bộ trưởng quốc phòng ASEAN (ADMM) tại cuộc họp đầu tiên ở Malaixia vào tháng 5, đánh dấu sự khởi đầu của cơ chế hợp tác quốc phòng chính thức trong ASEAN và là dấu mốc quan trọng trong lịch sử ASEAN.

2007

Tháng 1, tại Hội nghị cấp cao ASEAN-12 được tổ chức tại Philíppin, các nhà lãnh đạo ASEAN đã ký Tuyên bố Cebu về việc đẩy nhanh việc xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2015 trên ba trụ cột: kinh tế, chính trị - an ninh và văn hóa - xã hội, trong đó trụ cột kinh tế có vai trò trọng tâm với tiêu chí hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC).

Tháng 11, tại Hội nghị cấp cao ASEAN-13 ở Xingapo, lãnh đạo các nước đã ký Hiến chương

ASEAN nhằm tạo cơ sở pháp lý và khuôn khổ thể chế cho sự gia tăng liên kết khu vực, trước mắt là hỗ trợ mục tiêu hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN vào năm 2015.

2008, Hiến chương ASEAN chính thức có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12.

2009, Lộ trình xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN và ba kế hoạch tổng thể về xây dựng Cộng đồng được ASEAN thông qua nhằm xác định các bước đi cụ thể hướng tới hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN vào năm 2015.

Vào dịp kỷ niệm 15 năm ngày thành lập, ARF thông qua *Tuyên bố tầm nhìn Diễn đàn Khu vực ASEAN*, khẳng định bước phát triển của ARF đến năm 2020. Theo đó, đến năm 2020, ARF "sẽ là trụ cột trung tâm trong một cấu trúc an ninh khu vực đang phát triển", pháp luật hướng tới xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN.

Trong năm này ASEAN đã thành lập Ủy ban Liên chính phủ ASEAN về nhân quyền (AICHR) với vai trò xây dựng các chiến lược nhằm tăng cường hợp tác khu vực về vấn đề quyền con người trong quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN.

2010, Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN mở rộng (ADMM+) lần đầu tiên được tổ chức thành công tại Việt Nam với sự có mặt của bộ trưởng quốc phòng 18 nước (10 nước ASEAN và tám nước đối tác của ASEAN). Hội nghị đã thống nhất được những vấn đề cơ bản

liên quan tới nguyên tắc, cơ chế vận hành, định hướng hợp tác của ADMM+, đó là: cùng nhau hợp tác vì hòa bình, an ninh và thịnh vượng chung trong khu vực.

Ngày 30 tháng 10, nhân dịp kỷ niệm năm năm thành lập EAS (Hội nghị cấp cao Đông Á - EAS) lần thứ năm (tổ chức tại Hà Nội) đã thông qua Tuyên bố Hà Nội, trong đó khẳng định lại các nguyên tắc, mục tiêu, thể thức và các lĩnh vực hợp tác ưu tiên trong EAS. Hội nghị cấp cao EAS-5 cũng ra quyết định mời Nga và Mỹ chính thức tham gia EAS bắt đầu từ Hội nghị EAS-6 diễn ra vào cuối năm 2011 tại Inđônêxia.

2011, Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 19 tổ chức tại Bali tháng 11 đã ký thông qua "Tuyên bố Bali về Cộng đồng ASEAN trong Cộng đồng các quốc gia toàn cầu". Tuyên bố khẳng định quyết tâm cũng như cam kết của các nước ASEAN về xây dựng lập trường, quan điểm chung trong việc hợp tác ứng phó với các vấn đề toàn cầu; nâng cao vai trò và tiếng nói của ASEAN tại các cơ chế quốc tế như Liên hợp quốc (UN), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC),… qua đó đóng góp tích cực hơn vào các nỗ lực chung nhằm duy trì môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển trong khu vực cũng như trên thế giới.

2012

Tháng 7, Tài liệu "Quan điểm của ASEAN về

các thành tố cần có của COC" để trình lên Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN lần thứ 45 (AMM-45) và Hội nghị cấp cao ASEAN-20 tại Campuchia đã không được nước chủ nhà Campuchia và Trung Quốc đón nhận tích cực. Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 45 không đưa ra được thông cáo chung, sự kiện chưa từng có trong lịch sử 45 năm hoạt động của ASEAN. Sau những nỗ lực ngoại giao của ngoại trưởng Inđônêxia, đặc biệt là các cuộc tham vấn trực tiếp với các bộ trưởng ngoại giao Việt Nam, Philíppin và Campuchia, các nước ASEAN đã thống nhất được *Nguyên tắc 6 điểm của ASEAN về vấn đề Biển Đông* - một văn bản khẳng định quan điểm của ASEAN cũng như tạo cơ sở bảo đảm cho các bên liên quan tôn trọng, tuân thủ trong cách hành xử ở Biển Đông.

Tháng 11, tại Hội nghị cấp cao ASEAN-21, các nhà lãnh đạo ASEAN - Trung Quốc đã thông qua *Tuyên bố chung kỷ niệm 10 năm DOC*, trong đó tái khẳng định lại những cam kết về việc tuân thủ luật pháp quốc tế trong việc giải quyết tranh chấp ở Biển Đông.

2013

Tháng 8, tại Diễn đàn cấp cao kỷ niệm 10 năm quan hệ đối tác chiến lược ASEAN - Trung Quốc ở Brunây, các nhà lãnh đạo khẳng định nỗ lực triển khai Chương trình hành động giai đoạn 2011-2015, chú trọng hơn nữa hợp tác trên các lĩnh vực trọng

tâm như thương mại, đầu tư, kết nối, đồng thời mở rộng quy mô hợp tác trong các lĩnh vực khác như an ninh năng lượng và lương thực, khoa học - công nghệ, giao thông, giáo dục, y tế,…

Tháng 12, tại Hội nghị cấp cao kỷ niệm 40 năm quan hệ đối thoại ASEAN - Nhật Bản tại Tôkyô tháng 12-2013, hai bên đã thông qua Tuyên bố tầm nhìn về quan hệ hữu nghị và hợp tác ASEAN - Nhật Bản. Theo đó, ASEAN và Nhật Bản sẽ tăng cường hợp tác trong quản lý thiên tai, chống khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia, an ninh và an toàn hàng hải, hàng không; tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư, tiến tới hình thành Khu vực thương mại tự do ASEAN - Nhật Bản toàn diện.

CÁC KHUÔN KHỔ HỢP TÁC CỦA ASEAN

Khuôn khổ hợp tác khu vực

ARF (ASEAN Regional Forum - Diễn đàn Khu vực ASEAN): Diễn đàn thảo luận và hợp tác an ninh ở châu Á - Thái Bình Dương do ASEAN chủ đạo, tới nay đã có 27 thành viên tham gia.

ASEAN+1: Cơ chế đối thoại giữa ASEAN và một trong các tổ chức hoặc quốc gia đối tác của ASEAN. Hiện ASEAN có 11 quốc gia và tổ chức là đối tác đối thoại.

ASEAN+3: Khuôn khổ hợp tác giữa ASEAN và ba nước Đông Bắc Á, bao gồm Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc.

EAS (East Asia Summit - Hội nghị cấp cao Đông Á): Diễn đàn đối thoại giữa ASEAN và Ấn Độ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Niu Dilân và Ôxtrâylia.

Liên khu vực

ASEM (Asia-Europe Meeting - Diễn đàn hợp tác Á - Âu)

APEC (Asia-Pacific Economic Cooperation - Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương)

Tiểu khu vực

ACMECS (Ayeyawady-Chao Phraya-Mekong Economic Cooperation Strategy - Chiến lược hợp tác kinh tế giữa ba dòng sông Ayeyawady-Chao Phraya-Mekong)

GMS (Greater Mekong Sub-Region - Khuôn khổ hợp tác tiểu vùng sông Mekong)

CÁC TỔ CHỨC CỦA ASEAN

APSC CỘNG ĐỒNG CHÍNH TRỊ - AN NINH ASEAN (ASEAN POLITICAL - SECURITY COMMUNITY)

AICHR Ủy ban Liên chính phủ ASEAN về nhân quyền (ASEAN Intergovernmental Commission on Human Rights)

AMM Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao các nước ASEAN (ASEAN Foreign Ministerial Meeting)

ARF Diễn đàn Khu vực ASEAN (ASEAN Regional Forum)

ADMM Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN (ASEAN Defence Ministers Meeting)

ALAWMM Hội nghị Bộ trưởng Tư pháp các nước ASEAN (ASEAN Law Ministers Meeting)

AMMTC Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về tội phạm xuyên quốc gia (ASEAN Ministerial Meeting on Transnational Crime)

AEC CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN (ASEAN ECONOMIC COMMUNITY)

AEM Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế các nước ASEAN (ASEAN Economic Ministers Meeting)

AFTA Khu vực Thương mại tự do ASEAN (ASEAN Free Trade Area)

AMEM Hội nghị Bộ trưởng Năng lượng các nước ASEAN (ASEAN Ministers on Energy Meeting)

AMAF Hội nghị Bộ trưởng Nông - Lâm nghiệp ASEAN (ASEAN Ministerial Meeting on Agriculture and Forestry)

AFMM Hội nghị Bộ trưởng Tài chính các nước ASEAN (ASEAN Finance Ministers Meeting)

AIA Khu vực đầu tư ASEAN (ASEAN Investment Area)

AMMST Hội nghị Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ các nước ASEAN (ASEAN Ministerial Meeting on Science and Technology)

COST Ủy ban Khoa học Công nghệ ASEAN (ASEAN Committee on Science and Technology)

AMBDC Chương trình hợp tác phát triển lưu

vực sông Mê Kông - ASEAN (ASEAN - Mekong Basin Development Cooperation)

ATM Hội nghị Bộ trưởng Giao thông các nước ASEAN (ASEAN Transport Ministers Meeting)

TELMIN Hội nghị Bộ trưởng Viễn thông và Công nghệ thông tin ASEAN (ASEAN Telecommunications and IT Ministers Meeting)

M-ATM Hội nghị Bộ trưởng Du lịch các nước ASEAN (ASEAN Tourism Ministers Meeting)

NDG Sáng kiến Liên kết ASEAN và Thu hẹp khoảng cách phát triển (Initiative for ASEAN Integration (IAI) and Narrowing the Development Gap)

ASCC CỘNG ĐỒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI (ASEAN SOCIO-CULTURAL COMMUNITY)

AMCA Hội nghị Bộ trưởng phụ trách Văn hóa và Nghệ thuật các nước ASEAN (ASEAN Ministers Responsible for Culture and Arts)

AMMS Hội nghị Bộ trưởng Thể thao các nước ASEAN (ASEAN Ministerial Meeting on Sports)

ACDM Ủy ban ASEAN về Quản lý thảm họa (ASEAN Committee on Disaster Management)

ASED Hội nghị Bộ trưởng Giáo dục các nước ASEAN (ASEAN Education Ministers Meeting)

AMME Hội nghị Bộ trưởng Môi trường các nước ASEAN (ASEAN Ministerial Meeting on Environment)

AHMM Hội nghị Bộ trưởng Y tế các nước ASEAN (ASEAN Health Ministers Meeting)

AMRI Hội nghị Bộ trưởng ASEAN phụ trách Thông tin (ASEAN Ministers Responsible for Information)

ALMM Hội nghị Bộ trưởng Lao động các nước ASEAN (ASEAN Labour Ministers Meeting)

AMRDPE Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Phát triển Nông thôn và Xóa đói giảm nghèo (ASEAN Ministers Meeting on Rural Development and Poverty Eradication)

AMMSWD Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Phúc lợi xã hội và Phát triển (ASEAN Ministerial Meeting on Social Welfare and Development)

AMMW Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Phụ nữ (ASEAN Ministerial Meeting on Women)

AMMY Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Thanh niên (ASEAN Ministerial Meeting on Youth)

CÁC VĂN KIỆN QUAN TRỌNG CỦA ASEAN

Tuyên bố Băng Cốc về việc thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á chính thức được đưa ra ngày 8-8-1967. Đây là văn kiện đầu tiên, quan trọng nhất của tổ chức, trong đó nêu rõ tôn chỉ, nguyên tắc và mục đích của ASEAN. Tuyên bố Băng cốc đánh dấu bước phát triển mới của các nước Đông Nam Á trong việc xây dựng một tổ

chức hợp tác khu vực. Nội dung Tuyên bố Băng Cốc tập trung vào việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hóa, đồng thời cũng rõ mục tiêu chính trị cơ bản của ASEAN là bảo đảm ổn định, an ninh và phát triển cho toàn bộ khu vực Đông Nam Á và từng nước ASEAN. Tuyên bố cũng nêu rõ, ASEAN cũng chủ trương mở rộng tổ chức cho các nước trong khu vực tham gia, theo đúng tinh thần: "Hiệp hội này mở rộng cho tất cả các quốc gia Đông Nam Á tán thành các tôn chỉ, nguyên tắc và mục đích nói trên tham gia".

Tuy nhiên, với những mục tiêu và nội dung hợp tác ban đầu nêu trên, Tuyên bố Băng Cốc không phải là một hiệp định có tính pháp lý ràng buộc các hội viên một cách chặt chẽ. Điều đó cho thấy, trong buổi đầu thành lập, ASEAN không phải là một tổ chức khu vực có tính pháp lý cao, ràng buộc chặt chẽ các nước hội viên mà là tổ chức phối hợp hoạt động, dung hòa lợi ích giữa các nước thành viên.

Tuyên bố về khu vực hòa bình, tự do và trung lập (ZOPFAN Declaration), được thông qua tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao năm nước ASEAN ngày 27-11-1971. Tuyên bố ZOPFAN (hay còn gọi là Tuyên bố Cuala Lămpơ) thể hiện ý thức tự cường của các quốc gia trong khu vực, nhằm hạn chế sự dính líu của các cường quốc bên ngoài, đồng thời thể hiện lập trường trung lập hóa và mong muốn thoát ra khỏi sự ràng

buộc vào các khối liên minh quân sự của các thành viên ASEAN trong bối cảnh Chiến tranh lạnh. Tuy vậy, trong thời gian này, việc thực hiện những ý tưởng của ZOPFAN và cơ chế hợp tác nhằm triển khai ZOPFAN chưa thực sự được tiến hành trên thực tế.

Hiệp ước thân thiện và hợp tác Đông Nam Á (TAC - Treaty of Amity and Cooperation in Southeast Asia), được ký kết bởi nguyên thủ của năm quốc gia thành viên là Inđônêxia, Malaixia, Philíppin, Xingapo, Thái Lan ngày 24 tháng 2 năm 1976, trong khuôn khổ Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ nhất được tổ chức tại Bali (Inđônêxia). Hiệp ước quy định những nguyên tắc cơ bản điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia trong khu vực, thể hiện mong muốn của ASEAN là "tăng cường hợp tác với các quốc gia yêu chuộng hòa bình, góp phần thúc đẩy hòa bình, ổn định và thân thiện trên thế giới". Hiệp ước đặt ra những cơ sở, nền tảng cho một nền hòa bình lâu dài ở khu vực trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của các nước, không can thiệp vào nội bộ của nhau, giải quyết hòa bình các tranh chấp trong khu vực và kêu gọi hợp tác có hiệu quả trên các lĩnh vực kinh tế, thương mại, cải thiện cơ sở hạ tầng kinh tế vì lợi ích chung của các nước trong khu vực.

Tuyên bố hòa hợp ASEAN được đưa ra tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ nhất được tổ

chức tại Bali (Inđônêxia) năm 1976. Tuyên bố nêu rõ mục tiêu và nguyên tắc bảo đảm sự ổn định chính trị ở khu vực như đẩy mạnh hợp tác trên lĩnh vực phát triển kinh tế, văn hóa, giúp đỡ lẫn nhau khi gặp thiên tai, hợp tác trong các chương trình phát triển khu vực, giải quyết hòa bình các tranh chấp ở khu vực, đồng thời xác định rõ những lĩnh vực hợp tác cụ thể về kinh tế.

Hai văn kiện nêu trên đã thể chế hóa các chương trình hợp tác của ASEAN nhằm thực hiện các chương trình hành động trong các lĩnh vực hợp tác khác nhau, từ chính trị - an ninh đến kinh tế, văn hóa, xã hội,… trong đó vấn đề chính trị - an ninh được đưa lên hàng đầu. Cũng trong các văn kiện này, các nước ASEAN đã nhấn mạnh đến sự cần thiết phải tiến hành Hội nghị cấp cao của nguyên thủ quốc gia các nước thành viên, việc giải quyết các cuộc tranh chấp trong khu vực bằng biện pháp hòa bình càng sớm càng tốt và việc cải tiến bộ máy tổ chức của ASEAN để tăng cường hợp tác chính trị. Sự ra đời của hai văn kiện trên được đánh giá là sự trưởng thành về nhận thức và phản ứng kịp thời của ASEAN trước những chuyển biến của tình hình khu vực, thể hiện sự gắn bó chặt chẽ hơn giữa các nước thành viên trong các vấn đề hợp tác khu vực.

Hiệp ước về khu vực Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ) được ký kết tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ năm ở Băng Cốc

(12-1995). Việc ký kết SEANWFZ là một bước tiến quan trọng trong việc hiện thực hóa tư tưởng ZOPFAN (Khu vực hòa bình, tự do và trung lập), đặt cơ sở pháp lý cho các nước liên quan cùng tham gia các hiệp ước quốc tế về giải trừ quân bị và không phổ biến vũ khí hạt nhân. SEANWFZ chẳng những phù hợp với nguyện vọng và lợi ích chung của các nước thành viên, mà còn góp phần nâng cao uy tín ASEAN về khả năng đề xuất, thực hiện các cam kết nhằm duy trì hòa bình, ổn định ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và trên trường quốc tế.

Tuyên bố hòa hợp ASEAN II, được các nhà lãnh đạo 10 nước ASEAN ký ngày 7-10-2003 tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 9 tổ chức tại Bali, Inđônêxia. Tuyên bố thông qua một khuôn khổ nhằm tiến tới xây dựng một cộng đồng ASEAN thống nhất, tự cường, gắn bó và năng động dựa trên ba trụ cột chính: Cộng đồng An ninh, Cộng đồng Kinh tế, Cộng đồng Văn hóa - Xã hội; đồng thời tiếp tục khẳng định ASEAN là một nhóm các quốc gia Đông Nam Á hòa hợp, gắn bó với nhau thông qua quan hệ đối tác trong sự phát triển năng động và trong một cộng đồng đùm bọc lẫn nhau, cam kết giữ gìn sự đa dạng văn hóa và hòa hợp xã hội.

Hiến chương ASEAN được chính thức đề cập tại Hội nghị cấp cao ASEAN năm 2004 tại Viêng Chăn và được Hội nghị cấp cao ASEAN năm 2005

tại Cuala Lămpơ thông qua. Hiến chương ASEAN được ký ngày 20 tháng 11 năm 2007 tại Xingapo, bắt đầu có hiệu lực ngày 15 tháng 12 năm 2008. Ngoài *Lời mở đầu*, Hiến chương gồm 13 chương, 55 điều. Mục đích xây dựng Hiến chương ASEAN là để tăng cường liên kết ASEAN, xây dựng thành công Cộng đồng ASEAN, giúp ASEAN tiếp tục hoạt động hiệu quả và có vai trò trong thế giới toàn cầu hóa sâu rộng, giúp ASEAN đóng góp tốt hơn cho hòa bình, ổn định, thịnh vượng và hài hòa xã hội ở khu vực và trên thế giới. Bên cạnh đó, Hiến chương cũng bổ sung một số mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của ASEAN, điều chỉnh một số phương thức hoạt động, tạo thêm một số cơ quan mới trong bộ máy nên hợp tác ASEAN sẽ rộng hơn và chặt chẽ hơn.

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. HOÀNG PHONG HÀ
Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung: ThS. NGUYỄN KIM NGA
ThS. LÊ THANH HUYỀN
NGUYỄN THU HƯỜNG
NGUYỄN MINH HÀ
Vẽ bìa: ĐƯỜNG HỒNG MAI
Chế bản vi tính: NGUYỄN THỊ HẰNG
Sửa bản in: NGUYỄN THỊ HỒNG QUÝ
Đọc sách mẫu: NGUYỄN THU HƯỜNG
NGUYỄN MINH HÀ

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT; Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080 49221 Fax: 080 49222 Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC

Đại học Luật Hà Nội
PGS.TS. Tô Văn Hoà
NGHIÊN CỨU SO SÁNH HIẾN PHÁP CÁC QUỐC GIA ASEAN

TS. Trịnh Thị Hoa
QUÁ TRÌNH ĐẤU TRANH CỦNG CỐ ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA LIÊN BANG MALAIXIA

TS. Ngô Đức Mạnh
QUỐC HỘI VIỆT NAM VỚI AIPA TRONG TIẾN TRÌNH XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG ASEAN